

DANH SÁCH CÁC CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP, CẤP LẠI, ĐIỀU CHỈNH CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DƯỢC
(cập nhật đến ngày 31 tháng 12 năm 2023)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1	Đặng Thái	Hải	13/7/1988	01/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2	Hồ Phạm Hoài	Tân	1979	01/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3	Nguyễn Thúy	Duy	12/3/1989	02/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4	Trương Thị Mỹ	Hạnh	1978	02/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
5	CAO THI PHONG	VÂN	20/6/1984	03/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
6	NGUYỄN THỊ KIM	THOÀ	01/10/1994	04/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
7	Phan Văn	Nho	1983	04/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
8	Nguyễn Thị Thùy	Dung	12/8/1989	05/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
9	Đoàn Lê Thanh Ngọc Thủy	Tiên	1982	05/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
10	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẨM	27/8/1987	06/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
11	Bạch Văn	Út	1984	06/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
12	Nguyễn Thị Thúy	Hồng	12/8/1987	07/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
13	ĐẶNG THỊ KIM	NHUNG	28/4/1979	08/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
14	Mai Hữu	Tâm	1982	08/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
15	Võ Thị	Vàng	30/7/1978	09/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
16	Nguyễn Phú	Hữu	05/3/1987	10/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
17	Phạm Hoàng	Thái	1981	10/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
18	Vũ Hồng	Thúy	30/8/1984	100/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
19	Phan Thanh	Trúc	16/4/1975	1000/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
20	Ngô Thị Bích	Lan	1991	1000/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
21	NGUYỄN TUẤN	ĐẠT	18/5/1994	1001/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã
22	Lê Thanh	Tú	1983	1001/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
23	Nguyễn Trúc	Ly	1992	1002/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
24	Võ Thị Kim	Ngọc	26/4/1994	1003/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
25	Lê Thị Mai	Thảo	1982	1003/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
26	Võ Nữ Ngọc	Ánh	17/7/1995	1004/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
27	Lê Thị	Diễm	1980	1004/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
28	Đoàn Anh	Nhi	24/11/1995	1005/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
29	Bùi Hữu	Dược	1989	1005/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
30	Nguyễn Thị Kim	Lợi	1984	1006/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
31	LÊ THÁI	SƠN	18/02/1991	1007/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
32	Phan Thị Mai	Ly	1971	1007/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
33	Mai Thị Thảo	Quyên	18/12/1991	1008/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
34	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	1968	1008/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
35	Bùi Thị	Kim	1986	1009/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
36	Phùng Hồ Hồng	Ngọc	1987	1009/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
37	BÙI THỊ HỒNG	LINH	01/01/1982	101/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
38	Lê Kim	Luyến	1987	101/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
39	Nguyễn Thị Kim	Nhiệm	17/5/1994	1010/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
40	Nguyễn Đăng Võ Tuyết	Anh	1985	1010/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
41	Tạ Văn	Hòa	1977	1011/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
42	Trần Thị Tú	Em	24/02/1989	1012/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
43	Nguyễn Võ Vĩnh	Phúc	1983	1012/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
44	La Thị Mỹ	Duyên	02/02/1991	1013/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
45	Huỳnh Thanh	Trà	1987	1013/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
46	Nguyễn Thị	Nhung	1973	1014/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
47	Trần Thị Thu	Vân	1989	1014/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
48	Thái Văn	Nghị	19/02/1991	1015/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
49	Nguyễn Thị Minh	Khoa	1991	1016/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
50	Lê Văn	Tuấn	05/9/1976	1017/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
51	Dương Thị Bích	Phượng	1988	1017/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
52	TRẦN VĂN	KHƯƠNG	1986	1018/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
53	Huỳnh Thanh	Hồng	1964	1018/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
54	Trần Thị Thúy	Huỳnh	02/11/1993	1019/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
55	Ngô Võ Minh	Hoàng	1988	1019/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
56	BÙI THỊ THỰC	NHÂN	28/11/1987	102/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
57	Trần Thanh	Thúy	25/5/1974	1020/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
58	NGUYỄN THỊ LỆ	HĂNG	11/6/1994	1021/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
59	Nguyễn Thanh	Tuấn	1972	1021/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
60	NGUYỄN HẢI	LÂM	1995	1022/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
61	Đỗ Thanh	Tuấn	1969	1022/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
62	Võ Thị Ngọc	Ngà	23/3/1994	1024/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
63	Bùi Ngọc	Giàu	1975	1024/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
64	Nguyễn Phước Hải	Du	30/6/1981	1025/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
65	Trần Thị Thanh	Trúc	1968	1025/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
66	Lý Đa	Thời	31/3/1982	1026/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
67	Tạ Đức	Thắng	1988	1026/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
68	Nguyễn Vũ Quế	Anh	14/5/1994	1027/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
69	Trương Thị Thanh	Tuyền	1988	1027/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
70	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	1986	1028/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
71	LÊ THỊ BÉ	HOÀNG	31/8/1997	1029/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
72	Tổng Dương Diễm	Chinh	1990	1029/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
73	HÀ DUY	THANH	12/10/1990	103/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
74	Huỳnh Thị Diễm	Trinh	01/11/1994	1030/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
75	Phạm Minh	Mẫn	1970	1030/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
76	Khuu Hồng	Giang	05/9/1990	1031/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm); Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm); Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
77	Lê Thị Cẩm	Hà	1990	1031/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
78	Diệp Thúy	Quỳnh	16/12/1984	1032/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
79	Nguyễn Thị Thanh	Lan	1983	1032/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
80	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	1987	1033/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
81	Đoàn Nguyễn Minh	Châu	10/10/1994	1034/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
82	Nguyễn Thị Mỹ	Nương	1989	1034/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
83	Đỗ Xuân	Huyền	12/7/1989	1035/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc
84	Đình Thị	Bích	1983	1036/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
85	Nguyễn Hồng	Nhung	10/9/1995	1038/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
86	Võ Diệu	Hằng	1975	1038/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
87	Ngô Kim	Ngọc	09/4/1994	1039/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
88	Phạm Thị Diễm	Kiều	1982	1039/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
89	Võ Thị Hồng	Nhung	06/11/1993	104/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
90	Vương Bích	Hợp	24/6/1986	1040/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
91	Lê Thị Ngọc	Hạnh	1989	1040/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
92	Lê Thị Huyền	Nga	01/01/1971	1041/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
93	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	1992	1041/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
94	Tiêu Hùng	Dũng	18/10/1994	1042/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
95	Đình Thị Ngọc	Diệp	1987	1043/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
96	Huỳnh Ngọc	Phi	1981	1043/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
97	Lâm Nguyên Minh	Nhật	30/7/1993	1044/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
98	Lê Hồng	Dân	1982	1044/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
99	Phạm Thị Vĩnh	Trình	1981	1045/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
100	Nguyễn Thị	Hoa	1965	1045/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
101	Nguyễn Hồng	Thúy	19/7/1995	1046/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
102	Trần Quang	Thành	1949	1046/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
103	Lê Thị Phương	Trang	26/7/1994	1047/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
104	Dương Thành	Tài	26/7/1994	1048/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
105	Phạm Thị Thúy	Nguyên	1982	1048/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
106	Trang Hồng	Ngân	1983	1049/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
107	Lương Thị Bích	Nhung	09/9/1977	105/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
108	Phạm Thị Kim	Loan	1959	105/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
109	Nguyễn Ngọc Phương	Thanh	26/02/1994	1050/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
110	Trần Trí	Nhân	1988	1050/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc;
111	Võ Thùy Thuỳ	Nhiên	08/7/1995	1051/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
112	Nguyễn Thái	Lộc	1982	1051/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
113	Phạm Thị Lan	Chi	22/8/1996	1052/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
114	Diệp Thanh	Ngân	1964	1052/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
115	Trần Thị	Tươi	27/7/1978	1053/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
116	Trần Thị Mỹ	Anh	1982	1053/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
117	Võ Thị Ngọc	Diệu	08/01/1993	1054/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
118	Võ Thị Kim	Ngân	26/01/1995	1055/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
119	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	1971	1055/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
120	Nguyễn Anh	Huy	09/9/1989	1056/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
121	Trần Thị Thu	Ngân	1989	1056/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
122	Nguyễn Văn	Phối	10/02/1967	1057/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
123	Nguyễn Quốc	Huy	1981	1057/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
124	La Hoàng	Nam	1982	1058/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
125	Nguyễn Thị Thùy	Linh	1985	1058/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
126	Trần Hữu	Nhơn	26/02/1993	1059/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
127	Nguyễn Thị Thu	Hương	12/4/1983	106/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
128	TRẦN VĂN	ĐỆN	15/10/1992	1060/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
129	Lê Thị Ánh	Hồng	1986	1060/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
130	Trần Thu	Quyên	06/6/1994	1061/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
131	Võ Thị Huyền	Trần	1990	1061/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
132	Dương Thị Kiều	Oanh	14/02/1997	1062/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
133	Nguyễn Thanh	Nhân	1986	1062/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
134	Trần Hữu	Lộc	18/5/1993	1063/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
135	Phạm Văn	Liêm	1956	1063/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
136	Lê Ngọc	Hương	1964	1064/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
137	Nguyễn Văn	Út	1964	1064/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
138	Phạm Ngọc Yến	Nhi	05/9/1994	1065/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
139	Hoàng	Son	1960	1065/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
140	Lê Thị	Thương	27/10/1995	1066/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
141	Lê Thị Bích	Phượng	1988	1066/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
142	Trần Thị Ngọc	Quỳnh	23/5/1997	1067/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
143	Võ Thành	Nghiệp	1983	1067/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
144	Dương Thị	Oanh	24/4/1992	1068/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
145	Lê Thị Bích	Thùy	1988	1068/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
146	Huỳnh Như	Thảo	11/9/1994	1069/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất dược liệu; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc
147	Trương Minh	Nhật	1986	1069/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
148	Nguyễn Anh	Dũng	10/10/1969	107/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
149	Lê Thị Hồng	Ngọc	1972	107/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
150	Phạm Thị Ngọc	Hương	06/4/1997	1070/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
151	Phan Thị Ánh	Hồng	1950	1070/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
152	Huỳnh Thị Ngọc	Thư	05/12/1997	1071/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
153	Trương Thị Hoài	Trang	1987	1071/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
154	Lê Trung	Nhân	1977	1072/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
155	Đàm Duy	Tuấn	13/4/1993	1073/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
156	Lưu Thị Ngọc	Án	1984	1073/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
157	NGUYỄN VĂN	A	01/01/1978	1074/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
158	Phạm Thị Ánh	Tuyết	1986	1074/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
159	Nguyễn Thị Diễm	My	05/11/1997	1075/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
160	Đặng Đỗ	Quyên	1990	1075/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
161	Lê Vĩnh	Thuận	15/01/1985	1076/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
162	Lâm Thị Thu	Nhi	1983	1076/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
163	Đỗ Sơn	Hà	05/8/1994	1077/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
164	Phạm Võ Thùy	Linh	1989	1077/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
165	Trần Thị Hồng	Ngọc	01/01/1997	1078/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
166	Nguyễn Thị Ngọc	Minh	1982	1078/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
167	Trần Thị Minh	Nguyệt	01/01/1997	1079/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
168	Trương Thị Yến	Phượng	1984	1079/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
169	Bùi Thị Kim	Nhung	14/8/1994	108/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
170	Lê Hồng Thanh	Thảo	1977	108/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
171	Lê Cao	Thiên	1965	1080/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
172	Phạm Thị Cẩm	Trường	1965	1080/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
173	Nguyễn Hữu	Hòa	1984	1081/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
174	Hồ Tú	Trình	24/01/1995	1082/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
175	Nguyễn Thanh	Phong	1970	1082/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
176	Lê Thị Kiều	Oanh	23/01/1991	1083/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
177	Huỳnh Văn	Rện	1970	1083/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
178	Nguyễn Thị	Hạnh	13/10/1996	1084/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
179	Trần Cát	Vy	22/01/1994	1085/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
180	Huỳnh Thị Lệ	Tiên	1984	1085/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
181	Nguyễn Văn	Út	1992	1086/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
182	Huỳnh Thị Mộng	Cẩm	1991	1086/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
183	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	1989	1087/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
184	Phạm Hồng	Hà	1945	1087/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
185	NGUYỄN TIẾN	TRUNG	18/10/1973	1088/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
186	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	1990	1088/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
187	Hồ Thị Cẩm	Tiên	29/4/1988	1089/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc
188	Phạm Thị	Hoài	1975	1089/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
189	Trần Thị Thu	Thảo	09/9/1993	109/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
190	Huỳnh Quốc	Nghĩa	10/10/1984	1090/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
191	Trần Minh	Tâm	1990	1090/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
192	Ngô Thị Quỳnh	Như	1994	1091/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
193	Võ Duy	Khánh	1984	1091/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
194	Phan Thị Ánh	Ngọc	20/02/1996	1092/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
195	Đình Thị Hồng	Hạnh	1985	1092/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
196	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	10/3/1996	1093/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
197	Trần Thị Ngọc	Dung	1985	1093/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
198	Nguyễn Hoàng	Anh	20/6/1997	1094/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
199	Trần Thị	Lành	12/6/1971	1095/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
200	Đỗ Đình Yên	Bình	28/12/1997	1096/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
201	Trần Tuấn	Anh	1974	1096/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
202	Nguyễn Thị	Nhiều	28/02/1992	1097/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
203	Đỗ Tuyết	Mai	1986	1097/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
204	Bùi Thị Mỹ	Diên	20/6/1996	1098/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
205	Lê Thị Hồng	Nhung	1982	1098/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
206	Trần Thị Ngọc	Tuyền	16/11/1997	1099/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
207	Lưu Bích	Quyên	24/02/1984	11/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
208	Ngô Thị Vân	Hà	01/9/1983	110/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
209	Đặng Thị	Thùy	1979	110/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
210	Trần Anh	Nhật	23/7/1992	1100/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
211	Trần Thị Thu	Nguyệt	1975	1100/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
212	Lê Thị Ngọc	Ngân	04/9/1996	1101/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
213	Lê Văn	Tuấn	1956	1101/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
214	Lê Thị Diễm	Ny	1990	1102/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
215	Lê Văn	Sang	1992	1102/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
216	Huỳnh Thị	Trắng	1995	1103/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
217	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	1976	1103/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
218	Nguyễn Lê	Loan	22/3/1994	1104/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
219	Nguyễn Việt	Trình	08/8/1997	1105/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
220	Đỗ Thị	Hiếu	1977	1105/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
221	TRẦN THỊ HẢI	NHI	04/02/1996	1106/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
222	Phan Thị	Lý	1972	1106/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
223	Võ Văn	Túp	22/12/1968	1107/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
224	Nguyễn Thị Kim	Soàn	1982	1107/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
225	Võ Thị Việt	Trình	16/3/1997	1108/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
226	Nguyễn Quốc	Dũng	1985	1108/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
227	HUỲNH THỊ DIỄM	THÚY	12/7/1997	1109/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
228	Nguyễn Thị Bé	Bảy	1967	1109/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
229	Nguyễn Hoàng	Vũ	14/02/1986	111/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
230	Võ Đình	Đệ	1969	111/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
231	NGUYỄN LÊ DUY	PHƯƠNG	21/12/1980	1110/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
232	Hà Hồng	Thiện	1983	1110/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
233	Hồ Thị Lệ	Thị	16/7/1974	1111/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
234	Bùi Thị	Thùy	1975	1111/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
235	Hồng Kim	Chi	1968	1112/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
236	Phan Thị Thùy	Linh	16/7/1994	1113/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
237	Thái Thị	Phương	1975	1113/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
238	Tạ Thị Tuyết	My	10/9/1996	1114/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
239	Dương Thị Cẩm	Hồng	21/01/1993	1115/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
240	Trần Ngọc	Thu	1965	1115/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
241	Lê Đình	Nhân	27/8/1985	1116/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
242	Lương Thân Anh	Hoa	1975	1116/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
243	Nguyễn Thị Kim	Hên	1987	1117/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
244	Trần Nhật	Thanh	1990	1117/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
245	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	1996	1118/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
246	Nguyễn Thị Thùy	Trang	1986	1118/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
247	Đình Thị Thúy	Hằng	09/12/1996	1119/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
248	Lê Thị Anh	Thư	1986	1119/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
249	Bùi Thị Phương	Huỳnh	18/02/1984	112/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
250	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	1977	112/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
251	Lê Thị Mỹ	Dung	28/10/1991	1120/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
252	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	22/01/1966	1121/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
253	Huỳnh Hồ Quốc	Quý	29/9/1996	1122/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
254	Phạm Văn Tuấn	Em	1981	1122/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
255	Nguyễn Thị Anh	Đào	22/4/1996	1123/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
256	HỒ SĨ	QUÍ	16/01/1979	1124/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Nhà thuốc
257	Lê Nhật	Tân	30/7/1997	1125/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
258	Lý Quốc	Phục	1970	1125/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
259	Lê Thị Cẩm	Hồng	10/11/1996	1126/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
260	Trần Thị Ngọc	Diễm	1990	1126/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
261	Huỳnh Lê Phương	Ngọc	02/9/1990	1127/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
262	Lê Thanh	Hiền	1980	1128/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
263	Đặng Thị Mỹ	Hạnh	1982	1129/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
264	Nguyễn Thị	Lộc	20/4/1995	113/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
265	Phạm Hồng	Khánh	1981	113/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
266	Trần Thị Thùy	Linh	20/12/1991	1130/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
267	Võ Thị Mỹ	Huyền	1984	1130/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
268	Phạm Thị Bảo	Hà	03/8/1994	1131/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
269	Hồ Kim	Hương	1986	1132/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
270	Bùi Tấn	Huy	1990	1133/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
271	Dương Thị Ngọc	Huyền	1992	1133/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
272	BÙI NGỌC HIỀN	THI	22/5/1977	1134/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
273	Ngô Phước	Thiện	1979	1134/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
274	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	10/3/1987	1135/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
275	Võ Văn	Tư	1952	1135/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
276	THẠCH RẠCH TA	NA	03/6/1992	1136/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
277	Bùi Kim	Xuân	1952	1136/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
278	NGUYỄN THỊ THÚY	DUY	20/5/1995	1137/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
279	HỒ TRƯƠNG XUÂN	DIỆU	17/8/1997	1138/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
280	Trần Thị Tuyết	Nga	1987	1138/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
281	BÙI NGỌC	HIẾU	06/4/1997	1139/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
282	Quách Hoa	Xuân	1987	1139/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
283	Nguyễn Thành	Quý	09/11/1989	114/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
284	Nguyễn Thị	Triết	1955	1140/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
285	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	1984	1141/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
286	Nguyễn Thị Huỳnh	Mai	1969	1141/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
287	BÙI NHẬT LOAN	ANH	1977	1142/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
288	Dương Châu Ngọc	Dúng	1980	1142/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
289	PHAN THÀNH	QUANG	08/4/1979	1143/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
290	Phạm Thị Tuyết	Trình	1990	1143/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
291	LÊ THỊ	THƠM	17/7/1994	1144/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
292	HUỶNH TẤN	ĐÁ	29/12/1993	1145/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
293	Nguyễn Bá	Vương	1973	1145/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
294	PHÓ HẬU	DUY	03/11/1993	1146/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
295	Mai Trung	Vĩnh	1979	1146/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
296	HUỶNH THỊ NGỌC	PHƯỢNG	28/6/1989	1147/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
297	Võ Thị Thanh	Thảo	1985	1147/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
298	NGUYỄN THỊ	NGỌC	01/01/1985	1148/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
299	VÕ THỊ HỒNG	PHÚC	12/10/1993	1149/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
300	Lê Minh	Hậu	10/10/1970	115/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
301	TRẦN THỊ KIM	CHI	25/6/1991	1150/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
302	Phạm Dương Hiếu	Nghĩa	1991	1150/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
303	NGUYỄN DUY	QUANG	20/8/1984	1151/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
304	Nguyễn Thị	Sinh	1962	1151/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
305	HUỶNH CẨM	TÀI	13/12/1988	1152/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
306	Nguyễn Thị Thu	Xương	1986	1152/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
307	NGUYỄN THỊ MỸ	PHƯƠNG	01/01/1990	1153/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
308	PHẠM VĂN	NU	23/6/1996	1154/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
309	LƯU MỸ	PHƯƠNG	1988	1155/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
310	Phan Thị	Bé	1960	1155/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
311	BÙI THỊ THANH	TÂM	09/9/1992	1156/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
312	LÊ THỊ CẨM	ĐÀO	1988	1157/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
313	Đặng Mai	Thi	1985	1157/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
314	ÂU TRUNG	TUẤN	1980	1158/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
315	Lương Tấn	Phát	1989	1158/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
316	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	1985	1159/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
317	Nguyễn Văn	Đệ	1968	1159/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
318	Nguyễn Hoàng	Duy	28/10/1983	116/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
319	BÙI HỮU	TRUNG	05/01/1991	1160/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
320	PHẠM THỊ KIM	THANH	1994	1161/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
321	Đặng Phước	Đẹp	1971	1161/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
322	TRẦN THỊ HỒNG	CẨM	21/12/1979	1162/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
323	Nguyễn Văn	Trí	1966	1162/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
324	NGUYỄN HOÀNG	SƠN	10/5/1990	1163/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
325	Trần Thị Tuyết	Mai	1967	1163/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
326	NGÔ YẾN	DIỄM	07/11/1995	1164/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
327	Lê Thị Bích	Ngọc	1984	1164/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
328	HUỶNH THỊ THẢO	ANH	30/4/1997	1165/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
329	Phương Minh	Phát	1973	1165/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
330	VÕ HOÀNG	LINH	1992	1166/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất dược liệu; hộ kinh doanh, hợp tác xã sản xuất dược liệu; cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã.
331	Nguyễn Thị	Huệ	1991	1166/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
332	MAI	PHƯƠNG	22/3/1984	1167/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
333	Nguyễn Văn	Nhanh	1949	1167/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
334	VÕ THỊ KIM	TUYỀN	25/02/1990	1168/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
335	Phạm Thị Thanh	Thúy	1973	1168/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
336	NGUYỄN THỊ BÍCH	TUYỀN	25/4/1989	1169/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
337	Nguyễn Thị	Năm	1972	1169/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
338	Huỳnh Thị Mỹ	Chi	1990	117/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
339	NGUYỄN THỊ	DIỄN	15/7/1983	1170/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
340	Lê Minh	Phụng	1982	1170/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
341	Trần Văn	Thông	1965	1171/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
342	Phạm Đình	Hiếu	1943	1172/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
343	LÊ THỊ NGỌC	DIỆP	20/10/1996	1173/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
344	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	12/02/1985	1174/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
345	Phương Minh	Tài	1975	1174/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
346	NGUYỄN XUÂN	TRƯỜNG	1988	1175/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
347	VÕ THANH	HÀ	05/7/1988	1176/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
348	TRẦN HỒNG	OANH	16/10/1993	1177/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
349	Nguyễn Kim	Xoàn	1982	1177/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
350	LÊ HỒNG	PHÚ	20/4/1994	1178/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
351	Võ Thị Thu	Trang	1991	1178/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
352	HỒ VĂN VŨ	LINH	20/8/1990	1179/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
353	Nguyễn Thị	Phương	1987	1179/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
354	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	03/02/1995	118/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
355	Phạm Thị Hồng	Yến	1979	118/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
356	TRẦN THỊ THU	XƯƠNG	09/8/1987	1180/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
357	Trần Thị Mỹ	Thảo	1985	1180/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
358	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	03/9/1992	1181/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
359	Huỳnh Phương	Đại	1983	1181/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
360	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	15/9/1979	1182/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
361	Nguyễn Duy	Trường	1985	1182/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
362	ĐẶNG LÊ	TRUNG	13/8/1991	1183/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
363	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	1986	1183/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
364	PHẠM VĂN	MƯA	21/6/1993	1184/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
365	Trần Văn Hữu	Nghị	1964	1185/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
366	TRƯƠNG QUỐC	TUẤN	20/11/1982	1186/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
367	Đình Thị Ngọc	Hân	1992	1186/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
368	LÊ THỊ YẾN	OANH	19/6/1996	1187/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
369	NGUYỄN QUỐC	THÁI	15/7/1988	1188/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc
370	LÊ THỊ ÁI	TUYỀN	22/10/1997	1189/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
371	Nguyễn Trần Đình	Quý	20/8/1989	119/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
372	Nguyễn Thị Kim	Sông	1969	119/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
373	NGUYỄN BẢO	TOÀN	05/6/1993	1190/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
374	Nguyễn Thị Kim	Chi	1983	1190/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
375	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY	11/9/1984	1191/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
376	NGUYỄN HOÀNG TRÂM	ANH	02/6/1984	1192/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
377	Tô Bửu	Bửu	1992	1192/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
378	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	07/7/1997	1193/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
379	LÊ THỊ PHƯƠNG	DUYÊN	25/8/1988	1194/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
380	BÙI PHẠM NHƯ	QUỲNH	1983	1195/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
381	Lê Trần Tuyết	Trinh	1990	1195/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
382	TRẦN HUY	HOÀNG	09/9/1985	1196/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
383	Chung Văn	Vô	1965	1196/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
384	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	LAN	15/4/1990	1197/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
385	Mai Kim	Thành	1970	1197/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
386	LÊ AN	KHANG	08/4/1995	1198/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
387	NGUYỄN VŨ	QUI	1983	1199/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
388	Nguyễn Thị	Chọn	08/11/1991	12/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
389	Nguyễn Thu	Kỳ	1979	12/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
390	ĐÀO DƯƠNG THÚY	DIÊM	01/01/1983	120/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
391	Nguyễn Thị Bé	Hằng	1983	120/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
392	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	15/4/1997	1200/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
393	Lê Quốc	Khanh	1987	1200/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
394	LÊ QUANG	BÌNH	17/4/1985	1201/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
395	Hồ Ngọc	Thúy	1979	1201/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
396	LÊ THỊ THỦY	TRANG	21/8/1997	1202/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
397	Phan Thị	Hoài	1991	1202/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
398	LÊ THỊ NGỌC	LINH	29/4/1996	1203/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
399	Nguyễn Tấn	Hiệp	1979	1203/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
400	NGUYỄN NGỌC	HÂN	19/11/1995	1204/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
401	NGUYỄN VĂN	THUẬN	10/10/1988	1205/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
402	Nguyễn Văn	Sĩ	1977	1205/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
403	NGUYỄN VĂN	GIÀU	29/9/1983	1206/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
404	Nguyễn Thị Kim	Bích	1990	1206/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
405	HUỶNH THANH	TUẤN	23/3/1978	1207/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
406	Nguyễn Hữu	Trường	1980	1207/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
407	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	29/02/1972	1208/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
408	Thái Minh	Tâm	1986	1208/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
409	NGUYỄN THỊ NGỌC	TƯỞI	09/4/1995	1209/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
410	Nguyễn Thị Phương	Lan	1989	1209/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
411	Võ Đình	Đạt	23/01/1984	121/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
412	Trần Diệu	Liên	1984	121/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
413	NGUYỄN NGỌC	HÀ	19/02/1993	1210/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
414	Nguyễn Thiện	Quý	1986	1210/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
415	Lê Thị Xuân	Mai	1988	1211/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
416	VÕ VĂN	HIỀN	11/9/1972	1212/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
417	Hồ Hữu	Bình	1979	1212/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
418	LÊ DUY	QUANG	27/10/1994	1213/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
419	LÊ NGỌC	LƯỢNG	26/8/1997	1214/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
420	Trương Thị Thanh	Thủy	1963	1214/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
421	TRẦN THỊ NGỌC	MỸ	06/6/1978	1215/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
422	Lâm Thị Ngọc	Kim	1970	1215/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
423	NGUYỄN BÍCH	HỢP	1987	1216/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
424	Lưu Minh	Triết	1963	1216/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
425	NGÔ DƯƠNG QUỲNH	NHƯ	05/5/1994	1217/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
426	TRẦN THỊ TUYẾT	NGÂN	21/7/1990	1218/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
427	NGÔ THỊ MỘNG	TUYÊN	18/3/1995	1219/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
428	Nguyễn Trung	Hiếu	1978	1219/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
429	Lê Thị Băng	Dung	24/4/1969	122/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc
430	Đoàn Thị Kim	Ngân	1990	122/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
431	NGUYỄN THỊ NGỌC	YẾN	06/6/1985	1220/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
432	Trần Kim	Cúc	1984	1220/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
433	MÃ HOÀNG MAI	THI	25/01/1983	1221/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
434	PHAN QUỐC	TUẤN	1986	1222/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
435	Lê Xuân	Mỹ	1987	1222/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
436	NGUYỄN DIỆP THỦY	TIÊN	01/01/1992	1223/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
437	Võ Văn	Bến	1988	1223/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
438	NGUYỄN NHẬT	HUY	25/02/1987	1224/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
439	Võ Phước	Thông	1987	1224/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
440	LƯƠNG THỊ	DÓN	1986	1225/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
441	CAO THỊ	DIỄM	15/7/1993	1226/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
442	Phạm Công	Lực	1988	1226/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
443	NGUYỄN THỊ THANH	LOAN	03/10/1987	1227/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
444	Nguyễn Thị Kim	Ngân	1983	1227/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
445	VÕ THỊ VÂN	KHANH	19/6/1994	1228/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
446	Trần Tuấn	Thanh	1988	1228/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
447	TRẦN QUỐC	DUY	23/02/1984	1229/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
448	Nguyễn Duy	Khanh	1968	1229/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
449	Nguyễn Thị Kim	Thu	08/5/1981	123/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
450	Trần Ngọc	Tuyển	1983	123/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
451	TRẦN QUỐC	BẢO	26/7/1984	1230/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
452	Đào Thị Ngọc	Phương	1974	1230/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
453	NGUYỄN KIỀU	PHƯƠNG	05/12/1990	1231/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
454	Hứa Thị Mỹ	Châu	1971	1231/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
455	NGUYỄN ANH	THI	02/10/1996	1232/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
456	Nguyễn Thanh	Hòa	1977	1232/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
457	DƯƠNG THÀNH	HIỆP	23/4/1996	1233/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
458	Nguyễn Văn	Mừng	1964	1233/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
459	NGUYỄN CÔNG	NHÂN	25/11/1988	1234/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã.
460	NGUYỄN THỊ	NHI	19/3/1994	1235/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
461	Huỳnh Thị Bích	Thùy	1986	1235/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
462	NGUYỄN THỊ DIỄM	PHÚC	27/10/1980	1236/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
463	Trần Thị Thanh	Tâm	1981	1236/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
464	NGUYỄN THỊ	ĐÔNG	27/10/1986	1237/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
465	Trần Thị Bé	Thảo	1985	1237/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
466	BÙI THỊ CẨM	LỪNG	10/10/1981	1238/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
467	Trương Hoài	Mỹ	1980	1238/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
468	NGUYỄN THANH	HÀO	10/4/1995	1239/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã.
469	Trương Thị	Đìn	1981	1239/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
470	ĐẶNG HỒNG	THẨM	16/7/1986	1240/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
471	Nguyễn Ngọc Thanh	Tuyền	1989	1240/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
472	NGUYỄN THỊ KIM	HIỀN	19/7/1977	1241/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
473	Nguyễn Nhật Trà	My	1990	1241/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
474	NGUYỄN THỊ HẬU	EM	06/5/1992	1242/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
475	Thái Mỹ	Nhi	1991	1242/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
476	NGUYỄN THỊ MAI	XUÂN	19/8/1987	1243/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
477	VÕ PHƯỚC	LỘC	26/3/1982	1244/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
478	Trần Quốc	Đông	1983	1244/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
479	LÂM THỊ NGỌC	DƯ	13/6/1986	1245/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
480	Phạm Phú	Lộc	1982	1245/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
481	NGUYỄN KHẮC	LÂM	15/7/1976	1246/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
482	PHAN THỊ BẢO	HANH	15/11/1993	1247/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
483	TRẦN THỊ NGỌC	HUYỀN	19/6/1995	1248/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
484	Trang Thiên	Trần	1992	1248/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
485	TRẦN QUI	PHƯƠNG	27/3/1995	1249/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
486	Phạm Thị Hồng	Thúy	1977	1249/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
487	Trương Thị	Lan	07/7/1961	125/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
488	ĐỖ HOÀNG	VŨ	18/10/1967	1250/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
489	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	1990	1250/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
490	NGÔ QUỐC	HUY	06/12/1982	1251/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc.
491	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	1967	1251/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
492	NGUYỄN THỊ ÚT	TUÔI	28/02/1991	1252/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
493	Phạm Thị Anh	Thư	1988	1252/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
494	TRẦN VĂN	LÁCH	02/6/1987	1253/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
495	Nguyễn Thị Mộng	Thu	1986	1253/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
496	PHẠM THỊ HOÀNG	YẾN	11/3/1979	1254/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
497	Phạm Đức	Thọ	1978	1254/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
498	PHẠM THỊ HOÀNG	LON	1979	1255/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
499	Bùi Hồng	Oanh	1987	1255/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
500	QUÁCH HUỆ	PHIÊU	15/5/1972	1256/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
501	Phan Ngọc	Hà	1992	1256/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
502	NGUYỄN THỊ THU	VÂN	28/4/1968	1257/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
503	Nguyễn Văn	Lương	1992	1257/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
504	NGUYỄN THỊ NGỌC	CHÂN	1992	1258/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
505	Hà Thị Thùy	Dương	1991	1258/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
506	Ngô Thị Phương	Linh	1986	1259/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
507	Nguyễn Phước	Dinh	1989	126/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
508	Võ Tấn	Lộc	1968	126/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
509	LÊ THỊ NHÃ	TRANG	21/5/1989	1260/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
510	La Thị Thùy	Trang	1982	1260/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
511	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	05/7/1996	1261/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
512	Nguyễn Văn	Trương	1974	1261/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
513	PHẠM NHỰT	TÂN	12/02/1997	1262/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
514	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	1979	1262/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
515	NGUYỄN QUỐC	HUY	21/10/1995	1263/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
516	Nguyễn Thị Kim	Ngân	1984	1263/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
517	NGUYỄN THỊ BÉ	SÁU	06/6/1979	1264/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
518	Nguyễn Ngọc	Nguyễn	1987	1264/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
519	NGUYỄN THẾ	HẢI	06/02/1996	1265/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
520	Nguyễn Văn	Thương	1974	1265/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
521	HỒ THÁI TRẦN	TRẦN	10/9/1997	1266/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
522	Lê Văn	Hoàng	1981	1266/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
523	LƯƠNG MINH	PHÚ	09/3/1985	1267/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
524	Phan Thị Bích	Trúc	1986	1267/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
525	HUỲNH VĂN	QUÝ	31/7/1988	1268/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã.
526	Ngô Thị Thu	Hiền	1986	1268/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
527	NGUYỄN THỊ BÍCH	TUYỀN	01/10/1980	1269/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
528	Nguyễn Thị	Hằng	1984	1269/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
529	Lê Anh	Khoa	18/4/1992	127/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
530	Võ Văn Thắng	Lợi	1966	127/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
531	NGUYỄN TRƯỜNG	XÃ	01/01/1990	1270/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
532	Đặng Thị	Tuyền	1982	1270/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
533	NGUYỄN THỊ MỸ	Ý	09/02/1989	1271/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
534	Phạm Thanh	Trúc	1989	1271/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
535	ĐÌNH THANH HUYỀN	NHƯ	22/3/1992	1272/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
536	Trần Thị Hoanh	Thùy	1981	1273/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
537	HỒ THỊ BẢO	LOAN	19/4/1981	1274/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
538	Ngô Thị Yến	Chi	1983	1274/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
539	NGUYỄN TRƯỜNG NGỌC	LỰA	10/8/1996	1275/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
540	TRẦN VĂN	LỰC	14/9/1975	1276/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
541	Nguyễn Kim	Lan	1953	1276/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
542	LÊ MAI HỒNG	NGỌC	23/11/1985	1277/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
543	Trần Quốc	Cường	1986	1277/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
544	Cao Thị Ngọc	Giàu	1986	1278/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
545	ĐOÀN KHÁNH	LINH	1977	1279/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
546	Lê Văn	Hòa	1981	1279/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
547	Trần Nguyễn Đỗ	Quyên	31/8/1992	128/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
548	Trương Huyền	Trần	1977	1280/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
549	LÝ THỊ DIỆU	HIỀN	19/8/1982	1281/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
550	Huỳnh Nguyễn Thùy	Hương	1990	1281/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
551	TRẦN THỊ MỸ	LINH	03/9/1989	1282/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
552	Nguyễn Bích	Thuận	1992	1282/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
553	CAO MINH	NHƯT	06/5/1975	1283/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
554	Ngô Thị Hồng	Linh	1973	1283/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
555	NGUYỄN TOÀN	TRUNG	08/4/1984	1284/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
556	NGUYỄN QUỐC	HÒA	15/01/1991	1285/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
557	Lê Thị Kim	Hương	1992	1285/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
558	NGUYỄN PHAN HỒNG	THẨM	06/11/1989	1286/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
559	Cao Thị Thu	Vân	1979	1286/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
560	NGUYỄN VĂN	HẠNH	15/12/1966	1287/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã.
561	Nguyễn Văn	Nu	1990	1287/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
562	MAI THIÊN	TOÀN	29/7/1986	1288/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
563	NGUYỄN TƯỜNG	OANH	26/10/1991	1289/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
564	Nguyễn Hoàng	Minh	1964	1289/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
565	Hồ Vũ Quỳnh	Chi	28/3/1991	129/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
566	Vương Nguyễn	Tấn	1976	129/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
567	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIỀN	18/5/1997	1290/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
568	Huỳnh Hải	Lâm	1968	1290/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
569	HUỶNH THỊ HỒNG	NHƯ	25/7/1994	1291/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
570	Nguyễn Thê	Vân	1976	1291/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
571	NGUYỄN ĐẠO TUỞNG	VĂN	23/5/1981	1292/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
572	Lê Văn	Công	1982	1292/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
573	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	20/7/1971	1293/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
574	ĐỖ TRỌNG	HIỆP	30/6/1987	1294/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
575	LÊ NGỌC	NGA	20/4/1995	1295/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
576	Lê Minh	Hòa	1977	1295/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
577	NGUYỄN THỊ KIM	YẾN	02/9/1992	1297/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
578	Nguyễn Thị Oanh	Kiều	1989	1297/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
579	LÊ VĂN	HỒNG	15/6/1983	1298/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
580	Thái Minh	Tài	1982	1298/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
581	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	13/6/1989	1299/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
582	Phạm Thị Ngọc	Hạnh	1968	1299/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
583	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	05/6/1977	13/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
584	Lương Trọng	Nhân	1978	13/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
585	Nguyễn Đăng	Khoa	07/9/1993	130/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
586	Cao Mỹ	Phương	1985	130/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
587	LÊ THỊ THANH	KIỀU	06/7/1985	1300/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
588	Nguyễn Văn	Cánh	1990	1300/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
589	TRẦN THỊ MỸ	HOA	27/10/1967	1301/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
590	PHẠM THỊ BÍCH	TUYỀN	15/11/1993	1302/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
591	Đoàn Thị	Tiếp	1991	1302/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
592	VÕ HOÀNG MỸ	LINH	03/01/1985	1303/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
593	Huỳnh Công	Bằng	1984	1303/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
594	TRẦN THỊ	DIỄM	1984	1304/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
595	Trần Hữu Trang	Anh	1981	1304/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
596	Võ Ngọc Lan	Thanh	1992	1305/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
597	NGUYỄN THỊ MAI	TRINH	10/10/1991	1306/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
598	Nguyễn Phước	Hiếu	1991	1306/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
599	HUỶNH THỊ THU	THỐ	17/5/1983	1308/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
600	Lê Hiền Bạch	Tuyết	1983	1308/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
601	LÊ THỊ MINH	NGUYỆT	01/3/1978	1309/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
602	Lê Hồ Mỹ	Ngọc	26/6/1972	131/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
603	Phạm Hồng	Phát	1985	131/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
604	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ	10/12/1996	1310/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
605	Võ Bích	Tuyền	1985	1310/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
606	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	22/02/1997	1311/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
607	Lê Thị Ngọc	Tuyền	1985	1311/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
608	NGUYỄN HỮU	TÂM	11/02/1983	1312/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
609	Tôn Quang	Tuyền	1991	1312/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
610	DƯƠNG HỒNG	NHỤT	18/8/1983	1313/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
611	Lê Phạm Hoàng	Quỳnh	1989	1313/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
612	Phạm Kim	Loan	1968	1314/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
613	ĐÀM THỊ TUYẾT	MAI	1986	1315/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
614	NGUYỄN THỊ MỸ	TUYÊN	27/9/1991	1316/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
615	Phan Trần Gia	Thịnh	1988	1316/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
616	TRẦN THỊ NGỌC	DIỄM	04/8/1994	1317/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
617	NGUYỄN THỊ TUYẾT	QUYÊN	25/5/1995	1318/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
618	Lê Thị	Phượng	1987	1318/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
619	PHẠM THỊ THÚY	DƯƠNG	18/4/1984	1319/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
620	Trần Ánh	Đào	1987	1319/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
621	Phan Thị Cẩm	Giang	05/10/1981	132/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
622	Nguyễn Thị Thanh	Thuyền	1981	132/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
623	NGUYỄN THỊ THANH	TIỀN	12/9/1991	1320/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
624	LÂM THỊ KIM	PHỤNG	03/10/1994	1321/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
625	Lê Thị Bạch	Tuyết	1967	1321/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
626	NGUYỄN THỊ BÍCH	HẠNH	19/4/1983	1322/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
627	PHẠM MINH	NGUYỄN	28/8/1995	1323/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
628	Phạm Văn Hoàng	Thuyết	1988	1323/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
629	NGUYỄN THỊ	NHẢ	10/10/1988	1324/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
630	NGUYỄN TƯỜNG HẢI	YẾN	08/4/1992	1325/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
631	NGUYỄN PHÁT	ĐẠT	16/8/1997	1326/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
632	NGUYỄN QUỐC	TRÍ	05/9/1992	1327/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
633	Lê Thanh	Phong	1980	1327/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
634	VÕ THỊ	LỖI	21/9/1984	1328/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
635	Đặng Vũ Ngân	Khánh	1979	1328/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
636	VÕ VŨ	LINH	28/02/1995	1329/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
637	Lê Kim	Cương	1982	1329/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
638	Nguyễn Thị	Nhàn	10/11/1990	133/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
639	HUỶNH QUỐC	THỊNH	21/02/1995	1330/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã.
640	Phạm Thị Thanh	Vân	1989	1330/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
641	HUỶNH THỊ	HOÀI	10/4/1991	1331/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
642	Huỳnh Thị Thúy	Lan	1981	1331/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
643	ĐỖ THỊ MỸ	HƯƠNG	29/9/1990	1332/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
644	Võ Thu	Anh	1961	1332/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
645	TRẦN THỊ THANH	NHỊ	22/02/1988	1333/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
646	Vũ Hương	Lan	1992	1333/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
647	NGUYỄN THỊ DIỄM	HƯƠNG	08/3/1995	1334/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
648	Lê Thị	Chà	1979	1334/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
649	HÀ TRUNG	NGUYỄN	08/5/1990	1335/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
650	Trần Ngọc	Vân	1988	1335/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
651	ĐÀO NHẬT	QUANG	25/02/1994	1336/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
652	Ngô Hiếu	Thảo	1972	1336/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
653	NGUYỄN THỊ LAM	LINH	07/10/1995	1337/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
654	Nguyễn Thanh	Tuyền	1977	1337/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
655	NGUYỄN VÕ ANH	MINH	24/3/1982	1338/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
656	Nguyễn Thị	Mười	1992	1338/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
657	NGUYỄN THỊ BÌNH	MINH	12/01/1995	1339/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
658	Nguyễn Thanh	Phương	1984	1339/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
659	Nguyễn Trường	Phước	1965	134/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
660	PHAN THẢO	NGUYỄN	20/11/1995	1340/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
661	Trương Thị Mỹ	Thường	1984	1340/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
662	VÕ LÊ NGỌC	THẢO	25/11/1995	1341/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
663	Huỳnh Ngọc	Dung	1976	1341/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
664	HUỶNH THỊ MỘNG	BÌNH	26/9/1995	1342/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
665	Nguyễn	Thiện	1987	1342/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
666	NGUYỄN VĂN	HÙNG	09/11/1964	1343/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
667	Nguyễn Ngọc Diễm	Trang	1976	1343/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
668	ĐỖ NGỌC NHÃ	TRÚC	07/9/1988	1344/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
669	Phạm Thị Phương	Kiều	1984	1344/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
670	PHẠM THỊ HỒNG	TRANG	20/5/1992	1345/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
671	Lê Bích	Phượng	1984	1345/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
672	NGUYỄN THUY BÍCH	TRÂM	27/01/1990	1346/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
673	Lâm Thị Kiều	Tiên	1986	1346/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
674	NGUYỄN LƯU ANH	TRÚC	21/5/1987	1347/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
675	NGUYỄN THỊ KIM	CƯƠNG	01/9/1994	1348/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
676	Trần Chính	Kiệt	1984	1348/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
677	PHẠM VIỆT	HÙNG	28/5/1985	1349/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
678	Nguyễn Văn	Phan	1985	1349/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
679	Văng Trương Ly	Pha	06/6/1985	135/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
680	NGÔ TRUNG	HIẾU	06/5/1985	1350/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
681	NGUYỄN THỊ	TRANG	05/4/1991	1351/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
682	Huỳnh Thị Tuyết	Lan	1987	1351/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
683	NGUYỄN THỊ BÍCH	HẠNH	03/12/1988	1352/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
684	Mai Thị Trúc	Linh	1983	1352/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
685	ĐOÀN YẾN	NHI	07/11/1991	1353/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
686	Nguyễn Văn	Trọng	1987	1353/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
687	TRẦN ĐỖ THIÊN	TRÍ	18/6/1995	1354/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
688	VÕ HÀ CHÁNH	TRUNG	19/5/1989	1355/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
689	Lê Thị Huyền	Trang	1987	1355/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
690	LÊ HOÀNG	MINH	19/10/1995	1356/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
691	TRẦN CÔNG	HIẾU	13/02/1995	1357/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
692	Nguyễn Thị	Trang	1987	1357/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
693	LÊ KIM	NGÂN	24/8/1987	1358/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã.
694	Hồ Nguyễn Thúy	An	1984	1358/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
695	ĐẶNG LAN	THANH	01/01/1993	1359/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
696	Nguyễn Thị Yến	Nhi	1992	1359/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
697	Phan Thị Ngọc	Hân	14/9/1992	136/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
698	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	15/02/1992	1360/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã.
699	Bùi Anh	Tú	1984	1360/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
700	NGUYỄN THỊ THANH	NGÂN	19/6/1984	1361/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
701	Mai Hoàng	Vũ	1983	1361/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
702	Lê Thị	Ngọc	1980	1362/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
703	TRẦN THỊ THANH	HUỆ	03/8/1980	1363/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
704	ĐẶNG VĂN	NHU	1985	1364/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
705	Nguyễn Thị	Diễm	1985	1364/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
706	NGUYỄN PHƯỚC	HIỀN	09/5/1995	1365/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
707	Nguyễn Thị	Thanh	1969	1365/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
708	VÕ THỊ LINH	PHỤNG	15/02/1995	1366/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
709	Võ Thị Phương	Thảo	1991	1366/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
710	TRẦN NGỌC LY	LY	05/11/1995	1367/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
711	Nguyễn Hữu	Nhân	1987	1367/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
712	NGUYỄN NGỌC	TÍN	01/01/1995	1368/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
713	Nguyễn Thị Cẩm	Hương	1978	1368/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
714	NGUYỄN	HĂNG	01/4/1982	1369/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
715	Ngô Thị Tuyết	Linh	1987	1369/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
716	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	01/6/1991	137/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
717	Trương Trí	Thiện	1989	1370/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc
718	VÕ THỊ DIỄM	PHÚC	18/6/1993	1371/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
719	Phạm Thị Ngọc	Thơ	1975	1371/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
720	NGUYỄN ĐẶNG KIM	YẾN	18/12/1994	1372/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
721	THÁI PHẠM	NGUYỄN	30/11/1995	1373/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
722	Huỳnh Thị Trúc	Phương	1987	1373/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
723	PHẠM NGUYỄN TRIỀU	GIANG	1987	1374/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
724	Nguyễn Thị Huệ	Hồng	1985	1374/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
725	TRƯỜNG THỊ PHƯƠNG	ANH	03/02/1995	1375/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
726	Phạm Thị	Nhờ	1979	1375/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
727	VÕ THỊ YẾN	NHI	26/6/1994	1376/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
728	Nguyễn Đặng	Hiền	1986	1376/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
729	HUỶNH THANH	HÙNG	17/5/1990	1377/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã
730	Nguyễn Thị	Nhiều	1983	1377/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
731	NGUYỄN THU	NGÀ	17/11/1995	1378/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
732	NGUYỄN THỊ NGỌC	DUNG	12/01/1992	1379/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
733	NGUYỄN THỊ TUYẾT	VĂN	02/03/1971	138/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
734	Phan Văn	Liệp	1965	138/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
735	HUỶNH TẤN PHÚC	THỊNH	03/12/1997	1380/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
736	Nguyễn Thị Anh	Thư	1985	1380/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
737	LƯU GIA	HÂN	29/4/1995	1381/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
738	Đặng Ngọc	Thạch	1990	1381/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
739	HỒ HOÀNG	PHÚC	04/02/1992	1382/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
740	Phan Thị Lệ	Thu	1989	1382/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
741	HUỶNH LÊ KIẾN	QUỐC	12/4/1994	1383/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
742	Võ Huỳnh Phương	Linh	1990	1383/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
743	PHẠM THỊ THANH	TRÚC	26/11/1995	1384/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
744	Nguyễn Thị Bích	Trâm	1992	1384/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
745	HUỶNH HIẾN	ĐẠT	10/3/1986	1385/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
746	NGUYỄN THỊ KIM	TRINH	22/4/1993	1386/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
747	Hồ Thị Kiều	Ngân	1989	1386/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
748	LÊ THỊ TUYẾT	MAI	14/11/1991	1387/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
749	Lê Thị	Phượng	1992	1387/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
750	NGUYỄN HOÀNG ANH	TUẤN	19/6/1992	1388/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
751	Trần Thị	Nhàn	1988	1388/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
752	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRẦN	23/10/1993	1389/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
753	Lý Hương	Lan	1969	1389/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
754	Lâm Nguyễn Ngọc	Xoàn	15/8/1992	139/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
755	Hồ Minh	Hùng	1971	139/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
756	TRẦN VÕ XUÂN	HUY	17/11/1995	1390/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã.
757	Nguyễn Thanh	Tùng	1966	1390/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
758	NGUYỄN TUẤN	VŨ	19/7/1992	1391/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
759	Nguyễn Ngọc	Mai	1966	1391/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
760	HUỶNH THỊ THANH	THẢO	13/3/1985	1392/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
761	Nguyễn Thị	Trang	1983	1392/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
762	LÊ HỮU NGỌC	NGÂN	06/4/1984	1393/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
763	Nguyễn Thị	Tam	1982	1393/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
764	NGUYỄN THỊ MAI	TRÂM	16/11/1995	1394/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
765	BÙI THẾ	NAM	1982	1395/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
766	LÂM THỊ THANH	TÂM	30/11/1994	1396/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
767	LÊ THANH	TUYẾN	10/10/1996	1397/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
768	Dương Thanh	Tùng	1983	1397/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
769	NGÔ THỊ BẢO	TUYẾN	05/3/1994	1398/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
770	Lê Thị Phương	Lan	1962	1398/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
771	THÁI THỊ	CHI	1972	1399/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
772	Lê Thị Ngọc	Nữ	19/8/1974	14/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
773	Phù Bảo	Sang	1982	14/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
774	Hồ Ngọc Kim	Cương	1982	140/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
775	HỒ THANH	SANG	28/02/1991	1400/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
776	Nguyễn Ngọc	Yến	1990	1400/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
777	HUỶNH MINH	TIẾN	17/4/1995	1401/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
778	Nguyễn Văn	Đạt	1991	1401/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
779	NGUYỄN VĂN	SƠN	1991	1402/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
780	THÁI THANH	LỢI	08/01/1984	1403/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
781	Nguyễn Mỹ	Châu	1969	1403/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
782	HUỶNH THỊ DỊU	HIỀN	22/6/1991	1404/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
783	NGUYỄN VĂN	ÚT	1987	1405/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
784	Lê Tuấn	Anh	1992	1405/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
785	VÕ THỊ PHƯƠNG	THẢO	15/8/1981	1406/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
786	Võ Phi	Hùng	1991	1406/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
787	NGUYỄN THANH	TÚ	24/8/1995	1407/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
788	NGUYỄN LÊ YẾN	NHI	28/11/1995	1408/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
789	Phan Thị Thanh	Tuyền	1982	1408/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
790	VÕ THỊ KIỀU	OANH	06/3/1997	1409/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
791	Huỳnh Thị Kim	Nho	1987	1409/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
792	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	1984	141/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
793	NGUYỄN THANH	NHÂN	20/7/1996	1410/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
794	Huỳnh Phước	Bảo	1988	1410/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
795	ĐÀO THỊ THANH	CHẤU	04/4/1980	1411/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
796	Nguyễn Như	Mai	1990	1411/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
797	NGUYỄN LÊ	QUÂN	1981	1412/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
798	Lê Thị Thúy	Loan	1985	1412/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
799	NGUYỄN THỊ THU	NGOC	04/12/1991	1413/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
800	Trần Bá	Phước	1979	1413/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
801	TRẦN TRỌNG	HỮU	08/02/1995	1414/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
802	Tổng Minh	Hiếu	1978	1414/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
803	MÃ THÀNH	TÂM	1985	1415/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
804	Đàm Quang	Dũng	1977	1415/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
805	ĐOÀN THỊ THANH	XUÂN	20/4/1992	1416/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
806	TRẦN THỊ KIM	NGÂN	21/9/1981	1417/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
807	Trần Bình	Nguyên	1988	1417/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
808	HUỲNH THỊ CẨM	LOAN	22/6/1983	1418/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
809	Huỳnh Thị Dạ	Lý	1992	1418/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
810	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NHƯ	11/9/1994	1419/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
811	Nguyễn Thị Thúy	Duy	1989	1419/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
812	Nguyễn Thị Huỳnh	Mai	01/01/1989	142/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
813	Nguyễn Huỳnh	Cung	1965	142/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
814	PHAN MẠNH	HOÀI	28/10/1993	1420/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
815	Trần Thị Hồng	Nghi	1987	1420/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
816	LÊ NGỌC	TRẦN	14/6/1997	1421/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
817	Nguyễn Nhật	Nam	1991	1421/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
818	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	NGỌC	11/9/1991	1422/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
819	Trần Tuấn	Kiệt	1974	1422/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
820	NGUYỄN THÔNG	THÁ	18/11/1989	1423/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
821	Trần Kim	Em	1966	1423/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
822	LÊ VĂN	SANG	09/10/1988	1424/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
823	Nguyễn Thị Thanh	Nga	1957	1424/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
824	NGUYỄN THANH	TÙNG	01/6/1988	1425/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
825	BÙI TRIỆU PHƯƠNG	TRANG	11/5/1982	1426/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
826	Huỳnh Tiểu	My	1990	1426/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
827	NGUYỄN THỊ ĐIỂM	THI	27/10/1997	1427/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
828	Lê Bùi Như	Ý	1984	1427/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
829	LÊ THỊ MỸ	DIỆU	23/9/1990	1428/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
830	Nguyễn Thị Kiều	Xuân	1989	1428/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
831	NGUYỄN THỊ	THẨM	18/6/1993	1429/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
832	Nguyễn Tiến	Đường	1964	1429/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
833	Nguyễn Thị Thúy	Loan	1974	143/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
834	NGUYỄN THỊ	KIỀU	22/01/1981	1430/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
835	Nguyễn Thị Thanh	Vân	1990	1430/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
836	TRẦN THỊ NGÂN	THOÀ	29/7/1971	1431/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
837	Mai Thị Mỹ	Phượng	1985	1431/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
838	NGUYỄN KHÔI	NGUYỄN	15/7/1986	1432/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
839	Đặng Thị Bé	Trúc	1989	1432/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
840	TRẦN THỊ MỸ	NGÂN	26/5/1995	1433/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
841	NGUYỄN THÁI	BÌNH	18/4/1993	1434/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
842	Trần Kim	Dung	1957	1434/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
843	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	THƯ	28/11/1995	1435/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
844	Tổng Bửu	Lộc	1984	1435/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
845	NGUYỄN HUỶNH	HIẾU	01/01/1984	1436/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
846	PHAN THỊ PHƯƠNG	DUNG	29/3/1983	1437/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
847	Võ Thị Thu	Sương	1966	1437/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
848	LÊ ĐỨC	THANH	19/4/1995	1438/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
849	Ngô Thị Kim	Trang	1989	1438/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
850	PHAN QUỐC	BẢO	16/3/1972	1439/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
851	Nguyễn Ngọc	Dung	1983	1439/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
852	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	27/01/1995	144/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
853	Trần Kim	Phượng	1956	144/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
854	NGUYỄN HỒNG	THÁI	30/03/1990	1440/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
855	Nguyễn Thị Việt	Ân	1983	1440/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
856	HUỶNH THỊ PHƯƠNG	TRANG	21/6/1984	1441/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
857	LÊ THỊ	NGOAN	27/02/1980	1442/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
858	Huỳnh Thị Nhật	Hà	1991	1442/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
859	NGUYỄN XUÂN	BẰNG	20/02/1992	1443/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
860	Nguyễn Văn	Thùy	1963	1443/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
861	CHÂU NGỌC MINH	THI	18/5/1992	1444/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
862	Phạm Hữu	Trí	1984	1444/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
863	LÊ VĂN	TƯỜNG	05/6/1985	1445/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
864	ĐẶNG THU	THÚY	06/11/1997	1446/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
865	Phạm Thị Lợi	An	1981	1446/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
866	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	10/4/1997	1447/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
867	Bùi Đắc Việt	Tài	1963	1447/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
868	NGUYỄN LÊ THU	NGÂN	17/01/1995	1448/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
869	Trần Duy	Thăng	1984	1448/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
870	TRẦN VĂN	PHÚC	18/10/1986	1449/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
871	Lý Ngọc	Diễm	1985	1449/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
872	Nguyễn Thị Thùy	Trang	1986	145/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
873	NGUYỄN THỊ NGỌC	DUNG	22/12/1998	1450/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
874	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	1982	1450/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc
875	PHẠM BÍCH	TUYỀN	17/10/1989	1451/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
876	Nguyễn Thị	Thọ	1977	1451/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
877	CAO THỊ TUYẾT	LINH	04/01/1993	1452/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
878	Phan Hoàng Bích	Trang	1983	1452/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
879	PHAN HOÀNG	ANH	24/9/1993	1453/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
880	Nguyễn Thanh	Phong	1988	1453/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
881	PHẠM THỊ KIỀU	LOAN	12/5/1998	1454/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
882	PHAN THỊ KIM	TIÊN	11/12/1997	1455/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
883	Trần Thị Diễm	Trình	1988	1455/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
884	TRƯỜNG NGỌC HUỲNH	NHƯ	30/4/1992	1456/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
885	TRẦN NGỌC PHÚC	ANH	08/6/1997	1457/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
886	NGUYỄN THỊ	ĐẦY	03/12/1992	1458/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
887	Nguyễn Thị Lan	Chi	1984	1458/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
888	TÙ THỊ THANH	XUÂN	17/02/1991	1459/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
889	Nguyễn Thị Mộng	Dung	1987	1459/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
890	Lê Bích	Tuyền	13/6/1905	146/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
891	Phan Thị Mỹ	Xinh	1989	1460/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
892	NGUYỄN THỊ NGỌC	THUYỀN	28/11/1995	1461/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
893	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	1985	1461/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
894	TẠ CHIÊU	PHỤNG	19/10/1993	1462/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
895	LÂM NGỌC	ÁNH	08/6/1987	1463/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
896	HUỲNH NGUYỄN THÚY	AN	14/3/1986	1464/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
897	Trần Thị Tuyết	Trâm	1980	1464/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
898	PHẠM THỊ MỸ	DUNG	03/12/1998	1465/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
899	Trịnh Ngọc	Chi	1991	1465/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
900	TRẦN THỊ THÙY	DƯƠNG	27/02/1997	1466/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
901	Phạm Thị Yến	Phương	1993	1466/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
902	ĐÌNH PHÚ	CƯỜNG	12/12/1990	1467/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
903	Đặng Thị Ngọc	Phượng	1992	1467/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
904	PHẠM THỊ HẢI	LÝ	15/3/1998	1468/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
905	Lâm Thị Kim	Châu	1986	1468/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
906	TRẦN THỊ TUƠNG	VI	14/3/1997	1469/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
907	Võ Thị Diễm	Trình	1987	1469/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
908	Tổng Nhựt	Nam	25/5/1987	147/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
909	Cao Thị Ngọc	Hậu	1975	147/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
910	ĐỖ CHÍ	TRUNG	13/10/1982	1470/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
911	Phan Việt	Nam	1977	1470/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
912	TRƯƠNG THỊ	NHÂN	20/11/1978	1471/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
913	Nguyễn Quốc	Nguyễn	1965	1471/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
914	LÊ THỊ MỘNG	TÍNH	20/12/1989	1472/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
915	NGUYỄN THỊ BÉ	BA	28/8/1997	1473/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
916	ĐOÀN THỊ	GIÀU	27/3/1983	1474/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
917	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	14/4/1991	1475/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
918	Nguyễn Hữu	An	1969	1475/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
919	LÊ TUẤN	KIỆT	13/5/1995	1476/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
920	NGUYỄN HỒ MINH	NHƯ	04/02/1995	1477/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
921	LÂM HUỶNH MỸ	LINH	06/12/1995	1478/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
922	Phương Ái	Hường	1963	1478/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
923	DƯƠNG TẤN	HÙNG	10/02/1995	1479/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
924	Nguyễn Trí	Nhân	1976	1479/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
925	Phan Thị Hồng	Loan	16/02/1983	148/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
926	LÊ THỊ THANH	LOAN	27/8/1988	1480/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
927	Huỳnh Hải	Hằng	1966	1480/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
928	DƯƠNG VĂN	TRUNG	1976	1481/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
929	Lê Nguyễn Dung	Trình	1978	1481/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc
930	TRẦN VĂN	THÔNG	1991	1482/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
931	Nguyễn Thị	Nhuân	1985	1482/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
932	HUỶNH VÕ THIÊN	TRANG	08/12/1995	1483/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
933	Lê Thị	Yến	1982	1483/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
934	MAI TRUNG	HIẾU	16/01/1988	1484/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
935	NGUYỄN THANH	LAN	21/8/1977	1485/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
936	Lê Thị Hồng	Vân	1985	1485/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
937	Nguyễn Thị Huyền	Trân	1990	1486/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
938	LÊ THỊ CẨM	BÌNH	05/7/1975	1487/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
939	Bùi Trí	Nhân	1986	1487/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
940	LÊ THỊ THÙY	TRẦN	01/8/1987	1488/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
941	NGUYỄN QUỐC	KHANG	15/6/1998	1489/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
942	Nguyễn Huỳnh Đoan	Thùy	1987	1489/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
943	Phan Thái	Ngân	20/3/1985	149/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
944	NGUYỄN THỊ HIẾU	HẠNH	15/10/1998	1490/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
945	Lê Tấn	Hiếu	1992	1490/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
946	LÊ THỊ THANH	THẢO	10/4/1988	1491/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
947	Nguyễn Thị Tú	Trình	1990	1491/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
948	ĐỖ VĂN	LỢI	01/01/1978	1492/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
949	NGUYỄN THỊ	HẰNG	18/3/1987	1493/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
950	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	1960	1493/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
951	TRẦN NGUYỄN NGA	MI	30/10/1995	1494/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
952	Lê Văn	Thành	1982	1494/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
953	NGUYỄN THANH	HẰNG	18/01/1990	1495/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
954	Phạm Thị Ngọc	Mai	1968	1495/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
955	TRẦN THỊ KIM	NGOAN	20/4/1992	1496/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
956	Nguyễn Văn	Xước	1982	1496/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
957	PHAN THỊ THANH	TẤN	05/7/1983	1497/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
958	VÕ TẤN	TÀI	15/12/1988	1498/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
959	Ngô Thị	Nhi	1972	1498/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
960	HỨA THỊ YẾN	NGOC	1984	1499/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
961	Phan Thị	Út	21/7/1986	15/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
962	Lê Thị Mộng	Thu	1973	15/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
963	Tô Thị Huỳnh	Như	12/8/1994	150/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
964	NGÔ PHÚ	TẤN	07/5/1987	1500/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
965	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	1992	1500/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
966	ĐỖ THỊ TUYẾT	TRINH	28/9/1998	1501/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
967	Vô Thị	Diễm	1988	1501/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
968	NGUYỄN THỊ NGỌC	NHUYỄN	17/5/1998	1502/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
969	NGUYỄN NGỌC	CẨM	10/4/1997	1503/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
970	VÕ THỊ TUYẾT	NHI	24/8/1993	1504/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
971	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	1979	1504/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
972	BÙI CẨM	NHUNG	28/9/1998	1505/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
973	Huỳnh Thị Kim	Thoa	1974	1505/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
974	NGUYỄN BẠCH KIM	SANG	23/8/1995	1506/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
975	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	1992	1506/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
976	TRẦN THỊ KIM	NIÊN	04/9/1979	1507/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
977	Nguyễn Thị Kim	So	1983	1507/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
978	PHẠM THỊ	XUÂN	19/9/1984	1508/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
979	Lê Anh	Khoa	1990	1508/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
980	CAO THỊ MINH	LUYẾN	28/11/1983	1509/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
981	Nguyễn Thị Kim	Thoa	1990	1509/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
982	Trần Thị Kim	Cương	07/6/1905	151/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
983	Nguyễn Thị Thu	Thủy	1967	151/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
984	TRẦN THỊ THANH	TÂM	21/8/1998	1510/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
985	Lê Thị	Quen	1979	1510/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
986	TRẦN ĐÌNH BẢO	NGỌC	19/10/1997	1511/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
987	Ngô Ngọc	Quý	1990	1511/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
988	NGUYỄN HỮU	CÓ	08/12/1987	1512/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
989	Đào Thị Bé Mười	Một	1985	1512/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
990	VÕ MINH	HUY	25/9/1992	1513/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
991	Đoàn Thị Thủy	Linh	1979	1513/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
992	NGUYỄN THỊ XUÂN	THANH	10/02/1982	1514/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
993	VÕ QUỐC	THÓNG	13/3/1977	1515/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
994	Nguyễn Thị Kim	Phụng	1979	1515/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
995	TRẦN THỊ DIỄM	QUỲNH	21/8/1995	1516/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
996	LÊ THỊ	HUYỀN	20/7/1997	1517/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
997	Lê Thành	Tươi	1986	1517/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
998	NGUYỄN THỊ KIM	TUYỀN	28/9/1995	1518/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
999	Nguyễn Thị Huệ	Hiền	1992	1518/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1000	ĐẶNG THỊ THÚY	HẰNG	18/6/1997	1519/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1001	Nguyễn Thành	Nam	13/12/1957	152/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1002	Võ Thị Ngọc	Hương	1984	152/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1003	PHAN THỊ MỸ	TIÊN	05/10/1995	1520/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1004	Phan Thục	Như	1991	1520/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1005	NGÔ VĂN CHẾ	LINH	08/8/1985	1521/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1006	Nguyễn Thị Ánh	Khoa	1986	1521/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1007	VÕ THỊ NGỌC	HÀ	20/8/1982	1522/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1008	PHẠM VĂN	ĐIỂM	29/7/1984	1523/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1009	Nguyễn Tuyết	Lộc	1987	1523/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1010	NGUYỄN NGỌC MỸ	TIÊN	16/7/1989	1524/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1011	Nguyễn Thị	Giấy	1959	1524/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1012	VÕ HỒNG HIẾU	HẠNH	20/3/1987	1525/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1013	Huỳnh Vũ	Trường	1992	1525/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1014	VÕ THỊ HUỆ	CHI	01/7/1989	1526/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1015	NGUYỄN THỊ	KHÉO	08/11/1986	1527/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1016	Phạm Thị Cẩm	Tú	1992	1527/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1017	TRẦN VĂN	TUẤN	15/5/1983	1528/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1018	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	23/8/1994	1529/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1019	Nguyễn Văn	Chon	1980	1529/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1020	Bùi Thanh	Tâm	02/8/1992	153/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1021	NGUYỄN THỊ KIM	CƯỜNG	20/8/1983	1530/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1022	Phạm Hoàng	Ái	1988	1530/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1023	ĐOÀN MINH	TIẾN	10/6/1997	1531/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1024	Phạm Thị	Sáu	1967	1531/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1025	HUỶNH THỊ MỸ	LIÊN	27/7/1982	1532/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1026	Mai Ngọc	Sen	1993	1532/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1027	TRẦN THANH	NHI	16/3/1989	1533/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1028	Trần Minh	Tâm	1981	1533/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1029	KHAI NGỌC	LÂM	10/01/1989	1534/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1030	Bùi Thị Thùy	Duyên	1984	1534/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1031	NGUYỄN THỊ HỒNG	PHƯỢNG	16/4/1989	1535/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1032	Trần Yên	Chi	1993	1535/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1033	LÊ XUÂN	MAI	06/6/1998	1536/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1034	Nguyễn Thị Thùy	Dương	1984	1536/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1035	ĐẶNG THỊ THÙY	TRANG	08/3/1995	1537/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1036	HỨA KHÁNH	LINH	26/01/1994	1538/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1037	Lê Nguyễn Cúc	Tú	1972	1538/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
1038	NGUYỄN THỊ KIM	CHÂU	21/11/1975	1539/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1039	Đoàn Phú	Quý	1983	1539/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1040	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	1985	154/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1041	HUỶNH THỊ KIM	HAI	23/5/1988	1540/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1042	Bùi Bảo	Thái	1969	1540/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1043	TRẦN THỊ	MÔI	27/9/1985	1541/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1044	Trần Thái	Hoàng	1962	1541/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1045	NGUYỄN THỊ	CÚC	1984	1542/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1046	Ngô Minh	Đức	1987	1542/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1047	LÊ MINH	HIỂN	17/10/1986	1543/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1048	Lý Mỹ	Dung	1952	1543/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1049	NGUYỄN THỊ THÚY	VĂN	14/3/1997	1544/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1050	Đặng Ngọc	Giàu	1976	1544/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1051	MAI NGUYỄN THANH	TÀI	08/11/1994	1545/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1052	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	1986	1545/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1053	PHAN TUẤN	KIỆT	1978	1546/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1054	BÙI HỒNG	NGỌC	1983	1547/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1055	Lê Thạch	Thảo	1988	1547/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1056	LÊ PHÚC	TÂM	09/9/1998	1548/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1057	Lê Thị Thu	Loan	1991	1548/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1058	TRẦN THỊ DIỄM	KIỀU	1992	1549/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1059	Nguyễn Hùng	Dũng	1983	1549/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1060	Huỳnh Nhật	Thanh	22/10/1992	155/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1061	Đặng Văn	Bao	1955	155/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1062	LÊ THỊ KIM	TUYỀN	03/3/1995	1550/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1063	DƯƠNG THỊ MỸ	NHU	21/5/1995	1551/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1064	Trần Thị Huỳnh	Trang	1993	1551/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1065	ĐỖ ANH	MỸ	01/6/1969	1552/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1066	Lê Ngọc	Đáng	1955	1552/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1067	TRẦN HUỖNH BẢO	NGỌC	04/12/1998	1553/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1068	Hà Thị Kiều	Oanh	1990	1553/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1069	HUỖNH THỊ	QUYÊN	10/3/1994	1554/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1070	Võ Cao	Tây	1990	1554/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1071	NGUYỄN THỊ CẨM	TIÊN	06/3/1998	1555/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1072	Lê Đức	Phùng	1963	1555/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1073	HUỖNH VĂN	HẢI	1984	1556/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1074	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	1988	1556/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1075	NGUYỄN HOÀNG	TÂM	19/6/1990	1557/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1076	Tô Thị	Nu	1991	1557/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1077	THÂN THỊ XUÂN	YẾN	17/5/1982	1558/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1078	Lương Thị Kim	Chi	1985	1558/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1079	ĐỖ THỊ THẢO	QUYÊN	09/10/1987	1559/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1080	Lê Văn	Chấn	1990	156/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1081	Trần Cát	Tiên	1978	156/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1082	LÊ THỊ YẾN	NHI	29/9/1998	1560/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1083	Võ Đỗ Tô	Quyên	1988	1560/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1084	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	15/5/1988	1561/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1085	Dương Trúc	Linh	1988	1561/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1086	Nguyễn Văn	Đức	1989	1562/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1087	NGUYỄN THÚY	AN	17/7/1991	1563/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1088	Lê Trường	Vũ	1988	1563/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1089	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỄM	10/10/1989	1564/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1090	Nguyễn Thị Hồng	Loan	1989	1564/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1091	NGUYỄN HỒNG	NGHI	16/10/1998	1565/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1092	LÊ ANH	NGUYỄN	15/5/1997	1566/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1093	TRỊNH THỊ YẾN	NHI	27/9/1996	1567/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1094	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	1983	1567/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1095	TRẦN THỊ THÙY	TRINH	25/8/1998	1568/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1096	Đặng Thị Thùy	Trang	1990	1568/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1097	ĐOÀN TRỌNG	TÍNH	10/9/1988	1569/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1098	Phạm Thị Ngọc	Điệp	22/02/1991	157/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1099	Lương Thị	Phương	1950	157/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1100	NGUYỄN HẢI	DƯƠNG	06/7/1987	1570/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1101	Nguyễn Thanh	Lan	1988	1570/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1102	PHẠM HỒNG	NGỌC	13/6/1983	1571/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1103	Huỳnh Thị Hồng	Nhung	1981	1571/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1104	TRẦN THỊ DIỆU	THI	17/6/1996	1572/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1105	Võ Văn	Bình	1985	1572/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1106	CAO THỊ XUÂN	THANH	19/6/1993	1573/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1107	Huỳnh Thị	Hội	1963	1573/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1108	TRẦN THỊ MINH	CHIÊU	24/8/1998	1574/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1109	Nguyễn Thị	Thùy	1977	1574/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1110	NGUYỄN THỊ THIÊN	THẢO	01/10/1998	1575/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1111	Huỳnh Lê Tuyết	Minh	1990	1575/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1112	TRẦN NGỌC	ĐÌNH	10/3/1988	1576/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1113	HỒ PHƯỚC	TÍNH	20/11/1990	1577/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1114	Lê Hoàng Trâm	Anh	1985	1577/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1115	NGUYỄN HIẾU	NGHĨA	23/12/1995	1578/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1116	PHẠM NGỌC	DANH	26/7/1977	1579/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1117	NGUYỄN THỊ BÍCH	LIÊU	02/10/1983	158/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1118	KHƯƠNG THỊ MAI	THẢO	12/5/1994	1580/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1119	Võ Thị Huỳnh	Giao	1983	1580/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1120	HUỲNH HÀ GIA	BẢO	03/02/1998	1581/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1121	Cao Văn	Nghĩa	1977	1581/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1122	VÕ THANH	BÌNH	25/8/1984	1582/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1123	LÊ VĂN	HÒA	24/6/1986	1583/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1124	HUỲNH THỊ DIỄM	SƯƠNG	01/9/1998	1584/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1125	Nguyễn Thị Huỳnh	Duyên	1976	1584/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1126	CHỈA KIM	HỒNG	05/3/1994	1585/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1127	NGUYỄN VĂN HOÀI	ẤN	29/4/1985	1586/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1128	Mai Kim	Hằng	1987	1586/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1129	BÙI TRỌNG	NHÂN	17/02/1995	1587/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1130	HUỲNH THỊ KIM	ĐÌNH	1994	1588/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1131	Mai Cao Tuyết	Xuân	1992	1588/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1132	NGUYỄN THỊ THANH	KHAN	22/01/1984	1589/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1133	Nguyễn Văn	Sỏi	1963	1589/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1134	Nguyễn Thị Hồng	Biên	17/4/1994	159/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1135	Nguyễn Thị Thu	Dung	1964	159/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1136	NGUYỄN THỊ HỒNG	YẾN	28/5/1998	1590/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1137	Nguyễn Ngọc	Thanh	1974	1590/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
1138	Trần Công	Đình	1952	1591/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1139	LÊ THỊ MỸ	TRANG	25/02/1986	1592/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1140	Phạm Thanh	Nhã	1962	1592/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1141	LÊ THỊ KIM	PHƯỢNG	25/3/1992	1593/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1142	Trần Thị Ngọc	Thu	1968	1593/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1143	TÓNG PHAN	NGOC	09/9/1997	1594/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1144	Trần Minh	Nghĩa	1969	1594/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1145	PHÙNG QUỐC	DƯƠNG	18/3/1996	1595/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1146	Nguyễn Văn	Diễn	1985	1595/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1147	LÊ HỒ THỊ TÚ	UYẾN	01/01/1998	1596/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1148	Đặng Thị Diễm	Phúc	1989	1596/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1149	NGUYỄN NGỌC	TRƯỜNG	01/01/1988	1597/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1150	Phạm Nguyễn Xuân	Bình	1993	1597/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1151	NGUYỄN THỊ TRÚC	GIANG	01/01/1997	1598/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1152	NGUYỄN NGÔ KIỀU	MY	04/10/1994	1599/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1153	Bùi Thị Trúc	Phương	1987	1599/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1154	Nguyễn Thị Kiều	Nhi	25/8/1991	16/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1155	Đoàn Yến	Trang	1972	16/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1156	Lê Thị Kim	Thoa	20/02/1994	160/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1157	Đình Thị Ngọc	Hân	1983	160/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1158	NGUYỄN TẤN	CƯỜNG	26/3/1995	1600/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1159	Ngô Nguyễn Trúc	Linh	1993	1600/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1160	NGUYỄN THỊ PHƯỚC	HIỀN	08/3/1996	1601/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1161	Nguyễn Thanh	Kha	1975	1601/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1162	VÕ THỊ KIỀU	THU	16/4/1997	1602/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1163	Lê Văn	Lâm	1971	1602/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1164	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	06/8/1992	1603/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1165	PHẠM THỊ PHÚC	VÊN	17/8/1986	1604/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1166	Bùi Thị Mộng	Linh	1984	1604/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1167	VÕ NGỌC	PHƯƠNG	12/6/1984	1605/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1168	Trịnh Thị Cẩm	Duyên	1985	1605/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1169	DƯƠNG NGỌC	HÂN	24/10/1987	1606/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1170	Đặng Thị Thanh	Tuyền	1988	1606/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1171	VÕ TÂN	HÙNG	21/02/1993	1607/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1172	Huỳnh Thanh	Liễu	1986	1607/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1173	PHẠM THỊ THANH	TRÚC	30/7/1984	1608/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1174	Phạm Thị Kim	An	1993	1608/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1175	NGUYỄN TẤN	ĐẠT	06/12/1989	1609/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1176	Nguyễn Quốc	Hùng	24/3/1994	161/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1177	PHẠM THỊ THÚY	TRANG	15/7/1989	1610/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1178	NGUYỄN KIM	NGỌC	20/8/1996	1611/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1179	PHẠM THỊ THÚY	HUYỀN	30/4/1992	1612/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1180	HUYỀN	GIAO	27/7/1994	1613/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1181	HUYỀN LẬP	QUỐC	02/3/1980	1614/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1182	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	22/02/1998	1615/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1183	Lê Thị	Dung	1987	1615/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1184	PHẠM THỊ THÚY	LAN	22/12/1996	1616/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1185	Lê Thị Hồng	Thắm	1988	1616/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1186	TRẦN THỊ TÚ	TRINH	10/6/1990	1617/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1187	Đặng Kim	Ngọc	1980	1617/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1188	PHẠM THỊ	HỘI	13/10/1974	1618/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1189	Đoàn Thị Tuyết	Loan	1992	1618/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1190	ĐẶNG MINH	NHỤT	10/5/1981	1619/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1191	Nguyễn Trọng	Hiếu	1991	1619/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1192	Võ Thị Thùy	Tiên	22/12/1992	162/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1193	Đặng Thị	Liễu	1950	162/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1194	PHẠM PHÚ	LỘC	22/5/1989	1620/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1195	NGÔ THỊ MỘNG	TUYÊN	27/6/1996	1621/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc
1196	LÊ THỊ NGỌC	DIỄM	10/02/1987	1622/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1197	DƯƠNG HOÀNG	TÂM	11/8/1996	1623/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1198	Đặng Nguyễn Trúc	Linh	1990	1623/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1199	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	26/10/1995	1624/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1200	PHAN QUỲNH TRÚC	AN	19/8/1996	1625/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1201	TRANG TRẦN KIM	PHỤNG	09/5/1994	1626/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1202	Trần Thị Phương	Huyền	1993	1626/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1203	LÊ VĂN	HỢP	24/3/1998	1627/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1204	NGUYỄN CHÍ	CƯỜNG	31/10/1996	1628/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1205	TRƯƠNG ĐÌNH QUỲNH	NGÂN	30/5/1996	1629/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1206	Trương Thị Kim	Phụng	1952	1629/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1207	Trần Thế	Khang	25/11/1994	163/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1208	LÊ NGUYỄN DUYỀN	THUY	30/6/1995	1630/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1209	Ngô Thanh	Xuân	1988	1630/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1210	ĐÌNH THỊ THU	HƯƠNG	16/4/1973	1631/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1211	Quan Thu	Nga	1970	1631/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1212	LÊ NHƯ THẢO	NGUYỄN	02/4/1994	1632/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1213	Tô Thanh	Cần	1983	1632/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1214	LÂM THỊ NGỌC	LOAN	01/01/1982	1633/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1215	LÊ THỊ HOÀNG	ANH	15/12/1994	1634/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1216	QUÁCH TÚ	TRINH	17/6/1996	1635/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1217	Nguyễn Thị Mộng	Ngọc	1980	1635/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1218	ĐẶNG THANH	MỪNG	10/02/1989	1636/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1219	Nguyễn Thị Tố	Nhung	1985	1636/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1220	ĐỖ MINH	TÀI	03/6/1991	1637/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1221	NGUYỄN THANH	LIÊM	15/7/1975	1638/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1222	Võ Thị Kim	Hoa	1978	1638/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1223	TRẦN DUY	PHƯƠNG	13/11/1995	1639/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1224	Trương Thị Huyền	Duyên	14/5/1980	164/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1225	Trần Thị Thúy	Hằng	1981	164/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1226	NGÔ CẨM	HƯƠNG	15/12/1982	1640/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1227	TRẦN NGỌC	GIÀU	13/4/1995	1641/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1228	HUỶNH TỐ	MỸ	15/11/1974	1642/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1229	Lê Quang	Tiến	1983	1642/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1230	NGUYỄN THỊ THU	TUYỀN	26/7/1989	1643/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1231	Lê Văn	Tý	1992	1643/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1232	TRẦN THỊ KIỀU	OANH	20/01/1992	1644/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1233	Huỳnh Kim	Tuyển	1965	1644/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1234	ĐẶNG ÁI	THI	09/6/1989	1645/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1235	Trần Vũ	Son	1982	1645/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1236	CHÂU HUỶNH THIÊN	THANH	20/11/1989	1646/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1237	DƯƠNG THỊ	HUỆ	08/5/1992	1647/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1238	Nguyễn Hữu	Phúc	1987	1647/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1239	TRẦN THỊ NGỌC	NHUNG	23/12/1990	1648/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1240	Nguyễn Thị	Phi	1969	1648/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1241	NGUYỄN TRỌNG	NHÂN	03/11/1995	1649/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1242	Phạm Thị Thúy	Quỳnh	1991	1649/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1243	Lê Nguyễn Hoàng	Mỹ	22/11/1990	165/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1244	LÊ THỊ NGỌC	HUYỀN	04/4/1998	1650/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1245	Quách Lệ	Mai	1973	1650/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1246	LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	19/5/1998	1651/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1247	Nguyễn Kim	Thoa	1969	1651/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1248	BÙI THỊ KIM	ANH	12/8/1997	1652/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1249	Trần Ngọc	Tươi	1964	1652/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1250	LÊ THỊ HUỶNH	HOA	15/10/1998	1653/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1251	Nguyễn Kim	Hạnh	1980	1653/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1252	NGUYỄN THÚY	ANH	18/5/1992	1654/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1253	ĐOÀN YẾN	VY	09/3/1994	1655/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1254	NGUYỄN THỊ MỸ	LOAN	22/6/1996	1656/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1255	Trần Thị Ngọc	Thùy	1970	1656/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1256	TRẦN TRƯƠNG NGỌC	HÂN	09/4/1995	1657/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1257	TRẦN THẾ	KHA	19/9/1996	1658/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1258	Nguyễn Thị Như	Ý	1981	1658/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1259	Nguyễn Thị Bé	Hận	1981	1659/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1260	Lê Thanh	Lâm	1977	166/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1261	HUỶNH TIẾN	DŨNG	09/4/1989	1660/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1262	Lê Thị Lan	Anh	1972	1660/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1263	NGUYỄN VĂN	TỐI	26/02/1992	1661/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1264	Thái Thị	Mai	1989	1661/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1265	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	22/5/1992	1662/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1266	Võ Thúy	Ngọc	1987	1662/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1267	ĐẶNG THỊ HƯƠNG	NHU	01/8/1986	1663/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1268	Nguyễn Thanh	Tùng	1969	1663/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1269	TRỊNH QUANG	HUY	13/6/1993	1664/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1270	Bạch Lê	Dung	1988	1664/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1271	NGUYỄN MỸ	TIÊN	27/8/1995	1665/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1272	Lương Thị Thu	Trang	1988	1665/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1273	LÊ THIÊN	NAM	10/7/1995	1666/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1274	Huỳnh Thị	Thùy	1981	1666/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
1275	HUỶNH NGỌC	HÂN	18/11/1983	1667/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1276	Võ Thị Xuân	Nguyệt	1973	1667/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1277	NGUYỄN THỊ KIM	THOÀ	16/3/1974	1668/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1278	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	1992	1668/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1279	ĐOÀN NGUYỄN PHƯỚC	TRƯỜNG	01/5/1995	1669/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1280	Nguyễn Thị Hoài	Thu	1993	1669/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1281	Trần Khắc	Huy	05/12/1987	167/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1282	Huỳnh Minh	Thiện	1985	167/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc
1283	ĐẶNG HOÀNG	LINH	17/11/1973	1670/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1284	Phạm Thị Thùy	Trang	1987	1670/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1285	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	04/12/1998	1671/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1286	Đặng Minh	Thức	1993	1671/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1287	CAO THỊ THU	LOAN	04/11/1992	1672/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1288	Trương Thị Thùy	Minh	1993	1672/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1289	NGUYỄN THỊ KIM	NGỌC	23/5/1998	1673/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1290	Hồ Chí	Hiếu	1991	1673/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1291	TRỊNH VĨNH	NGHI	02/9/1984	1674/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1292	Lê Thị Kiều	Oanh	1985	1674/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1293	LÊ KHÁC	ĐIỀN	07/3/1997	1675/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1294	DƯƠNG TUẤN	ANH	14/3/1983	1676/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1295	Trần Hữu	Hạnh	1971	1676/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1296	PHAN THỊ NGỌC	TRÂM	25/10/1992	1677/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1297	Nguyễn Văn Bé	Năm	1980	1677/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1298	NGUYỄN THANH	SƠN	09/11/1996	1678/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1299	Trần Phước	Lộc	1976	1678/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc
1300	PHẠM TRẦN	DƯƠNG	04/6/1995	1679/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1301	Nguyễn Hữu Nhật	Trường	1989	1679/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc
1302	Phạm Thị Kim	Phương	30/4/1993	168/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1303	Vưu Văn	Khén	1985	168/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1304	PHAN THỊ ÁNH	ĐÀO	29/4/1983	1680/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1305	Trần Kim	Lài	1985	1680/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1306	ĐẶNG BẢO	CHẤU	05/6/1994	1681/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1307	TRẦN BẢO	SƠN	10/01/1987	1682/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1308	Tạ Thị Thanh	Hà	1989	1682/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1309	ĐẶNG THỊ THU	HỒNG	10/4/1991	1683/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1310	Trần Huyền	Trang	1990	1683/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1311	BÙI THANH	THÚY	18/9/1981	1684/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1312	Lê Ngọc	Hoa	1970	1684/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1313	PHAN KIM	ÚT	09/01/1972	1685/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1314	ĐÌNH MINH	TUẤN	01/4/1985	1686/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1315	Lê Văn	Lợi	1983	1686/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1316	THÁI THỊ TRÚC	LAN	20/02/1996	1687/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1317	Đỗ Thành	Phúc	1985	1687/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1318	TRƯƠNG THỊ HỒNG	LOAN	21/4/1988	1688/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1319	PHẠM THỊ MỸ	LIÊN	17/12/1992	1689/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1320	Đoàn Lê	Trương	1993	1689/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1321	NGUYỄN THỊ MỸ	TIÊN	27/6/1980	169/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1322	Phan Thu	Liễu	1985	169/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1323	BÙI TRẦN HẢI	ĐĂNG	26/10/1996	1690/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1324	NGUYỄN TRẦN NHƯ	QUỲNH	11/01/1998	1692/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1325	ĐOÀN VĂN	HẢI	01/5/1969	1693/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc.
1326	ĐOÀN TẤN	ĐẠT	08/6/1989	1694/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1327	PHAN NGỌC	NHUNG	04/12/1981	1695/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1328	HỒ THỊ THANH	NHẤN	09/9/1996	1696/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1329	Ngô Thanh	Phong	1987	1696/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1330	LÊ NGỌC THIÊN	THANH	01/9/1998	1697/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1331	HUỶNH THỊ HUYỀN	TRẦN	10/10/1994	1698/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1332	Trần Kim	Loan	1965	1698/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1333	Lăng Thị Ngọc	Bích	1986	1699/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1334	Trần Thanh	Phong	01/9/1982	17/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1335	LÊ TRUNG	HẬU	07/3/1988	170/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1336	Nguyễn Thị Quỳnh	Ngọc	1985	170/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1337	HỒ NGỌC TRÚC	LINH	09/5/1985	1700/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1338	Huỳnh Thị Thanh	Lan	1987	1700/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1339	TRẦN THỊ NGỌC	DIỄM	11/9/1998	1701/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1340	Tống Thị Huỳnh	Hương	1973	1701/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1341	LÊ BẾ	LƯỢM	20/9/1990	1702/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1342	Hồ Huỳnh Kim	Dư	1993	1702/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1343	NGUYỄN THỊ CẨM	TIÊN	25/8/1995	1703/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1344	Trần Thị Mai	Thảo	1992	1703/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1345	NGUYỄN THỊ MỘNG	THẨM	14/10/1998	1704/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1346	NGUYỄN THỊ MỸ	TIÊN	25/6/1988	1705/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1347	HỨA KIM	CƯỜNG	10/02/1978	1706/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1348	Bùi Thị Kiều	Trang	1993	1706/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1349	VÕ THỊ NGỌC	HUYỀN	11/10/1995	1707/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1350	LÊ THỊ HỒNG	GẮM	16/8/1984	1708/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1351	NGUYỄN THỊ	THÚY	19/01/1989	1709/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1352	Huỳnh Hồng	Hạnh	1990	1709/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1353	Trần Thị Thanh	Tuyền	16/3/1975	171/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1354	Lê Thị Thanh	Liễu	1985	171/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1355	NGUYỄN THỊ THÁI	PHƯƠNG	18/3/1981	1710/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1356	Nguyễn Hữu	Thạnh	1991	1710/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1357	NGÔ THANH	NHÂN	23/3/1989	1711/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1358	Nguyễn Hữu	Trí	1977	1711/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1359	VÕ MẠNH	CƯỜNG	01/12/1996	1712/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1360	Đặng Văn	Hường	1966	1712/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1361	LÊ TẤN	LỢI	01/7/1993	1713/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1362	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	1976	1713/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1363	LÊ THỊ TÓ	UYÊN	20/12/1993	1714/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1364	Lê Hồng	Nhớ	1988	1714/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1365	TRẦN THỊ THANH	TÚ	06/9/1969	1715/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1366	Phan Thị Thúy	Ái	1993	1715/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1367	TRẦN THỊ NHƯ	PHƯƠNG	22/8/1998	1716/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1368	Lê Thanh	Diễm	1988	1716/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1369	NGUYỄN HỒNG	PHƯƠNG	28/5/1977	1717/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1370	VÕ THỊ KIM	HỒNG	25/7/1982	1718/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1371	Trần Minh	Hiền	1991	1718/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1372	LÝ THÀNH	ĐỨC	17/6/1984	1719/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc
1373	Lê Thị Thu	Hương	1990	1719/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1374	Đặng Thanh	Thiện	19/11/1992	172/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1375	BÙI PHI	ĐOÀN	02/10/1996	1720/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc
1376	Dương Thị Cẩm	Tú	1990	1720/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1377	HUỶNH THỊ PHƯƠNG	THẢO	15/5/1994	1721/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1378	Nguyễn Minh	Quân	1991	1721/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1379	VÕ LÊ MINH	NGỌC	13/7/1987	1722/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1380	Nguyễn Huỳnh Trúc	Linh	1992	1722/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1381	PHẠM HOÀNG	NAM	13/4/1986	1723/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1382	Mai Kim	Ngọc	1967	1723/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1383	ĐẶNG THỊ KIM	HÈN	18/10/1994	1724/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1384	Đào Thị Kim	Loan	1969	1724/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1385	HÀ THỊ TỎ	QUYÊN	21/01/1998	1725/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1386	NGUYỄN VĂN	HÙNG	20/6/1994	1726/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1387	Phạm Phước	Nguyễn	1987	1726/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1388	TRẦN LÊ THIÊN	THANH	06/10/1997	1727/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1389	Châu Thị Tuyết	Mai	1993	1727/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1390	CHÂU THỊ KIM	CHI	01/01/1993	1728/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1391	PHẠM KIM	PHỤNG	16/5/1996	1729/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1392	Lâm Văn	Tinh	1986	1729/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1393	Trần Minh	Thế	22/02/1992	173/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1394	BÙI THỊ MỸ	DUYÊN	14/3/1998	1730/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1395	Phạm Thị Bích	Vân	1986	1730/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1396	PHẠM HOÀNG	YẾN	16/10/1989	1731/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1397	Nguyễn Hoàng Tú	Quyên	1985	1731/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1398	LÝ THỊ THU	HÀ	25/3/1985	1732/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1399	HUỶNH THỊ BÍCH	NGÂN	12/12/1996	1733/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1400	Bùi Thị	Lượng	1991	1733/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1401	NGUYỄN THỊ KIM	TUYỀN	01/3/1996	1734/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1402	Nguyễn Văn	Lượng	1983	1734/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1403	TRẦN NGUYỄN HOÀNG	TRUYỆN	03/8/1996	1735/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1404	Võ Văn	Sĩ	1984	1735/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1405	NGUYỄN THỊ VINH	HOA	09/4/1995	1736/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1406	LÊ THỊ TRÀ	MY	20/3/1996	1737/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1407	Bùi Văn	Ca	1969	1737/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1408	ĐẶNG THỊ	NGỌC	01/01/1986	1738/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1409	Lê Anh	Kiệt	1983	1738/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1410	LÊ THỊ	YÊU	06/9/1979	1739/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1411	Phạm Thị Diễm	Kiều	1989	1739/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1412	TRẦN PHAN THÚY	HUỶNH	23/7/1991	174/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở sản xuất dược liệu; Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ thử thuốc trên lâm sàng, thử tương đương sinh học
1413	PHAN THỊ NGỌC	MÚT	25/5/1988	1740/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1414	Bùi Thị Trúc	Linh	1989	1740/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1415	NGUYỄN HOÀNG	NAM	02/8/1990	1741/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1416	Đỗ Thị	Oanh	1979	1741/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1417	NGUYỄN THANH	HÙNG	04/02/1978	1742/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1418	LÊ THỊ THÚY	VÂN	03/9/1990	1743/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1419	PHẠM MINH	HÙNG	21/01/1987	1744/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1420	Vân Thị Ngọc	Thúy	1992	1744/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1421	NGUYỄN THỊ THÚY	TRANG	01/01/1975	1745/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1422	VÕ HOÀNG CẨM	VÂN	26/5/1988	1746/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1423	Trang Bảo	Đặng	1980	1746/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1424	LÊ THỊ NGỌC	TUYỀN	08/10/1996	1747/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1425	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	1985	1747/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1426	LÊ THỊ KIM	YẾN	12/4/1995	1748/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1427	Đình Huỳnh	Cường	1988	1748/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1428	NGUYỄN THANH	PHÚC	1976	1749/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1429	Huỳnh Thị Tuyết	Mai	1989	1749/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1430	Vân Võ Hoàng	Phúc	14/7/1992	175/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1431	Nguyễn Thị Kiều	Hoa	1983	175/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1432	TRƯƠNG THỊ CẨM	SUYỀN	1985	1750/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1433	NGUYỄN THỊ MỘNG	THẢO	08/02/1992	1751/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1434	NGUYỄN TRỌNG	NHÂN	15/5/1985	1752/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1435	Võ Thị Kim	Trình	1972	1752/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1436	TRẦN THỊ NGỌC	MAI	25/9/1993	1753/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1437	Châu Lê Cừ	Nhân	1993	1753/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1438	CHUNG THỊ HOÀI	THẢO	02/02/1986	1754/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1439	Lê Trần Anh	Thư	1990	1754/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1440	PHẠM MINH	VĂN	13/9/1988	1755/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1441	Nguyễn Thái	Hòa	1988	1755/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1442	NGUYỄN PHẠM TÂN	THÀNH	14/11/1993	1756/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1443	Lê Nguyễn Hồng	Tươi	1990	1756/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1444	NGUYỄN THÁI NGỌC	TRANG	21/8/1994	1757/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1445	Lê Thị Thùy	Ngân	1993	1757/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1446	NGUYỄN THỊ LÊ	DUNG	10/5/1987	1758/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1447	Nguyễn Thị Ngọc	Cầm	1993	1758/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1448	PHẠM THỊ HỒNG	DUNG	29/5/1997	1759/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1449	Nguyễn Thị Kim	Hồng	1989	1759/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1450	Nguyễn Huỳnh	Long	24/4/1992	176/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1451	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	01/01/1998	1760/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1452	Trần Thị Nhật	Vy	1991	1760/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1453	HUỶNH THỊ	XIÊM	29/3/1995	1761/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1454	Bùi Thị Thu	Thủy	1961	1761/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1455	VÕ MINH	ĐỨC	14/8/1996	1762/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1456	Phạm Thị Kim	Xuyến	1979	1762/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1457	HUỶNH LAN	HƯƠNG	13/8/1996	1763/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1458	NGUYỄN TÂN	PHÁT	01/11/1990	1764/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1459	Nguyễn Hữu	Lộc	1990	1764/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1460	PHẠM HOÀNG	PHƯƠNG	29/11/1997	1765/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1461	HUỶNH MỸ	ANH	18/8/1998	1766/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1462	LÊ THỊ CHÂN	CHÂN	16/02/1993	1767/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1463	Huỳnh Minh	Vương	1985	1767/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1464	PHẠM THẢO	QUYÊN	21/9/1995	1768/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1465	Trần Thị Thúy	An	1988	1768/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1466	HÀ THANH	TRỌNG	07/11/1994	1769/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1467	Nguyễn Hoàng	Linh	1974	1769/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1468	Ong Thị Tuyết	Ngọc	25/5/1991	177/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1469	Trương Phước	Lộc	1987	177/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1470	TẠ NGUYỄN	PHÚC	14/5/1978	1770/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1471	Trần Kim	Dung	1987	1770/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1472	TRẦN THỊ THANH	THẢO	15/3/1991	1771/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1473	Trần Hồ Đắc	Linh	1976	1771/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1474	BÙI THỊ MỸ	DUYÊN	20/3/1995	1772/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1475	Huỳnh Như	Ý	1990	1772/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1476	HUỶNH TRUNG	HIẾU	16/02/1983	1773/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1477	Lê Thị Thúy	Oanh	1989	1773/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1478	NGUYỄN THÀNH	TÂM	20/10/1997	1774/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1479	Nguyễn Thanh	Phương	1989	1774/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
1480	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	06/3/1996	1775/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1481	Trương Bích	Nga	1969	1775/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1482	NGUYỄN THỊ THÚY	QUYÊN	1997	1776/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1483	Phạm Thị Thanh	Xuân	1984	1776/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1484	LÂM THỊ BÉ	XUÂN	19/7/1996	1777/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1485	NGUYỄN THANH	LONG	26/7/1996	1778/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1486	Lê Thị Mỹ	Thành	1989	1778/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1487	Nguyễn Quang Xuân	Việt	21/5/1990	178/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1488	Tống Thị Thanh	Vân	1983	178/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1489	TRƯƠNG THANH	TÂM	12/7/1996	1780/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1490	HOÀNG THỊ BẢO	CHÂU	27/8/1988	1781/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1491	Hà Tấn	Lợi	1987	1781/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1492	PHAN KIM	YẾN	22/10/1979	1782/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1493	Tăng Văn	Cường	1982	1782/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1494	TRẦN THỊ THỦY	VÂN	20/11/1979	1783/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1495	NGUYỄN THỊ CẨM	GIANG	11/11/1998	1784/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1496	Chung Thị Diễm	Thúy	1978	1784/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1497	LÊ THỊ	ĐÀ Y	1984	1785/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1498	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	1989	1785/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1499	TRƯƠNG THỊ THANH	NHÍ	27/11/1994	1786/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1500	Hà Thị Thanh	Nhàn	1989	1786/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1501	PHAN VĂN	ĐỨC	12/4/1992	1787/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1502	Nguyễn Thị Diễm	Phuong	1993	1787/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1503	NGUYỄN THỊ HỒNG	PHƯƠNG	15/01/1989	1788/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1504	Trần Trung	Vũ	1991	1788/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1505	NGUYỄN THANH	HƯƠNG	12/9/1996	1789/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1506	Võ Kim	Chuong	03/7/1967	179/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1507	Nguyễn Thị Kim	Đào	1977	179/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1508	LÊ PHAN HIẾU	DUY	30/9/1995	1791/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1509	Nguyễn Thị Huệ	Ngân	1989	1791/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1510	TRỊNH THỊ HUỆ	ANH	18/4/1996	1792/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1511	Lê Ánh	Ngọc	1991	1792/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1512	PHẠM THỊ CẨM	THU	1996	1793/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1513	Nguyễn Thùy	Nhi	1988	1793/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1514	HUỶNH THANH	TRÚC	09/3/1998	1794/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1515	Huỳnh Thị Kiều	Oanh	1991	1794/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1516	TRẦN THỊ NGỌC	NHUNG	17/8/1985	1795/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1517	Phạm Thị	Thủy	1993	1795/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1518	TRẦN THỊ MỸ	PHÁP	20/02/1985	1796/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1519	Huỳnh Ngọc	Thanh	1961	1796/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1520	LÊ THỊ MỸ	TRẦN	26/6/1993	1797/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1521	NGUYỄN HOÀNG	CÔNG	19/7/1994	1798/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1522	Lưu Kim	Ngân	1991	1798/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1523	NGUYỄN VĂN	CÁNH	27/10/1996	1799/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1524	Nguyễn Thị	Chang	14/7/1990	18/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1525	Đoàn Thị Kim	Thoa	1982	18/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1526	Võ Thị Thảo	Nguyễn	26/12/1994	180/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1527	VÕ THỊ THU	TRANG	21/11/1988	1800/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1528	Trịnh Thị	Phượng	1970	1800/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1529	VÕ PHI	THIÊN	08/8/1980	1801/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1530	LÂM ĐỨC	TRÍ	02/8/1977	1802/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1531	TRẦN HUỆ	TỊNH	15/11/1985	1803/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1532	Võ Thị Thùy	Linh	1988	1803/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1533	HUỶNH THANH	GIANG	14/01/1989	1804/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1534	Phạm Kim	Ngọc	1969	1804/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1535	TRẦN MINH	TRÍ	14/9/1989	1805/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1536	Ngô Hồng	Đào	1967	1805/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1537	NGUYỄN TRỌNG	ƠN	09/3/1994	1806/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1538	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	1992	1806/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1539	NGUYỄN THÁI	SƠN	15/9/1994	1807/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1540	Lê Thị Thanh	Thùy	1990	1807/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1541	NGÔ TRUNG	LÊ	15/8/1996	1808/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1542	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	1992	1808/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1543	LÊ THỊ THU	CÚC	06/6/1997	1809/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1544	Lê Văn	Toàn	1988	1809/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1545	Phan Thị Kim	Hoàng	26/3/1994	181/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1546	Võ Hồng	Hạo	1987	181/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1547	NGUYỄN THỊ MỸ	TUYÊN	1996	1810/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1548	Tống Nguyễn Hoa	Trâm	1987	1810/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1549	NGUYỄN THỊ THU	HƯỜNG	24/7/1977	1811/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất nhập khẩu dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã.
1550	HUỲNH THỊ NHƯ	BÌNH	17/11/1998	1812/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1551	Nguyễn Quốc Duy	Thanh	1988	1812/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1552	NGUYỄN QUANG	NHỤT	15/4/1992	1813/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1553	Đoàn Ái	Ngọc	1981	1813/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1554	NGUYỄN THANH	MINH	28/7/1994	1814/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1555	TRẦN TRUNG	HIẾU	19/01/1997	1815/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1556	Đình Quốc	Hùng	1981	1815/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1557	TRƯỜNG THỊ KIM	DUY	19/11/1996	1816/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1558	Nguyễn Huỳnh	Như	1991	1816/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1559	LÊ KIM	THÙY	06/6/1986	1817/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1560	Hồ Diễm	Thị	1987	1817/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1561	TRẦN THỊ	KIÊM	19/10/1995	1818/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1562	Huỳnh Thị Bé	Năm	1990	1818/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1563	NGUYỄN THỊ	DUNG	16/02/1973	1819/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1564	Nguyễn Thị	Tám	1980	1819/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1565	NGUYỄN BÀ	TUẤN	10/10/1983	182/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1566	Nguyễn Văn	Thắng	1964	182/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1567	HỒ THỊ THẢO	QUYÊN	09/11/1998	1820/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1568	THÁI QUANG	VINH	24/5/1985	1821/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1569	Nguyễn Hùng	Cường	1989	1821/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1570	NGUYỄN THỊ KIM	HUYỀN	01/01/1992	1822/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1571	NGUYỄN NGỌC	VĨNH	06/8/1990	1823/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1572	Trần Phương	Châm	1990	1823/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1573	LA ĐỒ	NGUYỄN	15/12/1994	1824/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1574	Võ Hồng	Nhung	1984	1824/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1575	NGUYỄN HUỶNH	NHƯ	26/8/1987	1825/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1576	LƯU THÚY	KIỀU	13/3/1986	1826/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1577	Nguyễn Văn	Năm	1969	1826/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1578	VÕ THỊ	NGÂN	13/5/1993	1827/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1579	Trần Văn	Tín	1989	1827/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1580	NGUYỄN QUỐC	HUY	22/5/1986	1828/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1581	Nguyễn Ngọc	Thanh	1993	1828/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1582	HUỶNH THỊ TUYẾT	NHI	19/5/1998	1829/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1583	Giang Thị Bạch	Yến	1974	1829/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1584	TRƯƠNG HOÀNG	TÍN	30/6/1994	1830/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1585	Nguyễn Tấn	Bằng	1992	1830/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1586	ĐẶNG THỊ KIM	TÚ	23/8/1993	1831/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1587	Dương Vĩnh	Bảo	1981	1831/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1588	NGUYỄN HOÀNG	YẾN	03/11/1986	1832/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1589	Nguyễn Thị	Thị	1985	1832/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1590	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NGÂN	25/9/1989	1833/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1591	NGUYỄN CHÍ	THIỆN	05/9/1985	1834/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1592	Lê Thị Kim	Phụng	1983	1834/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1593	NGUYỄN QUỐC	TRỌNG	29/11/1992	1835/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1594	Huỳnh Lâm	Giang	1986	1835/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1595	NGUYỄN HỒNG	PHƯƠNG	15/5/1986	1836/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1596	Vũ Tường	Vi	1990	1836/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1597	TRẦN VĂN	ĐÌNH	07/7/1985	1837/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1598	TRẦN THỊ THỦY	TIỀN	17/12/1989	1838/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1599	Huỳnh Thị Ngọc	Nga	1950	1838/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
1600	TIÊU HUỶNH	HOA	29/4/1984	1839/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1601	Lê Hồng	Lâm	1967	1839/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1602	Lê Thị Phước	Em	13/6/1976	184/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1603	Ngô Thị Thanh	Phượng	1981	184/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1604	NGUYỄN THỊ KIM	LOAN	25/11/1986	1840/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1605	NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	25/12/1984	1841/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1606	Đào Thị Mỹ	Tiên	1990	1841/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1607	NGUYỄN THANH	THẢO	23/9/1995	1842/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1608	Nguyễn Thị	Chên	1992	1842/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1609	LÊ THỊ KIM	NGUYỄN	08/3/1998	1843/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1610	Nguyễn Thị Ngọc	Hóa	1992	1843/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1611	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÀ	01/02/1993	1844/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1612	Nguyễn Thị Ngọc	Liên	1990	1844/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1613	NGUYỄN THỊ CHỨC	LY	05/01/1995	1845/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1614	LÝ THỊ NGỌC	THU	06/12/1995	1846/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1615	Đỗ Thị Thanh	Thảo	1992	1846/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1616	VÕ VÂN	KHOA	25/01/1996	1847/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1617	Trần Thị Yến	Nhi	1986	1847/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1618	NGUYỄN THỊ MỸ	HẰNG	12/6/1994	1848/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1619	PHAN TRƯƠNG TRÚC	AN	23/9/1997	1849/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1620	Trần Thị Mỹ	Hiền	1982	1849/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1621	Trần Thị Ý	Nhi	1993	185/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1622	Nguyễn Thị Thu	Thùy	1978	185/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1623	ĐẶNG TIỂU	PHỤNG	10/4/1995	1850/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1624	Lê Thị	Tuyết	1961	1850/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1625	BÙI THỊ KIM	NGÂN	01/5/1997	1851/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1626	HUỶNH THÚY	AN	25/02/1989	1852/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1627	Lê Hữu	Vinh	1986	1852/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1628	NGUYỄN THÀNH	ĐƯỢC	01/01/1988	1853/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1629	VÕ THỊ THANH	NGUYỆT	12/12/1979	1854/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1630	Mai Thị Mộng	Tuyền	1985	1854/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1631	NGÔ VÂN	ÚT	01/10/1981	1855/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1632	Nguyễn Thị Thúy	Nga	1972	1855/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1633	NGUYỄN THỊ THANH	LAN	09/5/1990	1856/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1634	VÕ THỊ	LIÊN	02/02/1973	1857/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1635	Nguyễn Thị Thu	Hạnh	1991	1857/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1636	NGUYỄN TRUNG	NGUYỄN	28/7/1996	1858/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1637	NGUYỄN THỊ HIỆP	NGÂN	03/12/1996	1859/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1638	Nguyễn Văn	Trường	13/6/1994	186/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1639	Phạm Thị	Điệp	1979	186/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
1640	NGUYỄN THANH	TRÍ	25/12/1975	1860/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1641	Phan Hoàng	Khánh	1986	1860/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1642	TRẦN LÊ THANH	THỦY	11/01/1996	1861/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1643	Phan Thị Kiều	Diễm	1986	1861/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1644	PHAN THỊ CẨM	GIANG	12/01/1996	1862/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1645	Nguyễn Thị Mộng	Hoàng	1987	1862/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1646	PHẠM THỊ THÙY	DƯƠNG	14/9/1999	1864/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1647	Nguyễn Thị Yến	Hà	1966	1864/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1648	Châu Thị Thùy	Linh	1990	1865/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1649	NGUYỄN THỊ HỒNG	ĐIỆP	17/9/1996	1866/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1650	Nguyễn Chí	Hiếu	1981	1866/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1651	VÕ THỦY	TIỀN	09/5/1994	1867/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1652	Nguyễn Thị	Luyến	1970	1867/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1653	HUỲNH THÁI	QUANG	30/9/1995	1868/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1654	Đặng Thị Thanh	Hằng	1984	1868/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1655	LÊ THỊ THANH	TRÚC	1983	1869/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1656	Bùi Thị Thúy	Hằng	28/01/1982	187/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1657	NGUYỄN THỊ KIM	KHA	03/01/1978	1870/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1658	Lê Minh	Kha	1970	1870/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1659	PHẠM NGUYỄN LINH	KHA	08/3/1994	1871/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1660	NGUYỄN THỊ CẨM	HƯỜNG	05/6/1989	1872/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1661	Ngô Hồng	Phương	1983	1872/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1662	NGUYỄN THỊ TÚ	UYÊN	14/8/1993	1873/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1663	LÊ THỊ	OANH	23/10/1996	1874/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1664	Phạm Thị Hoàng	Anh	1986	1874/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1665	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	02/10/1991	1875/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1666	NGUYỄN LÊ TRUNG	NHÂN	18/5/1996	1876/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1667	Nguyễn Duy	Thanh	1983	1876/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1668	HỒ NGUYỄN NGỌC	MẢN	12/3/1989	1877/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1669	Nguyễn Văn	Nhật	1982	1877/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1670	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỄM	24/10/1995	1878/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1671	Lê Vũ Thúy	Anh	1988	1878/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1672	LÊ HỒNG	THẨM	16/6/1992	1879/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1673	Đình Thị Bé	Gái	1981	1879/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1674	Trần Mộng	Linh	22/11/1994	188/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1675	Nguyễn Thị	Phương	1965	188/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1676	NGÔ TRẦN HOÀI	THU	18/7/1982	1880/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1677	Lê Thị Hoài	Thu	1992	1880/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1678	NGUYỄN THỊ THU	NGUYỆT	26/12/1996	1881/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1679	LÊ THỊ	HẠNH	15/5/1991	1882/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1680	Trần Thị Bạch	Yến	1963	1882/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1681	LÊ THỊ KIM	THOÀ	05/01/1988	1883/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc.
1682	Nông Thị Anh	Thư	1976	1883/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1683	HUỶNH HÀ BẢO	LONG	27/5/1978	1884/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1684	Nông Thành	Thạo	1973	1884/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1685	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	13/10/1983	1885/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1686	Lê Tuấn	Khang	1992	1885/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1687	VÕ VĂN	THANH	28/8/1983	1886/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Nhà thuốc.
1688	NGUYỄN NGỌC	QUYÊN	24/8/1982	1887/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1689	Nguyễn Thị Thu	Đông	1979	1887/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1690	CAO NGUYỄN MỘNG	HUỶNH	03/6/1997	1888/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1691	Huỳnh Thị	Thúy	1984	1888/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1692	LÊ PHÁT	KHÁNH	01/01/1995	1889/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1693	Trần Thị Mỹ	Nhung	1983	1889/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1694	Trang Thị Mỹ	Hạnh	25/6/1993	189/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1695	Nguyễn Văn	Phi	1985	189/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1696	NGUYỄN THỊ THU	XUÂN	17/10/1996	1890/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1697	Đỗ Quang	Thái	1985	1890/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
1698	NGUYỄN MINH	HIẾU	17/11/1982	1891/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1699	Võ Đỗ Thanh	Hằng	1985	1891/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1700	NGÔ THỊ TUYẾT	MINH	04/01/1989	1892/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1701	Trần Nguyễn Thùy	Dương	1985	1892/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1702	PHAN THỊ THÚY	TIẾN	25/9/1996	1893/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1703	Nguyễn Phước	Thuận	1982	1893/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1704	LÊ VĂN	ÂU	12/12/1983	1894/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1705	Nguyễn Thành	Phú	1977	1894/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1706	NGUYỄN THỊ THỦY	TRÂM	22/7/1992	1895/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc
1707	Nguyễn Thị	Quyên	1987	1895/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1708	TRẦN KIM	HỒNG	03/8/1996	1896/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1709	HỒ TUYẾT	HOA	16/11/1995	1897/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1710	Nguyễn Phạm Kim	Chi	1988	1897/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1711	NGUYỄN HUỶNH MINH	THƯ	28/02/1993	1898/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1712	Trần Thị Ánh	Lan	1964	1898/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1713	TRẦN THỊ MINH THIÊN	ANH	13/6/1993	1899/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1714	Phan Thị Hồng	Soạn	1986	1899/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1715	Nguyễn Thị	Ngọc	16/6/1981	19/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1716	Nguyễn Thị Cẩm	Huệ	1984	19/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1717	Nguyễn Thị	Chính	1970	190/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1718	Lê Thị Hồng	Thoại	1966	190/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1719	VÕ NGỌC XUÂN	THẢO	27/5/1982	1900/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1720	Nguyễn Hoàng	Vũ	1990	1900/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1721	NGUYỄN VĂN	BẮNG	01/01/1992	1901/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1722	Nguyễn Thị Huyền	Trang	1990	1901/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1723	MAI THỊ ÁI	NHÂN	08/7/1996	1902/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1724	Lâm	Quang	1979	1902/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1725	TRẦN THANH	NGHỊ	30/7/1998	1903/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1726	Hà Thị Thu	Hà	1991	1903/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1727	TRẦN THỊ ÁNH	NHƯ	12/7/1989	1904/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1728	ĐẶNG MINH	PHƯƠNG	01/5/1988	1905/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1729	Võ Thị Kiều	Oanh	1989	1905/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1730	LÊ THỊ PHƯƠNG	DUNG	17/7/1990	1906/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1731	Huỳnh Thị Ngọc	Trình	1982	1906/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1732	NGUYỄN HỒNG	AN	02/9/1989	1907/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc
1733	Châu Quốc	Dũng	1985	1907/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1734	HUỶNH VĂN	HÒA	24/9/1998	1908/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1735	Phạm Anh	Tâm	1992	1908/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1736	NGUYỄN THỊ HUỶNH	NHƯ	19/12/1998	1909/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1737	Nguyễn Thùy	Oanh	1981	1909/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1738	Nguyễn Thị Kim	Thảo	19/5/1983	191/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1739	Lý Thanh	Thúy	1973	191/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1740	ĐẶNG THỊ THANH	TÂM	12/4/1995	1910/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1741	PHAN THỊ THÚY	KIỀU	09/10/1987	1911/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1742	Lê Thị Thanh	Nga	1985	1911/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1743	VÕ THỊ THẾ	VĂN	01/01/1993	1912/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1744	BÙI THỊ THANH	NHÂN	12/10/1994	1913/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1745	Lê Trường	Hải	1985	1913/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1746	MAI HOÀNG	DUY	06/6/1988	1914/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1747	NGUYỄN THỊ NGỌC	TÚ	01/01/1988	1915/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1748	HÀ THỊ THANH TÚ	TRINH	30/5/1996	1916/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1749	Lê Thị Tuyết	Mai	1980	1916/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1750	NGUYỄN HỮU	THUẬN	21/8/1998	1917/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1751	Liêu Thanh	Lộc	1991	1917/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1752	LƯU HOÀNG PHỤNG	TRÂM	30/4/1996	1918/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1753	Bùi Thị Thúy	Oanh	1987	1918/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1754	LÊ THỊ NGỌC	THẠCH	09/10/1998	1919/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1755	Nguyễn Tiến	Đông	24/6/1989	192/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1756	Trần Thị	Hòa	1965	192/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1757	NGUYỄN THỊ	SẦY	20/6/1991	1920/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1758	Nguyễn Thành	Trung	1987	1920/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1759	TRẦN HẢI	ĐẶNG	11/02/1995	1921/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1760	VÕ THỊ TUYẾT	HẠNH	18/5/1977	1922/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1761	Lê Thị Hữu	Hiếu	1980	1922/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1762	TRẦN VĂN	TÂM	02/10/1982	1923/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1763	Choa Thị	Kim	1987	1923/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1764	NGUYỄN VIÊN	MINH	12/6/1986	1924/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1765	Trần Diễm	Phúc	1988	1924/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1766	BÙI THỊ THẢO	NGUYỄN	16/10/1998	1925/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1767	NGUYỄN THỊ HỒNG	LAN	25/10/1987	1926/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1768	NGUYỄN HẠNH	CHUYÊN	10/6/1992	1927/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1769	Trần Cơ	Thịnh	1986	1927/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1770	LÊ PHƯƠNG NGÂN	LAM	18/11/1997	1928/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1771	Phan Thị Thanh	Hương	1981	1928/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1772	TRẦN THỊ DIỄM	MY	03/8/1998	1929/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1773	Thái Thành	Chung	1979	1929/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1774	Nguyễn Phạm Thị Kim	Loan	10/7/1992	193/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1775	Nhị Thị Kim	Cương	1965	193/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1776	LÊ PHƯƠNG	UYẾN	26/9/1997	1930/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1777	Đình Thị Hồng	Thanh	1983	1930/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1778	ĐẶNG THỊ XUÂN	HƯƠNG	08/01/1990	1931/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1779	Nguyễn Thị Bích	Kiều	1984	1931/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1780	NGUYỄN THỊ XUÂN	MAI	20/12/1991	1932/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1781	Trần Trung	Tính	1982	1932/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1782	NGUYỄN THỊ HUỶNH	HOA	27/02/1993	1933/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1783	Dương Thị	Loan	1984	1933/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1784	VÕ THANH	NHỤT	24/01/1986	1934/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1785	Nguyễn Đức Lan	Anh	1987	1934/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1786	NGUYỄN THỊ THU	NGOC	15/12/1994	1935/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1787	NGUYỄN THỊ KIM	TRANG	06/3/1997	1936/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1788	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	1990	1936/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1789	TRẦN KIỀU	NGA	10/4/1984	1937/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1790	Trương Kiều Diễm	Thúy	1990	1937/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1791	CHẾ NGUYỄN ĐOAN	TRANG	20/02/1992	1938/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1792	Nguyễn Thị Yến	Phượng	1990	1938/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1793	NGUYỄN TẤN	TẶNG	06/6/1987	1939/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1794	Trần Đình Nguyên	Quân	1982	1939/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1795	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	02/5/1985	194/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1796	Trần Thị	Nhìn	1968	194/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1797	TRẦN THANH	THIỆN	13/7/1999	1940/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1798	Lâm Minh	Triết	1990	1940/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1799	HUỶNH THỊ CẨM	TÚ	22/9/1998	1941/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1800	Ngô Văn	Tý	1985	1941/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1801	TRẦN THỊ DIỄM	MI	27/7/1990	1942/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1802	Đỗ Trọng Mạnh	Khương	1972	1942/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1803	NGUYỄN NGỌC	HÃ	16/3/1991	1943/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1804	Ngô Thụy Cẩm	Thy	1992	1943/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1805	TRƯƠNG THỊ NGỌC	NỮ	15/8/1992	1944/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1806	Nguyễn Thị Bạch	Tuyết	1986	1944/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1807	LÊ THỊ THẢO	QUYÊN	27/8/1992	1945/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1808	Trần Thị Mỹ	Hằng	1992	1945/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1809	TRẦN THỊ THU	TRANG	24/11/1983	1946/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1810	Nguyễn Văn	Thái	1983	1946/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1811	NGUYỄN TÙNG	DƯƠNG	12/9/1988	1947/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1812	Huỳnh Thị Mỹ	Dung	1980	1947/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1813	HUỶNH BẢO	QUỐC	01/01/1985	1948/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1814	Nguyễn Thành	Kính	1986	1948/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1815	LÊ NGUYỄN THANH	HÁI	15/10/1986	1949/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1816	Võ Thị	Diễm	1988	1949/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1817	Hà Văn	Huệ	18/9/1989	195/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1818	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	1990	195/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1819	LÊ THỊ MINH	TÂM	30/5/1988	1950/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1820	Nguyễn Quốc	Hậu	1976	1950/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1821	Nguyễn Thị	Chinh	1985	1951/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1822	NGUYỄN THỊ HỒNG	LOAN	21/5/1993	1952/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1823	LA TẤN	DỪNG	06/3/1973	1953/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1824	Nguyễn Trung	Tín	1984	1953/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1825	NGUYỄN THỊ MỸ	TIÊN	04/4/1984	1954/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1826	Trần My	Senl	1989	1954/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1827	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGÂN	16/4/1986	1955/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1828	Huỳnh Ngọc	Lợi	1986	1955/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1829	PHAN THỊ THÙY	DƯƠNG	28/3/1984	1956/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1830	Nguyễn Văn	Cư	1983	1956/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1831	TRƯƠNG THỊ BÍCH	LIÊU	22/6/1984	1957/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1832	HUỶNH ĐĂNG	KHOA	02/3/1990	1958/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1833	NGUYỄN THỊ	BÍCH	26/10/1969	1959/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1834	Huỳnh Thị Anh	Thư	1992	1959/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1835	Trương Thị Hồng	Nhung	08/5/1992	196/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1836	HUỶNH THỊ NGỌC	TRẦN	12/9/1999	1960/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1837	Nguyễn Thanh	Tuấn	1985	1960/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1838	TUÔNG THỊ	THƯƠNG	15/11/1985	1961/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1839	Lê Thị Phương	Liên	1989	1961/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1840	NGUYỄN THỊ	NÉT	07/12/1959	1962/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1841	LÊ HẠ	VY	03/8/1997	1963/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1842	Nguyễn Thị Kim	Duyên	1985	1963/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1843	TRẦN THUY THẢO	UYÊN	15/8/1982	1964/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1844	NGUYỄN THANH HOA	TRÚC	06/6/1992	1965/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1845	Trần Thị Tuyết	Nhung	1987	1965/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1846	NGUYỄN TRÍ	ĐỨC	15/4/1997	1966/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1847	Phạm Thị Thúy	Hồng	1980	1966/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1848	NGUYỄN THỊ CẨM	VĂN	15/4/1995	1967/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1849	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	1989	1967/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1850	VÕ THỊ THU	HƯƠNG	29/5/1998	1968/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1851	Lê Thị Ánh	Ngọc	1988	1968/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1852	BÙI THỊ HỒNG	QUYÊN	08/4/1994	1969/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1853	Trần Thanh	Điền	29/6/1993	197/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1854	HUỶNH NHƯ	THẢO	19/3/1996	1970/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1855	VÕ THỊ THÙY	TRANG	26/3/1993	1971/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1856	PHAN THỊ THANH	TÂM	20/02/1991	1972/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1857	Nguyễn Thị Như	Cúc	1976	1972/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1858	NGUYỄN MINH	ĐỨC	30/6/1996	1973/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1859	Hồ Minh	Bừu	1980	1973/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1860	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	21/5/1982	1974/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1861	Trần Hồng	Châu	1988	1974/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1862	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	24/02/1998	1975/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1863	Nguyễn Thị Kim	Hồng	1988	1975/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1864	NGUYỄN QUỐC	TÒÀN	15/9/1986	1976/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1865	NGUYỄN ANH	THƯƠNG	10/8/1996	1977/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1866	Lê Thị Trút	Linh	1988	1977/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1867	NGUYỄN DIỆU	LINH	1980	1978/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1868	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	15/5/1995	1979/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1869	Võ Thụy	Vy	1987	1979/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1870	Nguyễn Văn	Quý	1986	198/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1871	ĐẶNG CHÍ	AN	06/9/1990	1980/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1872	TRANG NGUYỄN THU	HIỀN	22/6/1987	1981/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1873	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	1985	1981/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1874	PHẠM HÙNG	CƯỜNG	16/8/1997	1982/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1875	TRẦN HUỖNH GIA	THỊNH	07/6/1995	1983/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã
1876	HÀ VĂN	PHƯỚC	12/11/1998	1984/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1877	Võ Kim	Chi	1968	1984/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1878	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	01/6/1996	1985/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1879	Lương Thị Thu	Hương	1979	1985/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1880	LÊ THỊ NGỌC	LY	18/11/1988	1986/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1881	NGUYỄN XINH	NGUYỄN	07/7/1980	1987/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1882	Hứa Thị Cẩm	Hồng	1984	1987/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1883	LÊ THỊ MAI	THẢO	04/11/1986	1988/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1884	Nguyễn Văn	Hoàng	1978	1988/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1885	HỒ THỊ THANH	THÚY	17/3/1987	1989/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1886	Đặng Kim	Bình	1987	1989/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1887	Nguyễn Trường Giang	Nam	1986	199/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1888	NGUYỄN THỊ BÉ	HIỀN	10/02/1984	1990/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1889	Lê Minh	Đường	1990	1990/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1890	BÙI HẢI	YẾN	29/5/1982	1991/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1891	Trần Thị Bảo	Thúy	1984	1991/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1892	ĐỖ HOÀNG	NAM	14/9/1986	1992/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1893	Nguyễn Thị	Ngọc	1987	1992/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1894	TRẦN QUỲNH	TRÂM	07/11/1994	1993/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1895	Hứa Thị Bích	Phượng	1990	1993/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1896	HUỶNH THỊ THÚY	AN	29/11/1992	1994/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1897	Mohamách	Sukri	1984	1994/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1898	NGUYỄN THỊ	ĐẸP	04/12/1969	1995/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1899	NGUYỄN THỊ NGÂN	HÀ	20/02/1994	1996/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1900	Ngô Thị Thùy	Trang	1994	1996/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1901	TRẦN THỊ THẠCH	THẢO	16/7/1995	1997/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1902	Trần Thanh	Phong	1989	1997/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1903	NGUYỄN NGỌC	MỸ	15/9/1993	1998/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1904	Trương Ngọc	Diễn	1965	1998/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1905	TRẦN MINH	THÙY	25/11/1989	1999/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1906	Nguyễn Tiến	Thắng	1990	1999/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1907	Lê Thị Mỹ	Dung	07/10/1989	20/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1908	Ngô Văn	Thuận	1978	20/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1909	Trần Ngọc	Chơn	22/4/1985	200/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1910	Trần Kinh	Kha	1962	200/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1911	NGUYỄN THỊ MỘNG	TIỀN	20/02/1981	2000/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1912	ĐÌNH MINH	THÀNH	26/10/1989	2001/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1913	Nguyễn Thị Thùy	Mai	1966	2001/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1914	VÕ THỊ	HƯỜNG	10/12/1984	2002/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1915	PHẠM THỊ TRẢ	MY	30/4/1989	2003/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1916	Nguyễn Văn	Cường	1980	2003/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1917	HUỶNH NGỌC	Ý	19/3/1992	2004/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1918	Nguyễn Bảo	Trần	1994	2004/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1919	NGUYỄN THỊ OANH	YẾN	15/01/1982	2005/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1920	LÊ VĂN SÔ	NY	12/6/1985	2006/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1921	LÂM THỊ NGỌC	BÍCH	23/5/1981	2007/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1922	Lương Thị Cẩm	Hằng	1990	2007/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1923	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỆP	15/7/1985	2008/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1924	LÊ THỊ DIỆU	HÔI	17/5/1985	2009/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1925	Lê Thị Tố	Loan	1982	2009/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1926	Nguyễn Thị Kim	Ngân	05/01/1988	201/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1927	Thái Hoàng	Diễn	1985	201/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1928	HUỶNH NGỌC	LINH	24/3/1975	2010/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1929	Phạm Kim	Cương	1992	2010/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1930	NGUYỄN MINH	TÂM	28/12/1984	2011/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1931	VÕ NGUYỄN QUỐC	CHÁNH	14/10/1996	2012/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1932	ĐẶNG THỊ KIM	OANH	22/8/1997	2013/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1933	Đỗ Thùy	Tiên	1966	2013/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1934	TRẦN THANH	PHONG	27/02/1973	2014/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1935	Bùi Thị Bích	Ngọc	1984	2014/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1936	LA TẤN	MỸ	19/6/1968	2015/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1937	Trương Thanh	Tuyền	1985	2015/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1938	NGUYỄN THỊ NGỌC	GIÀU	02/9/1990	2016/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1939	Nguyễn Minh	Thuận	1989	2016/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1940	NGUYỄN THỊ KIM	HẬU	20/5/1988	2017/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1941	Võ Trường	Son	1990	2017/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1942	LÊ THỊ HỒNG	ĐIỀU	25/10/1983	2018/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1943	Võ Thị Ngọc	Minh	1986	2018/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1944	ĐOÀN THỊ MỸ	HẠNH	25/10/1984	2019/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1945	Nguyễn Sinh	Trường	1984	2019/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1946	NGUYỄN BÍCH	THỦY	25/8/1988	2020/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1947	Võ Phạm	Hào	1982	2020/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1948	HỒ HUỶNH	HẠNH	05/01/1984	2021/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1949	TRẦN CAM	BENL	15/7/1986	2022/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã
1950	Nguyễn Thanh	Tú	1980	2022/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1951	HỒ THỊ NGỌC	QUÍ	25/11/1988	2023/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1952	NGUYỄN THANH	TÂM	27/9/1989	2024/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1953	Huỳnh Thị Cẩm	Trình	1989	2024/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1954	PHAN NHỰT	NGUYỄN	01/01/1986	2025/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1955	Trần Thanh	Phong	1985	2025/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1956	NGUYỄN HOÀNG	MINH	14/8/1986	2026/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1957	Nguyễn Thị	Thảo	1991	2026/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1958	NGUYỄN NGỌC THỦY	DƯƠNG	19/01/1995	2027/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1959	PHAN BẢO	TOÀN	15/4/1986	2028/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1960	Trần Bảo	Long	1977	2028/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1961	LÊ THỊ TUYẾT	NHI	14/01/1997	2029/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1962	Phan Thị Diễm	My	1993	2029/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1963	Trần Kim	Mai	02/3/1970	203/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1964	Lê Thị	Nữ	1985	203/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1965	DƯƠNG THANH	HẢI	10/10/1991	2030/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1966	Bùi Văn	Trường	1987	2030/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1967	PHẠM THỊ CẨM	TIÊN	28/3/1996	2031/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1968	MAI THỊ LAN	HƯƠNG	05/7/1999	2032/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1969	Nguyễn Thị Thúy	Oanh	1983	2032/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1970	NGUYỄN NGỌC TRẦN	TRẦN	05/5/1992	2033/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1971	ĐẶNG VĂN	AN	10/3/1994	2034/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1972	Nguyễn Thị Việt	Trình	1992	2034/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1973	CHÂU NGỌC	GIÀU	25/3/1985	2035/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1974	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	1994	2035/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1975	NGUYỄN NGỌC	TUYỀN	25/10/1985	2036/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1976	Lê Hồng	Chiêu	1979	2036/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1977	VÕ THỊ KIM	THANH	04/5/1998	2037/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1978	Hồ Nhật	Sang	1991	2037/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1979	LÊ NGỌC THANH	TÚ	01/01/1986	2038/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1980	Trần Thị Lệ	Nguyễn	1985	2038/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1981	NGUYỄN THỊ MỸ	TIÊN	02/10/1993	2039/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1982	Nguyễn Văn	Phong	06/6/1983	204/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1983	Đỗ Thị Thanh	Vân	1964	204/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1984	NGUYỄN THỊ TUYẾT	LOAN	30/5/1979	2040/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1985	Nguyễn Xuân	Nhật	1987	2040/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1986	LAI THỊ DIỄM	EM	07/9/1990	2041/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1987	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	1984	2041/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1988	BÙI CẨM HẢI	THƯỜNG	13/11/1981	2042/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1989	NGUYỄN THỊ KIM	CƯỜNG	09/11/1978	2043/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1990	Nguyễn Ngọc	Minh	1994	2043/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1991	NGUYỄN THỊ	TÍNH	01/01/1983	2044/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1992	TẶNG TRUYỀN	THÔNG	28/12/1996	2045/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1993	PHAN XUÂN	NHI	10/3/1996	2046/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1994	Nguyễn Ngọc	Thảo	1988	2046/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1995	HÀ HUY	DŨNG	09/10/1967	2047/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1996	Võ Thị Kim	Phượng	1982	2047/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1997	NGÔ THỊ TÚ	TRINH	26/4/1999	2048/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1998	Châu Hoàng	Chương	1966	2048/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1999	LAI NGUYỄN THỦY	LINH	07/5/1990	2049/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2000	Nguyễn Thị Thiên	Thanh	1993	2049/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2001	Trần Thị Thùy	Trang	17/6/1989	205/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2002	Đoàn Thị Diễm	Thúy	1972	205/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2003	TRƯƠNG LONG	HẬU	01/01/1999	2050/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2004	Lê Nguyễn Thùy	Linh	1991	2050/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2005	NGUYỄN BẢO	CHẤU	09/10/1992	2051/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2006	Phạm Thị Hồng	Phấn	1988	2051/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2007	HUỶNH NGUYỄN ĐỨC	NGHIỆP	02/12/1978	2052/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2008	Nguyễn Hùng	Vĩ	1988	2052/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2009	LÊ THỊ MAI	HƯƠNG	26/10/1998	2053/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2010	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	1993	2053/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2011	NGÔ THỊ	NHUNG	30/9/1980	2054/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2012	Dương Minh	Phước	1989	2054/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2013	NGUYỄN THỊ THÚY	NHI	20/02/1990	2055/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2014	Nguyễn Ngọc	Trâm	1993	2055/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2015	ĐƯƠNG BẢO	NGHI	25/8/1997	2056/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2016	Trần Thị	Thủy	1980	2056/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2017	LÊ TIỂU	THÚY	05/02/1996	2057/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2018	Nguyễn Trọng	Khanh	1991	2057/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2019	VÕ THỊ THÙY	ĐƯƠNG	01/02/1998	2058/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2020	Nguyễn Thị Thu	Hiền	1988	2058/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2021	TRỊNH THỊ BỘI	TUYÊN	13/10/1999	2059/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2022	Phan Hoàng	Anh	1984	2059/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2023	Lê Hoàng	Huy	1983	206/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2024	NGUYỄN THỊ ĐIỂM	TRINH	27/3/1985	2060/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2025	Nguyễn Thị Mỹ	Thi	1992	2060/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2026	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIỀN	15/8/1984	2061/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2027	Nguyễn Văn	Thức	1990	2061/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2028	VÕ LƯU NHẬT	TRỌNG	23/11/1985	2062/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2029	Huỳnh Thị Trúc	Linh	1984	2062/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2030	LƯƠNG MỸ	TRINH	29/5/1985	2063/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2031	Trần Xuân	Thảo	1985	2063/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2032	TRẦN HUỶNH MINH	CHÂU	16/4/1984	2064/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2033	Trần Minh	Luân	1986	2064/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2034	LÊ THỊ THÚY	AN	26/8/1995	2065/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2035	Nguyễn Thị Ánh	Linh	1993	2065/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2036	ĐỖ PHÁT	TÀI	24/10/1994	2066/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2037	Huỳnh Ngọc	Lan	1982	2066/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2038	HUỶNH THỊ KIM	ANH	05/01/1997	2067/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2039	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	1988	2067/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2040	VÕ NGỌC	HÂN	01/01/1997	2068/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2041	Võ Hồng	Vũ	1991	2068/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2042	PHAN NGỌC	XUÂN	14/02/1995	2069/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2043	Nguyễn Thị	Bé	1960	2069/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2044	LÂM THỊ KIM	CƯƠNG	01/01/1992	207/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc
2045	Nguyễn Trung	Hiếu	1988	207/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2046	NGUYỄN THỊ CẨM	HỒNG	01/8/1999	2070/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2047	ĐẶNG THỊ MỸ	DUYÊN	06/3/1986	2071/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2048	Nguyễn Thị	Thảo	1993	2071/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2049	TRẦN TUẤN	AN	02/7/1989	2072/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2050	Phước Thị Thúy	An	1987	2072/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2051	HỒ QUỐC	HUY	06/6/1987	2073/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2052	Đình Thị Phương	Thảo	1975	2073/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2053	LÊ THỊ TRÚC	LINH	21/11/1997	2074/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2054	Trần Trung	Tín	1988	2074/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2055	ĐÀO THỊ	HUỆ	20/3/1999	2075/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2056	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	1988	2075/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2057	HỒ THỊ CẨM	TÚ	20/11/1983	2076/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2058	Đỗ	Quyên	1993	2076/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2059	HỒ KIM	NGÂN	07/5/1994	2077/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2060	Võ Chế	Linh	1975	2077/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2061	NGUYỄN THỊ HUỲNH	LÊ	23/9/1997	2078/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2062	Cao Kim	Dư	1993	2078/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2063	NGUYỄN KHOA	NAM	17/5/1998	2079/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2064	Nguyễn Thành	Nhân	1991	2079/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2065	Lê Thị Trường	Vi	15/3/1992	208/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2066	BÙI THỊ THÚY	LOAN	12/11/1977	2080/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2067	Dương Thị Bé	Hai	1991	2080/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2068	NGUYỄN NGỌC KIỂU	DIỄM	18/6/1999	2081/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2069	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	1991	2081/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2070	ĐỖ HOÀNG	HUY	01/12/2000	2082/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2071	Nguyễn Thị Thanh	Thuyền	1987	2082/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2072	HUỲNH VÕ YẾN	NHI	01/10/1996	2083/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2073	PHÙNG PHƯƠNG	ĐÀO	02/8/1996	2084/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2074	Lê Thị Kim	Cúc	1985	2084/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2075	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	12/9/1996	2085/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2076	Trần Minh	Hùng	1972	2085/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2077	PHẠM TUẤN	THIỆN	30/3/1985	2086/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2078	Mai Thị Hồng	Phuong	1989	2086/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2079	NGUYỄN KIM	HỒNG	25/12/1971	2087/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2080	NGUYỄN HỈNH MINH	TÂM	10/11/1990	2088/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2081	Nguyễn Thành	Tiếng	1983	2088/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2082	NGUYỄN VĂN	PHO	21/6/1983	2089/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2083	Bùi Thị Kim	Ngọc	1992	2089/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2084	NGUYỄN THỊ	HÒE	04/12/1988	2090/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2085	NGUYỄN THỊ THẢO	TRANG	12/5/1997	2091/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2086	LÊ NGUYỄN THỊ TRANG	DIỄM	25/9/1987	2092/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2087	Nguyễn Hồng	Tiếp	1969	2092/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2088	BÙI THỊ HUYỀN	TRẦN	10/5/1997	2093/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2089	Võ Thị	Xoan	1990	2093/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2090	NGUYỄN THỊ THỦY	DUNG	15/4/1982	2094/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2091	Trần Hạ	Quyên	1984	2094/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2092	BÙI THỊ THU	TRANG	01/01/1986	2095/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2093	Ngô Thị Ngọc	Hương	1959	2095/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2094	HUỶNH HOA NHẤT	HẠNH	09/10/1985	2096/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2095	LÊ THỊ BÍCH	CHI	27/10/1984	2097/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2096	Nguyễn Thành	Quốc	1983	2097/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2097	TRẦN THỊ	PHỖ	20/7/1984	2098/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2098	Quách Kiến	Lực	1974	2098/ĐT-CCHND	Hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể buôn bán dược liệu, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu; Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2099	NGUYỄN MINH	THIỆN	07/01/1986	2099/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2100	Trần Thị Kim	Cúc	1992	2099/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2101	Đình Trần Duy	Tuyển	26/12/1990	21/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2102	Trần Thị Kiều	Oanh	1986	21/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2103	Đặng Thị Kim	Linh	09/10/1994	210/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2104	ĐÌNH THỊ	MAI	12/6/1994	2100/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2105	Trần Tấn	Hiệp	1992	2100/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2106	NGUYỄN THU	THẢO	03/7/1987	2101/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2107	Đình Thị	Dịu	1992	2101/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2108	NGUYỄN HUỶNH THU	SƯƠNG	29/12/1997	2102/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2109	Lê Thị Bạch	Tuyết	1983	2102/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2110	NGUYỄN THỊ QUẾ	ANH	23/7/1999	2103/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2111	BẠCH THỊ CẨM	TIÊN	12/6/1999	2104/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2112	Tống Thị Thúy	Diện	1985	2104/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2113	HỒ PHẠM KIM	ANH	19/2/1999	2105/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2114	LÊ ĐỖ XUÂN	QUYÊN	03/10/1996	2106/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2115	NGUYỄN THỊ KIM	NHƯ	30/7/1991	2107/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2116	TRANG THANH	HUY	24/12/1997	2108/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2117	TRẦN THỊ KIM	THÙY	22/02/1992	2109/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2118	Dương Thị Mỹ	Linh	1984	2109/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2119	Huỳnh Tấn	Hữu	27/8/1982	211/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2120	Trương Kim	Tiền	1983	211/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2121	NGUYỄN KIM	THÙY	24/12/1967	2110/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc
2122	Dương Văn	Dân	1983	2110/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2123	TIÊU THỊ THU	XUÂN	19/01/1994	2111/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2124	Phan Ngọc	Tối	1987	2111/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2125	VĂN THỊ NGỌC	HUYỀN	22/5/1995	2112/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2126	Nguyễn Thị Diệu	Thư	1989	2112/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2127	TRINH MŨI	KEO	23/4/1989	2113/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2128	Phạm Hoàng	Nam	1986	2113/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2129	NGUYỄN THỊ HỒNG	DIỆP	28/01/1995	2114/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2130	TRẦN THỊ HỒNG	GĂM	20/7/1993	2115/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2131	Phan Thị Thanh	Kiều	1967	2115/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2132	TRẦN HOÀNG	HUY	23/12/1999	2116/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2133	Tô Thanh	Hiếu	1975	2116/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2134	PHẠM THỊ THÚY	LIÊN	19/8/1993	2117/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2135	Võ Thị Châu	Pha	1990	2117/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2136	LÊ MINH	MẮN	18/10/1974	2118/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2137	Nguyễn Thị Lan	Hương	1983	2118/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2138	BÙI THỊ THÚY	HẰNG	06/02/1994	2119/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2139	Đặng Nhật	Tâm	1986	2119/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2140	BÙI THỊ CẨM	VÂN	24/10/1987	212/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2141	Võ Thị Thảo	Ly	1990	212/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2142	ĐỖ THỊ THÙY	DƯƠNG	02/8/1982	2120/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2143	ĐÀO DUY	KHÁNH	06/4/1989	2121/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2144	Lê Thị Mai	Trình	1986	2121/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2145	HÀ VĂN	QUỐC	09/3/1995	2122/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2146	Bùi Thị Thùy	Dương	1990	2122/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2147	NGUYỄN THỊ TỎ	TRINH	19/10/1996	2123/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2148	Lê Minh	Quang	1989	2123/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2149	Bùi Thị Bé	Tuyền	1988	2124/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2150	LÊ HỮU	PHƯỚC	09/12/1972	2125/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2151	Lê Văn	Mau	1985	2125/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2152	LÊ MINH	NHI	27/10/1985	2126/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2153	Lâm Thị Hồng	Vân	1984	2126/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2154	NGUYỄN QUANG	THỐI	11/02/1982	2127/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2155	Phan Thị Thùy	Trang	1985	2127/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2156	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	06/3/1995	2128/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2157	Mai Ngọc	Cơ	1962	2128/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2158	BÙI THỊ NGỌC	MAI	07/6/1995	2129/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2159	Choa Thị	Khên	1985	2129/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2160	Lê Kim	Anh	15/12/1966	213/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2161	Bùi Thúy	Loan	1984	213/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2162	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	22/10/1981	2130/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2163	ĐỖ THỊ THÙY	TRANG	11/6/1998	2131/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2164	Nguyễn Quế	Phương	1965	2131/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2165	LÊ TRONG	NGHĨA	30/10/1970	2132/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc.
2166	Nguyễn Thế	Thiết	1993	2132/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2167	NGUYỄN BẠCH THANH	TRÚC	30/6/1985	2133/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2168	Thái Thị Ngọc	Bích	1994	2133/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2169	HUỶNH HỒNG	HẢO	17/5/1985	2134/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2170	Nguyễn Thị	Thái	1985	2134/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2171	VÕ KHẮC	DUY	02/02/1982	2135/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2172	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	1984	2135/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2173	VY THỊ THANH	THẢO	20/3/1995	2136/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2174	Hồ Văn	Nghê	1964	2136/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2175	NGUYỄN THỊ BÉ	THƠ	01/4/1996	2137/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2176	BÙI ĐẮC VIỆT	TÀI	05/11/1997	2138/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2177	Lê Thị Kiều	Oanh	1994	2138/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2178	NGUYỄN BẠCH	YẾN	22/11/1988	2139/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2179	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	20/4/1992	214/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2180	Đỗ Thành	Khen	1989	214/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2181	TRƯƠNG NGỌC	HĂNG	27/6/1990	2140/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2182	Văn Phú Hoa	Ha	1988	2140/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2183	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NGÂN	10/02/1992	2141/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2184	Nguyễn Hồng	Hạnh	1983	2141/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2185	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VI	30/9/1998	2142/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2186	Võ Kim	Thoa	1986	2142/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2187	VÕ PHÁT	ĐẠT	22/5/1993	2143/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2188	Huỳnh Thị	Thuần	1962	2143/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2189	HỒ VĂN	THI	08/01/1991	2144/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2190	LÊ THỊ ÁNH	THU	18/3/1985	2145/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2191	Nguyễn Thị Anh	Thư	1992	2145/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2192	PHẠM TRẦN NHƯ	NGỌC	13/3/1980	2146/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2193	Trần Nguyễn	Quý	1993	2146/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2194	VÕ THỊ NGỌC	LÀI	25/8/1985	2147/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2195	Hồ Thị Trúc	Mai	1992	2147/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2196	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	06/4/1989	2148/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2197	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	1991	2148/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2198	LÊ THỊ HOÀNG	YẾN	15/12/1993	2149/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2199	Trần Ngọc	Tinh	10/4/1991	215/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2200	VÕ KIM	QUANG	13/11/1988	2150/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2201	Phạm Nhựt	Linh	1984	2150/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2202	HUỲNH THỊ HỒNG	NHI	20/02/1987	2151/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2203	Nguyễn Hiếu	Thảo	1987	2151/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2204	CHỬ THỊ	THƠM	03/11/1980	2152/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2205	Nguyễn Thị	Tô	1988	2152/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2206	HỒ NGỌC	THANH	23/6/1987	2153/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2207	Trần Thị Yến	Nhi	1993	2153/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2208	NGUYỄN THỊ THANH	LAN	22/5/1979	2154/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2209	CAO VĂN	TRỌNG	14/6/1994	2155/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2210	NGUYỄN HOÀNG MỘNG	TRINH	22/11/1993	2156/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2211	Bùi Thị Quỳnh	Mi	1987	2156/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2212	NGUYỄN THỊ	THẨM	05/9/1988	2157/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2213	Trần Thị Hồng	Gấm	1991	2157/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2214	HUỶNH HỒNG	CHẤU	30/7/1990	2158/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2215	Nguyễn Thị	Thu	1990	2158/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2216	VÕ THỊ KIỀU	DIỄM	06/6/1988	2159/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2217	Nguyễn Hữu Nhân	Tâm	1988	2159/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2218	Trần Ngọc Công	Danh	30/9/1993	216/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2219	NGUYỄN THỊ NHƯ	THÙY	16/9/1992	2160/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2220	Nguyễn Đắc	Chí	1988	2160/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2221	LƯU THỊ KIM	HUỆ	09/9/1979	2161/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2222	Nguyễn Hữu	Tâm	1986	2161/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2223	LÊ THỊ MỸ	TUYÊN	05/7/1990	2162/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2224	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	1972	2162/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2225	ĐÀO THỊ DIỄM	PHƯỢNG	19/8/1984	2163/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2226	Nguyễn Thị Bích	Vân	1988	2163/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2227	LÊ THANH	TÙNG	12/9/1995	2164/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2228	Nguyễn Thị Anh	Thư	1985	2164/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2229	NGUYỄN TUYÊN	HỖN	03/5/1988	2165/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2230	NGUYỄN VÕ LUYẾN TRÚC	ANH	01/4/1987	2166/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2231	Trần Quốc	Qui	1985	2166/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2232	ĐỖ THỊ THANH	PHƯƠNG	30/12/1982	2167/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2233	Huỳnh Thế	Vinh	1988	2167/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2234	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHI	03/7/1997	2168/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2235	Lê Thúy	An	1989	2168/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2236	BÙI THỊ Ý	NHI	12/02/1992	2169/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2237	Lê Ngọc	Thủy	1985	2169/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2238	NGUYỄN THỊ BÍCH	THI	1984	2170/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2239	Thái Mỹ	Lệ	1985	2170/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2240	HUỶNH KIM	THÙY	22/9/1983	2171/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2241	Nguyễn Thị Thùy	Vi	1981	2171/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2242	PHẠM THỊ	CÚC	10/6/1986	2172/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2243	Trần Công	Triết	1972	2172/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2244	PHẠM THỊ	BÁY	01/6/1966	2173/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2245	Bùi Thị	Hồ	1963	2173/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2246	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ	25/12/1993	2174/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2247	Lê Thanh	Phát	1983	2174/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2248	MAI THỊ TÚ	QUYÊN	07/6/1990	2175/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2249	Huỳnh Thị Dạ	Lan	1994	2175/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2250	NGÔ MỸ	THUẬN	01/01/1997	2176/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2251	Võ Thị Yên	Nhi	1993	2176/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2252	NGUYỄN TRÚC	PHƯƠNG	06/8/1988	2177/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2253	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	1981	2177/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2254	HUỲNH TẤN	PHƯỚC	26/12/1979	2178/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2255	Phạm Mai	Thi	1987	2178/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2256	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	15/4/1989	2179/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2257	Đào Thị Diễm	My	1991	2179/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2258	Lê Thị Trúc	Giang	15/5/1990	218/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2259	Phạm Thị Minh	Nguyệt	1984	218/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2260	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	19/8/1999	2180/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2261	Nguyễn Thị Kim	Thom	1984	2180/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2262	NGUYỄN THÙY	LINH	19/6/1995	2181/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2263	Nguyễn Ngọc	Nữ	1991	2181/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2264	LÊ THỊ THÙY	TRANG	25/6/1999	2182/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2265	Huỳnh Thị Trúc	Chi	1988	2182/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2266	HỨA	PHÚ	02/8/1994	2183/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2267	PHAN TRẦN	UYÊN	10/3/1993	2184/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2268	ĐẶNG THỊ	MAY	02/12/1999	2185/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2269	LÊ THỊ KIM	CƯỜNG	03/02/1982	2186/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2270	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NHƯ	09/11/1999	2187/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2271	TRẦN THỊ XUÂN	TRÚC	28/5/1999	2188/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2272	HUỲNH NGUYỆT	XUÂN	04/6/1985	2189/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2273	Nguyễn Tuấn	Vũ	1993	2189/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2274	Trần Cẩm	Nhung	13/11/1989	219/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2275	Võ Ngọc	Mỹ	1973	219/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2276	NGUYỄN THANH	BÌNH	01/5/1995	2190/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2277	Bùi Văn	Tươi	1972	2190/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2278	NGUYỄN THỊ CHÚC	THƯ	11/9/1996	2191/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2279	Nguyễn Thùy	Trinh	1975	2191/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2280	NGUYỄN LÊ THẢO	QUỖNH	21/11/1996	2192/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2281	Đình Văn	Tân	1987	2192/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2282	VÕ THỊ KIỀU	NÊN	01/8/1999	2193/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2283	Bùi Hoàng	Yến	1994	2193/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2284	HUỖNH NGỌC	KHUUU	25/10/1994	2194/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2285	Nguyễn Trường	Giang	1989	2194/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2286	HUỖNH THỊ KIM	SOÀN	30/4/1999	2195/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2287	TRƯƠNG VĨNH	THOM	27/10/1986	2196/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2288	Nguyễn Thái	Bình	1992	2196/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2289	TRẦN THỊ THU	TRANG	19/6/1992	2197/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2290	Lê Thị Quế	Chi	1990	2197/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2291	VÕ HUỖNH	YẾN	25/5/1989	2198/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2292	Nguyễn Văn	Dương	1994	2198/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2293	VƯƠNG THÁI	QUI	20/5/1982	2199/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2294	Lê Thị	Tha	1982	2199/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2295	Trần Thị Trúc	Giang	20/8/1982	22/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2296	Trần Thị	Lắm	1984	22/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2297	Hồ Như	Thủy	1980	220/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2298	Lê Thị Thanh	Vân	1976	2200/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2299	PHẠM THỊ TRÚC	LINH	14/9/1999	2201/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2300	Phan Thị Thanh	Loan	1962	2201/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2301	NGUYỄN TRẦN NGỌC	PHI	24/8/1993	2202/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2302	Phạm Thị Bé	Hiền	1986	2202/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2303	ĐẶNG THỊ	SANG	30/10/1969	2203/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2304	Nguyễn Xuân	Tiến	1987	2203/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2305	LÊ NGUYỄN HỒNG	THANH	16/02/1987	2204/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2306	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	1988	2204/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2307	TÔ NHÚT	ĐẠT	03/3/1998	2205/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2308	Lê Phương	Hà	1985	2205/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2309	NGUYỄN TRỌNG	VINH	09/10/1991	2206/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2310	Lê Anh	Huy	1978	2206/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2311	NGUYỄN THỊ NGỌC	DUNG	15/9/1987	2207/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2312	Trần Hoài	Phong	1986	2207/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2313	NGUYỄN QUANG	RẠNG	22/5/1978	2208/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2314	Lê Thị Thu	Hoa	1987	2208/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2315	HỒ THỊ	THUẬN	02/9/1984	2209/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2316	Trần Thị Thanh	Hà	1987	2209/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2317	PHẠM DŨNG TRANG	THANH	27/02/1994	221/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2318	ĐỖ NGỌC	THÚY	20/3/1980	2210/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2319	Nguyễn Thị Kim	Thoa	1988	2210/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2320	ĐINH HẢI	PHƯƠNG	05/11/1996	2211/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2321	Nguyễn Hoàn	Nhân	1985	2211/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2322	VÕ THỊ KIM	THOÀ	09/9/1981	2212/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2323	Nguyễn Đức	Thắng	1991	2212/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2324	ĐÀO THỊ MỸ	LINH	15/12/1984	2213/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2325	Triệu Văn	Mạnh	1993	2213/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2326	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	24/4/1984	2214/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2327	Lê Thị Mỹ	Tiên	1991	2214/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2328	ĐOÀN PHỤNG	LIÊN	09/12/1973	2215/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2329	Nguyễn Văn	Ngọc	1985	2215/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2330	LƯU THỊ	NHUNG	01/01/1984	2216/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2331	PHÙNG THỊ CẨM	CHI	25/8/1986	2217/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2332	NGUYỄN HOÀNG	GIANG	24/5/1984	2218/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2333	Trần Thị Kim	Điệp	1968	2218/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2334	NGUYỄN CHÚC	NHƯ	27/01/1988	2219/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2335	Phạm Thị Hồng	Loan	1991	2219/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2336	Hứa Thị Kim	Sanh	24/3/1972	222/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2337	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	02/8/1982	2220/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2338	Nguyễn Thị Cẩm	Hường	1990	2220/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2339	TRẦN THUY THÙY	TRANG	07/01/1982	2221/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2340	Nguyễn Thanh	Hiền	1981	2221/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2341	Dương Thị Thùy	Quyên	1994	2222/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2342	BÙI THỊ NGUYỆT	MINH	08/6/1985	2223/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2343	Trần Thị	Nguyễn	1991	2223/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2344	HUỶNH THỊ TRÚC	MAI	15/6/1987	2224/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2345	Trần Thị	Thúy	1984	2224/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2346	NGUYỄN DUY	ĐĂNG	22/12/1995	2225/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2347	Lê Thị Thanh	Thùy	1993	2225/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2348	VÕ KIM	NGÂN	22/02/1995	2226/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2349	Phạm Đỗ Thanh	Trúc	1990	2226/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2350	TRẦN THỊ MỸ	THƯỜNG	22/12/1997	2227/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2351	Thái Thị Kim	Siêng	1994	2227/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2352	NGUYỄN MINH	KHOA	07/12/1994	2228/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2353	Lê Thị Ngọc	Liều	1988	2228/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2354	NGUYỄN THỊ CẨM	NHI	10/9/1999	2229/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2355	Bùi Văn	Khiêm	1984	2229/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2356	Trần Minh	Tâm	19/4/1988	223/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2357	PHAN PHƯƠNG	ANH	24/11/1983	2230/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2358	Hà Cúc	Phương	1980	2230/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2359	PHƯƠNG PHẠM NHÃ	QUYÊN	10/6/1995	2231/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2360	Nguyễn Thị Thùy	Dương	1985	2231/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2361	LÊ PHƯỚC	SANG	18/8/1995	2232/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2362	DƯƠNG THỊ NGỌC	THẢO	30/4/1995	2233/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2363	Lê Nhật	An	1983	2233/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2364	HỒ THANH	SANG	05/12/1997	2234/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2365	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	1986	2234/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2366	BÙI NGUYỄN PHÚC	NHÂN	30/3/1995	2235/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2367	Lê Thị	Diễm	1982	2235/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2368	NGUYỄN THÚY	NGA	02/01/1996	2236/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2369	Hồ Thị Hồng	Thắm	1993	2236/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2370	PHẠM THỊ KIỀU	OANH	12/8/1990	2237/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2371	LÊ THỊ	THƯỜNG	20/4/1985	2238/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2372	Mai Thị Kim	Dung	1967	2238/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2373	NGUYỄN THỊ ÚT	NHỒ	18/7/1982	2239/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2374	Đỗ Đắc	Trí	1984	2239/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2375	LÊ THỊ THU	HÀ	11/7/1994	224/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2376	Đào Ngọc	Diễm	1983	224/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2377	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	29/11/1984	2240/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2378	Huỳnh Thị Kiều	Phuong	1985	2240/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2379	LÊ THỊ KIM	NGÂN	06/8/1999	2241/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2380	Ngô Quốc	Công	1985	2241/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2381	NGUYỄN KIỀU	HẠNH	14/8/1999	2242/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2382	TRẦN THANH	TÂM	15/10/1983	2243/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2383	NGUYỄN THỊ	HOÀI	30/10/1998	2244/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2384	Võ Ngọc Lang	Hương	1988	2244/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2385	LÊ GIA	HY	19/9/1999	2245/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2386	NGUYỄN KIỀU HẢI	YẾN	06/01/1997	2246/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2387	Nguyễn Thị	Diễm	1991	2246/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2388	Đỗ Thùy	Dương	1994	2247/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2389	NGUYỄN THỊ MINH	NGUYỆT	10/6/1989	2248/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2390	Thái Hồng	Nho	1988	2248/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2391	HUỶNH NGỌC HUYỀN	TRÂM	16/6/1997	2249/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2392	Đào Thị	Lộc	1994	2249/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2393	Nguyễn Thị Bé	Ba	25/02/1992	225/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2394	LÊ VĂN NHÃ	PHƯƠNG	14/4/1980	2250/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc.
2395	Nguyễn Thị Mộng	Kiều	1978	2250/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2396	PHAN BÁ	TÙNG	21/9/1995	2251/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2397	Nguyễn Thị Kim	Thanh	1984	2251/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2398	TRINH GIA	TUYẾN	27/5/1985	2252/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2399	Lê Thị Bích	Như	1994	2252/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2400	ĐẶNG THỊ TUYẾT	TRINH	08/11/1992	2253/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2401	Võ Duy	Thanh	1989	2253/ĐT-CCHND	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2402	VÕ NGUYỄN HỒNG	YẾN	10/6/1996	2254/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2403	Lê Nguyễn Thiên	Thanh	1989	2254/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2404	NGUYỄN LÊ THỊ NGỌC	TRÚC	01/02/1997	2255/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2405	BÙI THỊ THANH	NHI	10/10/1993	2256/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2406	NGUYỄN THỊ BÁO	NGỌC	27/4/1996	2257/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2407	NGUYỄN VĂN	THẮNG	01/01/1978	2258/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2408	Huỳnh Thị Yến	Nhi	1991	2258/ĐT-CCHND	Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2409	NGUYỄN THỊ	THANH	26/12/1982	2259/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2410	Lê Huỳnh	Thi	1994	2259/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2411	Nguyễn Ngọc	Thuận	13/10/1994	226/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2412	Huỳnh Thị Thúy	Luyên	1981	226/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2413	DƯƠNG THỊ THÚY	DUNG	02/7/1983	2260/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2414	Hàn Thanh	Hồng	1982	2260/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2415	TRẦN THỊ	NHANH	12/11/1993	2261/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2416	NGUYỄN THỊ	LOAN	09/10/1988	2262/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2417	Hồ Minh	Tài	1986	2262/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2418	NGUYỄN THỊ BÍCH	NHƯ	29/10/1986	2263/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2419	Nguyễn Thị Hiếu	Nhiên	1993	2263/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2420	LÊ THỊ MỘNG	KHA	21/4/1998	2264/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2421	Phạm Hiền	Vương	1984	2264/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2422	ĐOÀN QUỐC	TRUNG	25/9/1976	2265/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2423	Lê Ngọc Vân	Trang	1988	2265/ĐT-CCHND	Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2424	KIỀU PHƯỢNG	LIÊN	03/6/1990	2266/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2425	Tô Hoàng	Thít	1989	2266/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2426	NGUYỄN THỊ XUÂN	LANG	17/12/1988	2267/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2427	Trần Thanh	Tâm	1989	2267/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2428	TRẦN THỊ THÚY	HẰNG	16/12/1989	2268/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2429	LÊ THỊ	KHÔI	06/6/1997	2269/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2430	Tô Khánh	Minh	1966	2269/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2431	Võ Thị	Nhanh	17/11/1985	227/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2432	Phan Phú	Trung	1971	227/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y
2433	NGUYỄN THỊ CẨM	THI	15/9/1997	2270/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2434	Lê Kim	Mai	1993	2270/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2435	TRẦN THỊ KIM	GIÀU	21/9/1998	2271/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2436	NGUYỄN THỊ TÚ	MAI	28/02/1990	2272/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2437	Dương Hoàng	Phùng	1988	2272/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2438	TRƯỜNG THỊ KIM	CHI	11/3/1998	2273/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2439	Phan Thị	Nhi	1990	2273/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2440	TRẦN THANH	PHỤNG	02/5/1988	2274/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2441	Nguyễn Thị Thị	Dương	1991	2274/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2442	LÊ THỊ	HUỆ	01/01/1984	2275/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2443	Dương Thị Hồng	Linh	1986	2275/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2444	PHẠM THỊ THẢO	NGUYỄN	05/9/1994	2276/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2445	Lê Nhật	Minh	1990	2276/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2446	NGUYỄN THỊ TRÚC	LINH	16/11/1987	2277/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2447	Đặng Hữu	Tín	1991	2277/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2448	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÙY	07/01/1996	2278/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2449	Nguyễn Thanh	Tùng	1991	2278/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2450	LÊ NGỌC TRÂM	ANH	08/11/1996	2279/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2451	Nguyễn Thị Hương	Lan	1994	2279/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2452	Trần Bảo	Ngọc	06/01/1984	228/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2453	Trần Sơn	Dương	1976	228/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y
2454	LÊ THỊ DIỄM	KIỀU	20/12/1996	2280/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2455	Dương Thị Mỹ	Lan	1981	2280/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2456	NGUYỄN THỊ THÙY	TRÂM	17/4/1999	2281/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2457	Nguyễn Thị Bích	Thùy	1968	2281/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2458	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	28/7/1997	2282/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2459	Trần Thị	Thúy	1987	2282/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2460	TRẦN TRUNG	HIẾU	20/10/1987	2283/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2461	Lê Thị	Kiên	1983	2283/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2462	NGUYỄN THẠNH	TRỊ	29/3/1997	2284/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2463	NGUYỄN NHỰT	LINH	17/7/1988	2285/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2464	Lê Duy	Bảo	1990	2285/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2465	PHAN VĂN	LÊN	14/10/1981	2286/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2466	NGUYỄN NGỌC	ANH	25/4/1998	2287/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2467	Dương Yến	Oanh	1989	2287/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2468	LẠI THỊ CẨM	HỒNG	15/11/1994	2288/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2469	PHAN THỊ	PHỤNG	10/10/1988	2289/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2470	Hà Lê	Bừu	1990	2289/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2471	NGUYỄN BÁC	PHONG	1987	229/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2472	Trần Đức	Vinh	1974	229/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y
2473	NGUYỄN THỊ BÍCH	HẬU	09/9/1987	2290/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2474	Quách Lệ	Na	1977	2290/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2475	NGUYỄN MINH	THÔNG	01/4/1984	2291/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2476	Hồ Trương Thủy	Tiên	1991	2291/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2477	VÕ ĐỨC	ANH	03/01/1989	2292/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2478	TRẦN THỊ MỸ	KIỀU	22/11/1970	2293/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2479	Nguyễn Thanh Xuân	Nữ	1991	2293/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2480	NGUYỄN THỊ	XUÂN	01/01/1986	2294/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2481	Nguyễn Thị Hải	Âu	1993	2294/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2482	HUỶNH THỊ BÍCH	TUYỀN	13/10/1984	2295/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2483	LÊ THỊ HỒNG	GÁM	04/12/1993	2296/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2484	ĐỖ THỊ THANH	THANH	16/11/1996	2297/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2485	Phan Thị Anh	Thư	1994	2297/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2486	ĐINH QUANG	DŨNG	15/02/1995	2298/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2487	Võ Thị Ngọc	Châu	1994	2298/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2488	NGUYỄN QUANG	MINH	10/5/1987	2299/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2489	Lê Trúc	Phương	02/9/1976	23/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2490	Nguyễn Thị	Nhung	1982	23/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2491	Quách Thị	Loan	1987	230/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2492	Nguyễn Trung	Kiên	1985	230/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2493	TRƯƠNG THỊ TÚ	ANH	01/02/1995	2300/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2494	La Thị Huyền	Trang	1979	2300/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2495	NGUYỄN THỊ KIỀU YẾN	LINH	26/9/1999	2301/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2496	Nguyễn Thị Thúy	Vân	1984	2301/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2497	NGUYỄN HOÀI BẢO	MY	23/12/1996	2302/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã
2498	Ngô Thị Trúc	Ly	1992	2302/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2499	BÙI THỊ NGỌC	QUYÊN	27/4/1995	2303/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2500	Phạm Thị	Nguyệt	1977	2303/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2501	NGÔ THỊ CẨM	TIỀN	25/01/1997	2304/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2502	Trần Thị Thanh	Thùy	1977	2304/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2503	HUỶNH THỊ NGỌC	THẨM	16/11/1994	2305/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2504	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	1994	2305/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2505	VÕ THỊ THANH	THÚY	01/01/1997	2306/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2506	Lê Thị Mộng	Kha	1993	2306/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2507	PHẠM MẠNH	DŨNG	11/6/1988	2307/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2508	Nguyễn Thanh	Loan	1986	2307/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2509	NGUYỄN THÚY	SƠN	29/11/1994	2308/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2510	NGUYỄN CÔNG	MINH	25/9/1992	2309/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2511	Ngô Thị Tố	Anh	1994	2309/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2512	Trần Phú	Long	24/01/1981	231/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2513	Nguyễn Ngọc	Son	1948	231/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2514	PHAN THÀNH	PHONG	15/8/1988	2310/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2515	Bạch Thị Thanh	Giang	1986	2310/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2516	LÊ THỊ MỸ	HUYỀN	06/3/1984	2311/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2517	Trần Thanh	Nhàn	1975	2311/ĐT-CCHND	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2518	NGUYỄN THỊ DIỄM	TRANG	25/10/1993	2312/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2519	NGUYỄN MINH	QUẤN	13/9/1990	2313/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2520	HUỶNH THỊ	TUYỀN	09/3/1987	2314/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2521	NGÔ BÌNH	DƯƠNG	17/01/1984	2315/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2522	Lê Thị Mỹ	Hương	1990	2315/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2523	LÊ KIM	QUYÊN	02/3/1981	2316/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2524	Phạm Thị Diệu	Ngọc	1994	2316/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2525	TRẦN THỊ NGỌC	TRÂM	22/7/1993	2317/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2526	Đặng Cẩm	Giang	1992	2317/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2527	HUỶNH THỊ NGỌC	NHUNG	14/01/1997	2318/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2528	Đinh Thị Du	Ly	1991	2318/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2529	TRẦN THỊ NGỌC	DIỆP	13/8/1995	2319/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2530	Lê Thị Thu	Thùy	1971	2319/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2531	Nguyễn Thị Thùy	Trang	1980	232/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2532	Nguyễn Thị	Nga	1968	232/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2533	NGUYỄN LÊ THÀNH	ĐẠT	01/02/1991	2320/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2534	Lý Thị	Thâm	1985	2320/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2535	TRƯƠNG DUY	KHÁNH	05/5/1986	2321/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2536	NGUYỄN TRUNG	THỨ	08/11/1987	2322/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2537	Trần Khánh	Nguyễn	1990	2322/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2538	MAI THỊ CẨM	LINH	05/02/1982	2323/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2539	Nguyễn Quốc	Trung	1991	2323/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2540	TRẦN VĨNH	CỬU	09/7/1986	2324/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2541	Thái Thị Thùy	Trình	1990	2324/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2542	NGUYỄN VĂN	NGUYỄN	19/3/1992	2325/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2543	Trần Thanh	Trúc	1991	2325/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2544	ĐẶNG THỊ	NGỌC	14/02/1993	2326/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2545	Nguyễn Duy	Khánh	1990	2326/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2546	PHAN MINH	TRANG	10/01/1996	2327/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2547	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	1991	2327/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2548	PHẠM THỊ NGỌC	ẤN	01/01/1991	2328/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2549	Nguyễn Thị Trà	Hoa	1993	2328/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2550	LÃNG THỊ KIM	HƯƠNG	02/10/1985	2329/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2551	Hà Kim	Oanh	1980	2329/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2552	Võ Thị Thanh	Nga	30/10/1976	233/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2553	Huỳnh Văn	Nhung	1973	233/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2554	LÊ THỊ TUYẾT	TƯ	20/01/1987	2330/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2555	PHẠM LÊ MINH	THƯ	11/10/1988	2331/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2556	Nguyễn Ngọc	Son	1984	2331/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2557	HỒ THỊ KIM	QUYÊN	23/9/1986	2332/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2558	PHAN THÀNH	THUẬN	09/01/1980	2333/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2559	Lê Thị Hồng	Mến	1974	2333/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2560	NGUYỄN THÀNH	DƯ	05/6/1999	2334/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2561	TRẦN THỊ	THU	18/6/1980	2335/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2562	Trần Quốc	Hoàng	1990	2335/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2563	PHẠM NGỌC	THỨY	20/9/1968	2336/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2564	Bùi Thị Út	Nhỏ	1982	2336/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2565	VUU SIÊU	ỀNH	12/12/1988	2337/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2566	Lê Hoàng Nhật	Trường	1992	2337/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2567	NGUYỄN THỊ THỦY	TRANG	18/01/1995	2338/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2568	Lưu Thị	Huyền	1993	2338/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2569	HUỶNH VĂN	ĐOÀN	06/10/1997	2339/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2570	Nguyễn Tấn	Thiện	1988	2339/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2571	NGUYỄN THỊ ĐIỂM	TRANG	31/3/1976	234/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2572	Lê Thị Mỹ	Linh	1980	234/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2573	NGUYỄN THANH	TẤN	25/6/1993	2340/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2574	Quách Quý	Yên	1957	2340/ĐT-CCHND	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2575	PHẠM NGỌC	DIỂM	03/11/1994	2341/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2576	Nguyễn Việt	Tân	1990	2341/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2577	NGUYỄN NGỌC	NHUNG	22/3/1995	2342/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2578	Lê Kim	Phụng	1988	2342/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2579	PHAN THỊ	THẢO	30/4/1998	2343/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2580	Nguyễn Lệ Lan	Anh	1991	2343/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2581	NGUYỄN THỊ HỒNG	PHƯƠNG	26/7/1999	2344/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2582	Lê Phước	Thanh	1991	2344/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2583	HOÀNG THỊ BÍCH	TRÂM	18/10/1997	2345/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2584	Lê Thị Phương	Loan	1984	2345/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2585	NGUYỄN THANH	NGÂN	02/10/1996	2346/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2586	Nguyễn Hữu	Cánh	1994	2346/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2587	NGUYỄN THỊ KIM	YÊN	11/8/1976	2348/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2588	Vũ Thị Mộng	Trình	1990	2348/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2589	NGUYỄN THỊ KIM	PHƯƠNG	12/7/1976	2349/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2590	Lê Diễm	An	1993	2349/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2591	Nguyễn Hữu	Nhân	13/9/1991	235/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2592	Lê Văn	Thi	1960	235/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2593	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIẾU	16/5/1999	2350/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2594	Nguyễn Ngọc	Út	1985	2350/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2595	NGUYỄN THỊ	NGA	01/9/1979	2351/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2596	Đoàn Xuân	Thành	1987	2351/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2597	TÔ THANH	NHI	06/10/1992	2352/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2598	HỨA THỊ THANH	THẢO	07/7/1996	2353/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2599	LÊ MINH	THÀNH	02/4/1996	2354/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2600	Phạm Bảo	Ngọc	1991	2354/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2601	NGUYỄN THỊ KIM	HOÀNG	01/01/1995	2355/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2602	Nguyễn Hồng	Nhật	1983	2355/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2603	VÕ THỊ BẢO	ÁI	08/11/1995	2356/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2604	Phạm Văn	Cận	1967	2356/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2605	NGUYỄN MINH	THƯ	13/01/1999	2357/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2606	Phan Thị Kiều	Trang	1990	2357/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2607	NGUYỄN PHƯƠNG THÚY	NGỌC	21/5/1985	2358/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2608	Nguyễn Văn	Toàn	1982	2358/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
2609	LÊ THỊ BÍCH	NGÂN	08/12/1992	2359/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2610	Huỳnh Hồ	Hải	1983	2359/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2611	Nguyễn Thị Ngọc	Vy	28/12/1992	236/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2612	Trần Thị Xuân	Mỹ	1987	236/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2613	TRẦN THỊ	LOAN	17/6/1981	2360/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2614	Tường Thị Mỹ	Ân	1990	2360/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2615	TRẦN THỊ HỒNG	GÁM	15/6/1981	2361/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2616	Nguyễn Thị Phương	Trang	1989	2361/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2617	LÊ THỊ MỸ	NGOAN	20/02/1984	2362/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2618	Lê Trần	Đức	1980	2362/ĐT-CCHND	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2619	LÊ THỊ	HẰNG	06/6/1979	2363/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2620	Đặng Nhứt	Linh	1988	2363/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2621	TRẦN THỊ KIM	CÚC	20/7/1988	2364/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2622	Phan Phương	Thảo	1990	2364/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2623	ĐỖ THỊ KIM	CAN	04/10/1988	2365/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2624	CAO BÍCH	VÂN	25/6/1991	2366/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2625	Lê Trung	Việt	1986	2366/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2626	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	16/7/1997	2367/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2627	Trần Diệu	Hương	1990	2367/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2628	VÕ CHÂU	TRI	06/12/1990	2368/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2629	Nguyễn Ngọc	Hênh	1989	2368/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2630	LÊ DUY	TÙNG	19/7/1993	2369/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2631	Thái Thanh	Tuyền	20/6/1965	237/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2632	PHAN THỊ TUYẾT	NHUNG	20/01/1994	2370/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2633	Nguyễn Thị Diễm	Hằng	1991	2370/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2634	LÊ THỊ MINH	THƯ	22/6/1983	2371/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2635	Mai Thị Hương	Loan	1990	2371/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2636	PHẠM THỊ KIM	LUYẾN	20/11/1958	2372/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2637	Nguyễn Thị Ngọc	Trình	1979	2372/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2638	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	27/11/1982	2373/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2639	Lê Thị Mỹ	Kim	1993	2373/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2640	TRẦN CẨM	NHUNG	04/12/1992	2374/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2641	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	1984	2374/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2642	CHÂU MINH	ĐỨC	27/5/1997	2375/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2643	Lê Thị Mộng	Tuyền	1991	2375/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2644	NGUYỄN THỊ HỮU	DUNG	24/6/1983	2376/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2645	Huỳnh Anh	Thư	1985	2376/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2646	NGUYỄN THỊ BÍCH	TUYỀN	29/8/1999	2377/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2647	Bùi Thị Kim	Phượng	1994	2377/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2648	LÊ YẾN	XUYỀN	23/02/1994	2378/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2649	Hồ Phan Minh	Chí	1994	2378/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2650	ĐẶNG HỒNG TUYẾT	ANH	16/11/1992	2379/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2651	Phan Thanh	Nguyễn	10/01/1987	238/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2652	Dương Thị Kim	Thanh	1968	238/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2653	TRẦN THỊ DIỄM	MY	02/3/1997	2380/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2654	Nguyễn Thị Kiều	Trang	1991	2380/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2655	HỒ THỊ NGỌC	THẢO	06/11/1996	2381/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2656	NGUYỄN HOÀNG	HẬU	04/4/1984	2382/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2657	BÙI THANH	TUYỀN	10/02/1986	2383/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2658	Lê Thị Trúc	Linh	1993	2383/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2659	LƯU MINH	SƠN	01/6/1982	2384/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2660	NGUYỄN THỊ	NHÊ	21/10/1981	2385/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2661	Lê Trường	An	1986	2385/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2662	NGUYỄN THỊ CẨM	VÂN	20/10/1985	2386/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2663	Cao Vân	Anh	1982	2386/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2664	NGUYỄN KIM	THẢO	25/5/1983	2387/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2665	Đoàn Văn	Bảy	1980	2387/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2666	NGUYỄN THỊ HOA	THẢO	12/5/1983	2388/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2667	Trần Huệ	Long	1953	2388/ĐT-CCHND	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2668	LÝ	DỪNG	01/01/1986	2389/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2669	Nguyễn Thị Thu	Hòa	1991	2389/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2670	Trần Hoàng	Nam	16/7/1983	239/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2671	Trương Thị	Ngọc	1975	239/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2672	NGUYỄN THẠCH	SƠN	23/6/1979	2390/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2673	Trần Võ Minh	Phượng	1991	2390/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2674	TÔN NỮ YẾN	CHÂU	15/10/1984	2391/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2675	LÊ QUỐC	BẰNG	24/8/1985	2392/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2676	Lê Thị	Thúy	1991	2392/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2677	TRẦN THỊ MỸ	TIÊN	13/02/1991	2393/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2678	VÕ THỊ HOÀNG	HIẾU	05/5/1988	2394/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2679	Nguyễn Hoàng	An	1986	2394/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2680	ĐẶNG TRẦN LOAN	ANH	10/01/1997	2396/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2681	Nguyễn Thị Cẩm	Hường	1988	2396/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2682	TRẦN THỊ NGỌC	MỸ	27/4/1996	2397/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2683	Nguyễn Thị Kiều	My	1993	2397/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2684	NGUYỄN THỊ KIM	THI	15/8/1999	2398/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2685	LÊ THỊ PHƯƠNG	VY	04/12/1997	2399/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2686	Trần Thị	Lan	1993	2399/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2687	Lê Đăng Trúc	Linh	07/7/1981	24/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2688	Nguyễn Thiện	Hoàng	1982	24/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2689	THÁI THỊ THU	HIỀN	28/01/1984	240/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2690	Trần An	Trình	1960	240/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2691	NGUYỄN THỊ CẨM	LAN	01/5/1982	2400/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2692	Phan Thị Mỹ	Hoa	1989	2400/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2693	NGUYỄN ÁNH	DUY	19/4/1987	2401/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2694	Lê Thị Kim	Quyên	1982	2401/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2695	PHẠM THỊ THANH	TÂM	29/5/1996	2402/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2696	Bùi Nha	Mân	1993	2402/ĐT-CCHND	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2697	HỒ THỊ KIỀU	THI	13/3/1990	2403/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2698	HUỶNH NGUYỄN QUỐC	HUY	02/9/1997	2404/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2699	Nguyễn Thị Bé	Tám	1969	2404/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2700	ĐẶNG QUỐC ANH	TRÍ	14/5/1992	2405/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2701	Phan Bạch	Tuyết	1964	2405/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2702	PHÙNG VÕ YẾN	NHI	18/4/1997	2406/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2703	NGUYỄN TIÊU	DUY	01/01/1997	2407/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2704	DƯƠNG MINH	CÁNH	26/3/1995	2408/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2705	Phạm Phan Anh	Minh	1990	2408/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2706	LÝ THỊ HỒNG	VÂN	18/9/1996	2409/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2707	Trần Hoàng	Tiến	1990	2409/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2708	HUỶNH MINH	TƯỜNG	08/11/1988	241/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2709	Võ Thị Thùy	Trang	1969	241/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2710	LÂM THỊ MAI	HOA	07/02/1989	2410/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2711	Ngô Hồng	Phong	1989	2410/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2712	TRẦN THỊ TUYẾT	PHƯƠNG	03/12/1984	2411/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2713	TRẦN THỊ KIM	NHI	22/12/1988	2412/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2714	Dương Thị Minh	Thư	1988	2412/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2715	PHAN THỊ THÚY	DUY	13/8/1984	2413/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2716	LÊ NGUYỄN CẨM	TIÊN	29/8/1995	2414/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2717	Ngô Thị Huệ	Hân	1991	2414/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2718	VĂN LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	16/12/1999	2415/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2719	BÙI THỊ MỘNG	NGHI	12/7/1999	2416/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2720	Nguyễn Thị Bích	Phượng	1991	2416/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2721	LÊ THỊ THẢO	NGUYỄN	29/9/1999	2417/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2722	Nguyễn Ngân	Linh	1992	2417/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2723	NGUYỄN THỊ THU	HUYỄN	10/9/1996	2418/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2724	Nguyễn Văn Duy	Tuấn	1990	2418/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2725	LÊ THỊ MINH	NHƯ	13/11/1998	2419/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2726	Trần Thị Ngọc	Dung	1992	2419/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2727	LÊ THỊ TRÚC	MAI	13/4/1994	242/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2728	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	1979	242/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2729	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	12/11/1987	2420/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2730	BÙI THỊ KIM	TIÊN	01/01/1987	2421/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2731	Nguyễn Đức	Phi	1980	2421/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2732	NGUYỄN ĐOÀN TUYẾT	SƯƠNG	03/11/1989	2422/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2733	Đỗ Thị Huỳnh	Như	1994	2422/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2734	LÝ DUY	KHÁNH	26/10/1996	2423/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2735	NGUYỄN NHỰT	PHẨM	30/3/1997	2424/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2736	Nguyễn Thành	Huệ	1966	2424/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2737	NGUYỄN THỊ KIM	THÔNG	20/8/1994	2425/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2738	Phạm Thị Như	Ý	1985	2425/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2739	HUYỄN VĂN	LÀNH	01/01/1981	2426/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2740	Nguyễn Tấn	Si	1985	2426/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2741	NGUYỄN THỊ KIM	THOÀ	23/3/1982	2427/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2742	Nguyễn Hoài	Phượng	1993	2427/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2743	NGUYỄN THỊ YẾN	NGỌC	05/11/1990	2428/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2744	Nguyễn Thị Bích	Vân	1992	2428/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2745	NGUYỄN THỊ XUÂN	THU	04/02/1985	2429/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2746	Trần Thị Kim	Thùy	1988	2429/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2747	Trương Thị Tuyết	Vân	1959	243/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2748	NGUYỄN THỊ	LÀI	01/6/1992	2430/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2749	Hồ Thị Lệ	Thu	1968	2430/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2750	TRẦN THỊ TUYẾT	ĐẶNG	08/5/1989	2431/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2751	Phạm Mỹ	Nhi	1992	2431/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2752	LÊ THỊ THANH	GIANG	25/3/1987	2432/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2753	Nguyễn Văn	Em	1975	2432/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2754	HÀ NHỰT	HUY	26/3/1999	2433/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2755	NGUYỄN THÁI	PHƯƠNG	16/8/1992	2434/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2756	Nguyễn Thị	Diệp	1969	2434/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2757	HUỶNH THANH	TRÚC	04/7/1997	2435/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2758	Nguyễn Thanh	Tùng	1973	2435/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2759	ĐẶNG THỊ YẾN	MINH	17/3/1990	2436/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2760	Võ Thị Trúc	Mai	1987	2436/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2761	Lê Ngọc	Hà	1965	2437/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2762	PHAN THỊ MINH	TÂM	09/02/1985	2438/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2763	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	1986	2438/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2764	NGUYỄN THỊ MỸ	HƯƠNG	19/10/1998	2439/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2765	Phạm Hiền	Đức	1990	2439/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2766	Ngô Nguyễn Thanh	Tâm	19/4/1993	244/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2767	Võ Ngọc	Tuyền	1978	244/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2768	TRẦN THỊ CẨM	THU	29/12/1997	2440/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2769	Võ Thanh	Tịnh	1989	2440/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2770	NGUYỄN THỊ TÚ	QUYẾN	26/4/1998	2441/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2771	Phạm Bảo	Huy	1989	2441/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2772	HUỶNH THANH	NGOT	14/11/1996	2442/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2773	Từ Ngọc Bảo	Trân	1988	2442/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2774	VÕ DUY	ANH	15/8/1991	2443/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2775	Nguyễn Việt	Thắng	1986	2443/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2776	LÊ PHƯƠNG	TRINH	07/5/1997	2444/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã
2777	Nguyễn Thanh	Nhật	1988	2444/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2778	Trần Thị	Ngọc	1988	2446/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2779	Trần Thị Thanh	Tùng	1967	2447/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2780	Lê Thị Ngân	Hà	1992	2448/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2781	Dư Bích	Tuyền	1982	2449/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2782	Huỳnh Phúc	Duy	14/11/1989	245/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2783	Lý Thị Mỹ	Dung	1953	2452/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2784	Lê Thị Ngọc	Nhung	1991	2455/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2785	Nguyễn Hoàng	Du	1985	2458/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2786	Nguyễn Thị Thùy	Trang	1982	2459/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2787	Lê Châu Bảo	Thì	24/5/1992	246/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2788	Huỳnh Thị Ngọc	Giàu	1989	246/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2789	Đoàn Hữu	Tuấn	1990	2460/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2790	Trần Cao	Thắng	1969	2461/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2791	Nguyễn Thị Hồng	Nho	1991	2462/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2792	Huỳnh Thị Thúy	Kiều	1992	2463/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2793	Dương Hùng	Cường	1968	2464/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2794	Nguyễn Hữu	Tiến	1994	2465/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2795	Hồ Thị Thu	Thảo	1983	2466/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2796	Đình Thị Giao	Linh	1991	2467/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2797	Phạm Phước	Thành	1979	2468/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2798	Bùi Thị Xuân	Thảo	1992	2469/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2799	VÕ HOÀNG	NAM	05/10/1989	247/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã.
2800	Lê Thị Ngọc	Quyên	1992	2471/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2801	Huỳnh Ngọc Khánh	Trình	1991	2473/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2802	Ô Thị Thảo	Nguyên	1988	2474/ĐT-CCHND	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2803	Nguyễn Mỹ	Huyền	1962	2477/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2804	Nguyễn Thị Thanh	Hương	10/02/1981	248/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2805	Nguyễn Tuấn	Anh	1972	248/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2806	Tạ Đăng Lam	Hương	1975	249/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2807	LÊ PHƯỚC	HẢI	24/10/1976	25/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2808	Phùng Thị Ngọc	Diễm	10/10/1985	250/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2809	Phạm Duy	Thái	22/11/1994	251/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2810	Trần Thị Ái	Vân	11/3/1987	252/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2811	Cao Thị Thanh	Hương	1967	252/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2812	Võ Kim	Huyền	1994	253/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2813	Lương Thị Phương	Linh	1983	254/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2814	Phan Thị Hồng	Nhung	1980	255/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2815	Trịnh Ngọc	Đẹp	1986	255/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2816	LÊ DUY	TUYÊN	19/01/1984	256/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2817	NGUYỄN THỊ XUÂN	MAI	01/10/1986	257/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2818	Nguyễn Văn	Thu	1969	257/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2819	Phạm Thị Thu	Lan	17/6/1978	258/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2820	Huỳnh Thị Hồng	Yến	1979	258/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2821	Nguyễn Văn	Đạt	18/11/1991	259/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2822	Võ Thị Thu	Hiếu	1984	259/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2823	Huỳnh Thanh	Hương	19/5/1905	26/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2824	Nguyễn Hồng	Thắm	16/12/1992	260/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2825	Bùi Thanh	Hùng	1971	260/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2826	Võ Tuyết	Hương	10/01/1992	261/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2827	Lê Bảo	Long	1987	261/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2828	Ngô Thị Kim	Thị	1989	262/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2829	Nguyễn Thị Bé	Sáu	1977	262/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2830	Đỗ Thị Mỹ	Linh	01/8/1992	263/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2831	Huỳnh Thị Thảo	Hiền	1979	263/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2832	Trần Thị Ngọc	Thúy	1982	264/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2833	Võ Phúc	Vinh	26/5/1982	265/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2834	Nguyễn Thị Kim	Thanh	1989	265/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2835	Nguyễn Thanh	Thùy	01/01/1993	266/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2836	Trần Hữu	Thiện	07/4/1985	267/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2837	Nguyễn Thị	Nhàn	20/4/1963	268/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2838	Phan Thị Diễm	Phương	1981	268/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2839	Huỳnh Thị Trúc	Yến	26/8/1988	269/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2840	Nguyễn Thị Ngọc	Liên	07/6/1905	27/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2841	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	1988	27/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2842	Nguyễn Huỳnh	Dương	18/01/1986	270/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2843	Nguyễn Minh	Đức	1985	270/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2844	Lê Thị Mỹ	Xuân	19/4/1992	271/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2845	Nguyễn Văn	Phước	04/4/1994	272/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2846	Lê Trọng	Nghĩa	1983	272/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2847	Đoàn Thị Ngọc	Huệ	29/9/1995	273/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2848	Nguyễn Thị Tú	Trinh	03/3/1984	274/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2849	Trần Thị Tuyết	Mai	16/4/1979	275/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2850	Huỳnh Thị Thảo	Ly	1981	275/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2851	Lê Ngọc	Quý	05/9/1992	276/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2852	Phạm Thị Anh	Đào	1967	276/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2853	Phạm Thị Thu	Nga	22/3/1992	277/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2854	Hồ Văn	Phó	1986	277/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2855	Hồ Thiên	Phuong	01/7/1982	278/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2856	Nguyễn Thùy	Dung	1983	278/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2857	Trần Thị Ngân	Trúc	26/10/1975	279/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2858	Trần Thị Kim	Ngân	1988	279/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2859	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	1979	28/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2860	Đặng Thị Phương	Thảo	21/11/1994	280/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2861	Huỳnh Ngọc	Diệu	1988	280/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2862	Phạm Thị Cẩm	Cuồng	02/10/1983	281/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2863	Nguyễn Thị Phương	Kiều	1972	281/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2864	Trần Thị Kim	Ngân	29/9/1993	282/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2865	Nguyễn Phương	Trang	05/12/1992	283/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2866	NGUYỄN THỊ TRÚC	LINH	15/9/1985	284/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2867	Nguyễn Chí	Hải	1983	284/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2868	Trần Thị Mai	Phuong	12/12/1988	285/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2869	Nguyễn Thị	Sáng	1965	285/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2870	Phạm Ngọc	Trang	08/6/1973	286/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2871	Lê Thị Thúy	Nguyệt	1967	286/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2872	Nguyễn Hồng	Yên	1989	287/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2873	Hồ Thị Ngọc	Lý	05/8/1995	288/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2874	Lê Thị Hồng	Thu	1973	288/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2875	PHẠM NGUYỄN HỒNG	RI	28/6/1994	289/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2876	Đoàn Thanh	Trúc	31/8/1989	29/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc
2877	Đào Trường	Xuân	1986	29/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2878	Lê Phước	Lộc	19/10/1990	290/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2879	Huỳnh Thị Thanh	Hồng	1975	290/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
2880	Phan Mỹ	Tiên	20/9/1989	291/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2881	Hứa Văn	Mười	1979	291/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2882	Nguyễn Mộng	Thu	03/01/1967	292/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2883	Nguyễn Kim	Tuyền	1967	292/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2884	Lê Mỹ	Duy	25/01/1993	293/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2885	Nguyễn Thị Thu	Hằng	1986	293/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2886	Lê Thị Mỹ	Tiên	27/7/1993	294/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2887	Trần Vũ	Phương	1987	294/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2888	Nguyễn Thị Kim	Yến	27/8/1995	295/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2889	Nguyễn Thị Thu	Diễm	1987	295/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2890	Quách Vinh	Thạch	01/01/1991	296/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2891	Đỗ Thị Thu	Hà	1983	296/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2892	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	1987	297/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2893	Trần Thị	Diệu	24/9/1995	298/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2894	Nguyễn Hồng	Quyên	1988	298/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2895	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	26/6/1971	299/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2896	Châu Thị	Tuyết	1984	299/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2897	Phạm Thị Mỹ	Lệ	20/8/1991	30/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc
2898	Võ Thị Ngọc	Giàu	1984	30/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2899	Trương Yến	Nhi	25/11/1995	300/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2900	Nguyễn Thanh	Nhàn	1985	300/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2901	Nguyễn Thị Kim	Cương	1992	301/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2902	Nguyễn Minh	Xuyên	1986	301/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2903	TRƯƠNG PHÚC	THUẬN	22/01/1995	302/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2904	Đặng Thanh	Hà	1976	302/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2905	HỒ THỊ	HUYỀN	03/3/1989	303/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2906	Lê Thị	Quy	1967	303/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2907	Trần Bình	Trọng	10/12/1984	304/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2908	Trần Kim	Ngân	1989	305/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2909	Đoàn Thanh	Son	1981	305/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2910	Đoàn Thị Tố	Loan	09/7/1983	306/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2911	Đỗ Ngọc	Thùy	1980	306/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2912	Nguyễn Thị Diễm	Phương	1984	307/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2913	Khru Thị Giao	Linh	1979	308/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2914	Phạm Lý	Tường	20/01/1988	309/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2915	Nguyễn Kim	Ngọc	1985	309/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2916	Nhan Minh	Trí	11/10/1991	31/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc
2917	Đình Công	Toàn	19/01/1994	310/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2918	Nguyễn Huỳnh Thu	Tâm	1989	310/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2919	Huỳnh Thị Diệu	Vàng	08/8/1994	311/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2920	Hồ Thị Cẩm	Vân	1983	311/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2921	NGUYỄN VŨ HOÀNG	TRANG	06/02/1991	312/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2922	Nguyễn Thị Thùy	Trang	1981	312/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2923	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	08/3/1990	313/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2924	Nguyễn Thị	Nhíp	1981	313/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2925	Phạm Thị Ngọc	Diễm	10/7/1985	314/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2926	Phan Văn	Lâm	1984	314/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2927	Đặng Thị Ngọc	Diễm	13/10/1982	315/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2928	Lê Hoàng Trúc	Lâm	19/01/1989	316/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2929	Lê Huỳnh Tú	Thi	1986	316/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2930	Đỗ Thị Tuyết	Nhung	09/01/1991	317/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2931	Huỳnh Thị	Hường	1978	317/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2932	Lê Thị Thanh	Lan	10/4/1992	318/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2933	Mai Văn	Khái	1954	318/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2934	Lê Thị Phương	Hằng	20/11/1994	319/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2935	Trần Duy	Trinh	1977	319/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2936	Nguyễn Thị Ngọc	Lành	02/5/1990	32/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2937	Phạm Kim	Loan	1985	32/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2938	Nguyễn Thị	Phi	1960	320/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2939	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	10/4/1982	321/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2940	Nguyễn Vinh	Hải	1965	321/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2941	Trần Thị Viễn	Khuyên	08/11/1990	322/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2942	Nguyễn Thị	Nhường	1980	322/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2943	NGUYỄN THỊ THỦY	TRANG	18/7/1993	323/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2944	Nguyễn Minh	Hải	1977	324/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2945	Trần Thị Thu	Trang	1982	324/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2946	Võ Thị Mỹ	Duyên	05/5/1980	326/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2947	Nguyễn Thị	Huê	1983	326/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2948	Trần Thị Thùy	Dương	08/9/1994	327/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2949	Mai Thị Mỹ	Dung	1967	327/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2950	Ngô Thanh	Phương	20/11/1987	329/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2951	Trần Thị Thanh	Tuyền	01/01/1984	33/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2952	Phan Quang	Nhật	1988	330/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2953	Hoàng Thị Quỳnh	My	11/9/1994	331/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2954	Lê Kim	Sang	14/11/1982	332/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2955	Hà Thị	Thu	1976	332/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2956	Đình Minh	Huy	06/02/1987	333/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2957	Nguyễn Thị	Liên	02/8/1974	334/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2958	Đặng Văn	Nghĩa	1987	335/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2959	Nguyễn Thanh	Hoài	1987	335/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2960	Trần Văn	Ngon	22/10/1992	336/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2961	Nguyễn Thanh	Tài	1987	336/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2962	Trần Hữu	Thiện	1974	337/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2963	Nguyễn Thanh	Tuấn	1987	337/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2964	Nguyễn Thành	Thảo	19/11/1985	339/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2965	Trần Kim	Hoàng	1954	339/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2966	Ngô Hoàng	Anh	12/5/1985	34/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2967	Trần Hữu	Nghĩa	1987	34/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
2968	Nguyễn Thị	Thom	10/01/1986	340/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2969	Bùi Nguyễn Cẩm	Tú	1983	340/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2970	Đỗ Minh	Huệ	11/11/1972	341/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2971	Huỳnh Thị	Thúy	1988	341/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2972	Võ Thị Kim	Liên	16/7/1970	342/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2973	Nguyễn Ngọc	Ánh	10/9/1991	343/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2974	Ngô Cao	Quát	1960	343/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2975	Huỳnh Tú	Loan	06/9/1989	344/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2976	Trần Thị Minh	Diễm	19/11/1993	345/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2977	Võ Hữu	Chí	1989	345/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2978	Lê Thị Hồng	Nhiên	07/10/1993	346/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2979	Trần Thị Ngọc	Bích	1982	346/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2980	Lê Thị Quỳnh	Thư	11/3/1985	347/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2981	Võ Phúc	Hữu	1988	347/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2982	Hồ Thị Thúy	An	15/6/1991	348/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2983	Diệp Hồng	Tân	1985	348/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2984	Huỳnh Ngọc	Cương	02/10/1990	349/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2985	Lương Thị Bé	Mười	1978	349/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2986	Phùng Thanh	Thương	18/01/1994	35/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2987	Trần Kim	Quyến	1956	35/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
2988	Đàm Tuyết	Nhung	1984	350/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2989	TRÂM PHƯỚC	HƯƠNG	16/9/1993	351/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2990	Nguyễn Thị	Ghi	20/12/1994	352/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2991	Lê Thị Hồng	Hoa	1988	353/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2992	Bùi Thanh	Phong	1972	353/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2993	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	25/9/1995	354/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2994	Nguyễn Thị Bạch	Tuyết	1983	354/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2995	Nguyễn Quốc	Nam	24/9/1988	355/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2996	Hồ Thị Ngọc	Trang	1985	355/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2997	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	02/3/1994	356/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2998	Nguyễn Văn	Lợi	1987	358/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2999	Huỳnh Thị Minh	Thư	16/3/1983	359/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3000	Võ Thị Lệ	Huyền	1968	359/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3001	Trần Phương	Thảo	01/5/1993	36/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3002	Võ Thị Thanh	Lan	1978	36/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
3003	NGUYỄN TRƯỜNG	THI	28/7/1996	360/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3004	Trần Nhật	Linh	1987	360/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3005	Nguyễn Thị	Hiệp	27/4/1983	361/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3006	Lê Thị Anh	Đào	1988	362/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3007	Trần Thanh	Triều	20/7/1985	363/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3008	Lê Văn	Nu	1982	363/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3009	Nguyễn Kim	Uyên	1991	364/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3010	Huỳnh Thị Diễm	Trang	24/3/1989	365/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3011	Trần Đỗ Mộng	Huyền	1986	365/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3012	Trần Thị Mỹ	Tiên	03/4/1992	366/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3013	Huỳnh Kim	Đón	1988	366/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3014	Lê Ngọc Mỹ	Duyên	16/6/1994	367/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3015	Phạm Ngọc	Thơ	12/5/1972	368/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3016	Lê Thu	Thảo	08/11/1994	369/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3017	Lương Thị	Kiều	1976	369/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3018	TRẦN THỊ BÍCH	TUYỀN	27/8/1987	37/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3019	Huỳnh Thanh	An	28/10/1993	370/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3020	Nguyễn Văn	Thống	1967	370/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3021	Nguyễn Thị Trúc	Phương	02/11/1993	371/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3022	Đào Thanh	Thái	1989	371/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3023	Võ Thị Ngọc	Huyền	24/8/1993	372/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3024	Nguyễn Trung	Cang	1978	372/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3025	Trần Thị Ngọc	Anh	01/02/1987	373/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3026	Nguyễn Thị Thanh	Tùng	1968	373/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3027	Nguyễn Diễm	Phú	20/02/1986	374/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3028	Nguyễn Quốc Trung	Vinh	1981	374/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3029	Trần Thị Bích	Ngọc	10/11/1994	375/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3030	Nguyễn Trung	Phú	1957	375/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3031	Trần Thanh	Vân	18/01/1989	376/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3032	Võ Thị Hồng	Thảo	1988	376/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3033	Nguyễn Kim	Hiền	20/9/1991	377/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3034	Lê Thị Diệu	Hiền	1970	377/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3035	Nguyễn Thanh	Tuyền	22/02/1990	378/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3036	PHẠM PHƯỚC	TRUNG	07/5/1983	379/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3037	Nguyễn Thị Khánh	Đoan	1988	379/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3038	Nguyễn Thị Trúc	Phương	19/01/1992	38/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3039	Trần Thị	Thúy	1967	38/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3040	Trần Thị Hương	Thủy	17/8/1990	380/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3041	Nguyễn Thị Mai	Nương	1982	380/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3042	Nguyễn Thanh	Dũng	26/5/1984	381/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3043	Đặng Thu	An	18/8/1981	382/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3044	Nguyễn Chí	Linh	1982	382/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3045	Nguyễn Thị Trúc	Hà	15/3/1993	383/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3046	Nguyễn Thị Hồng	Vân	1982	383/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3047	Phạm Thị Bích	Hạnh	1980	384/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3048	Trần Thị Trúc	Mai	10/3/1994	385/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3049	Nguyễn Văn	Bánh	1986	385/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3050	Ngô Diễm	Thúy	21/02/1967	387/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3051	Bùi Thị Mỹ	Hương	1982	387/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3052	Phạm Thị Hương	Sen	1982	388/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3053	Trần Thị Đoan	Trang	30/10/1986	389/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3054	Nguyễn Trọng	Tín	1980	389/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3055	Trần Thị Hương	Giang	06/6/1993	39/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3056	Lê Nhã	An	1983	39/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
3057	Võ Thị Thùy	Trang	1992	390/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3058	Phạm Thành	Dương	1984	390/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3059	Nguyễn Hiếu	Thuận	25/06/1979	391/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3060	Lê Thị Ngọc	Dung	1976	391/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3061	Trương Thị Thanh	Tâm	02/12/1985	392/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3062	Võ Hoàng	Nhanh	1980	392/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3063	Nguyễn Minh	Nhi	19/12/1987	393/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3064	Nguyễn Mỹ	Phượng	1979	393/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3065	Nguyễn Thị Xuân	Vinh	27/01/1983	394/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3066	Nguyễn Hồng	Thoại	1982	394/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3067	Dương Kim	Cúc	15/03/1984	395/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3068	Phạm Ngọc	Ánh	1986	395/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3069	PHẠM NGUYỄN THANH	LIÊM	04/8/1992	396/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3070	Trần Hoài	Hân	1981	396/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3071	Trần Nguyễn Bình	An	03/4/1981	397/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3072	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	16/02/1989	398/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3073	Nguyễn Hải	Đặng	1985	399/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3074	Lê Thanh	Bách	1990	399/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3075	TRẦN THỊ TUYẾT	NHUNG	13/9/1982	40/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3076	Lê Thị Tường	Vi	1983	40/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
3077	Nguyễn Phó	Vân	1993	400/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3078	Trần Phạm Huy	Vũ	1964	400/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3079	Trần Phúc Diễm	Trinh	28/8/1993	401/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3080	Nguyễn Thị Bích	Ngân	1976	401/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3081	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẨM	01/01/1986	402/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3082	Phạm Sơn	Giang	1983	402/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3083	Nguyễn Minh	Thông	25/11/1990	403/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3084	Nguyễn Thị Ngọc	Liên	1980	403/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3085	Đỗ Thị	Lụa	15/7/1993	404/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3086	Nguyễn Thị Phương	Trang	1979	404/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3087	Phan Minh	Hòa	04/10/1991	405/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3088	Huỳnh Thị Hồng	Nhung	26/9/1993	406/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3089	Nguyễn Tấn	Đạt	1984	406/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3090	Trần Thị An	Trình	07/6/1978	407/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3091	Ngô Ngọc	Muội	08/5/1994	408/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3092	Nguyễn Xuân	Lan	1984	408/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3093	Phạm Thị Kiều	Mai	1981	409/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3094	Trương Phước	Điền	20/6/1981	41/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3095	Ngô Hồng	Son	1980	410/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3096	Phạm Kim	Ngọc	1986	410/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3097	Trương Duy	Nhân	22/5/1977	411/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3098	Phạm Thị	Giàu	1980	412/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3099	Nguyễn Ngọc	Duyên	1981	412/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3100	Hồ Thị Kim	Hương	18/11/1970	413/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc
3101	Trần Thị Hồng	Phượng	1978	413/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3102	Nguyễn Thị	Đúng	1963	415/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3103	Bùi Thị	Lợi	1959	415/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3104	VÕ THỊ THU	BÍCH	22/4/1983	416/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3105	Đặng Minh	Son	1983	416/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3106	NGUYỄN THỊ DIỆU	HIỀN	19/5/1991	417/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3107	Lê Nguyễn Huỳnh	Anh	1990	417/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3108	Tô Nữ Ngọc	Trình	28/5/1982	418/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3109	Đặng Thị Hồng	Vân	17/9/1993	419/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3110	Đặng Hoàng	Anh	1987	419/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3111	PHAN THỊ KIM	THÙY	20/5/1991	42/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3112	Nguyễn Thị	Thoa	1970	42/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3113	Nguyễn Văn	Thuận	13/8/1977	420/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3114	Phạm Thị Thanh	Loan	27/4/1984	421/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3115	Lê Thị Lâm	Chúc	1986	421/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3116	Trần Thị Thu	Hường	15/9/1976	422/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3117	Phan Đại	Lãnh	1988	422/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3118	Dương Minh	Hiếu	10/10/1970	423/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3119	Nguyễn Bá	Tông	1964	423/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3120	Nguyễn Thị Hoàng	Dung	15/8/1994	424/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3121	Huỳnh Anh	Kiệt	1983	424/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3122	Nguyễn Hồ Xuân	Thanh	28/10/1995	425/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3123	Lê Văn	Toàn	20/5/1974	426/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3124	Nguyễn Thị Vân	Nhi	21/12/1993	427/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3125	Võ Thị Cẩm	Trình	1980	427/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3126	NGUYỄN THỊ NGÂN	HÀ	24/11/1990	428/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3127	Phùng Khắc	Minh	1951	428/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3128	Đỗ Chiêu	Bình	09/6/1992	429/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3129	Nguyễn Thị Anh	Đào	1980	429/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3130	Nguyễn Văn	Tý	1969	430/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3131	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	10/12/1987	431/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3132	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	1978	431/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3133	Huỳnh Tiểu	Phương	20/11/1995	432/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3134	Trần Phúc Vinh	Quang	1990	432/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3135	Lê Trung	Nguyễn	16/7/1995	433/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3136	Đỗ Thị Ngọc	Thơ	1981	433/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3137	Võ Thị	Tuyền	01/01/1993	434/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3138	Nguyễn Thị Kim	Quyên	1985	434/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3139	NGUYỄN KIM HƯƠNG	THẢO	29/7/1990	435/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3140	Trần Thị Thu	Thùy	1984	435/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3141	Nguyễn Thị Thúy	Quyên	07/5/1989	436/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3142	Nguyễn Thị Thanh	Bình	1985	436/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3143	Nguyễn Mai Ngọc	Uyên	01/7/1993	437/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3144	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	1987	437/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3145	Lê Thị	Thùy	01/01/1967	438/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3146	Nguyễn Phát	Huy	1987	438/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3147	Nguyễn	Dũng	02/4/1986	439/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3148	Cao Phước	Hải	02/3/1973	44/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3149	Lê Thị Hồng	Vân	1985	44/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3150	Bùi Thị Diễm	Thu	10/12/1979	440/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc.
3151	Lê Thị Kim	Cương	1990	440/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3152	NGUYỄN THANH	THUẬN	21/3/1982	441/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3153	Nguyễn Thị Diễm	Tú	1990	441/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3154	Võ Trí	Thông	25/5/1905	442/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3155	Phạm Thị Thanh	Phương	20/11/1994	443/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3156	Đỗ Thị	Kiều	1985	443/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3157	Nguyễn Quang	Hiền	17/01/1975	444/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3158	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	16/11/1995	445/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3159	Trần Hoàng	Lâm	1985	445/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3160	Võ Minh	Thư	10/12/1984	446/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3161	Vũ Thị	Hiền	1967	446/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3162	TRẦN THỊ THÚY	HUỲNH	21/02/1985	447/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3163	Lê Hoàng	Lý	1986	448/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3164	Ngô Minh	Nhật	23/12/1991	449/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3165	Quách Thị	Gết	1974	449/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3166	Trần Lê Ngọc	Tuyền	09/6/1975	45/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3167	Trần Thị Ngọc	Dung	1979	45/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3168	Nguyễn Xuân	Trường	15/7/1993	450/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3169	Lý Ngọc	Quyên	1988	450/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3170	Mai Thị	Hồng	08/5/1985	451/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3171	Nguyễn Thanh	Thúy	04/8/1986	452/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3172	Trần Thị Mai	Xuân	1985	452/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3173	Trần Thị Tiểu	Mai	25/6/1994	453/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3174	Huỳnh Nhật	Phong	1989	453/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3175	Lê Thị Mai	Quyên	27/02/1996	454/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3176	Võ Thị	Thừa	1986	454/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3177	Huỳnh Thị	Hồng	01/01/1981	455/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3178	Lê Qui	Kỳ	1984	456/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3179	Lâm Lệ	Hân	22/4/1991	457/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3180	Bùi Thị	Nhạn	1953	457/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3181	Nguyễn Thị Bé	Huệ	07/6/1990	458/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3182	Trương Minh	Tuyết	1973	458/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3183	PHẠM THỊ THÚY	NGỌC	07/02/1996	459/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3184	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	18/3/1992	46/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3185	Trần Minh	Tiến	31/7/1994	460/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3186	Đoàn Nguyễn Thanh	Vũ	1985	460/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3187	NGUYỄN THÀNH	NAM	20/5/1978	461/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3188	Nguyễn Tấn	Khoa	1976	461/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3189	Lê Thị Kim	Sua	18/8/1988	462/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3190	Hà Minh	Trung	1986	462/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3191	Phan Thị Tuyết	Trinh	28/5/1905	463/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3192	Võ Thị	Linh	1984	463/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3193	Mai Thị Mỹ	Tiên	21/02/1992	464/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3194	Lê Thị Ý	Nhi	29/4/1995	465/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3195	Huỳnh Thị Nguyệt	Ánh	1958	465/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3196	Phạm Thị Thùy	Trang	22/10/1995	466/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3197	Trần Anh	Tuấn	17/8/1993	467/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3198	Phạm Thị Thúy	Hằng	1978	467/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3199	Võ Thụy Thùy	Linh	06/10/1983	468/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3200	Hồ Thị Thanh	Phương	1984	468/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3201	Nguyễn Hồng	Thúy	27/6/1967	47/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3202	Nguyễn Thanh	Ngân	1985	47/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3203	Lê Thị Ánh	Thương	20/8/1994	470/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3204	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	11/3/1990	471/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3205	Nguyễn Hồ Diễm	My	25/3/1991	472/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3206	Trần Thị Mai	Hiền	10/5/1988	473/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3207	Lê Thị Trúc	Duyên	1988	474/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3208	Võ Thị Cẩm	Tuyết	1988	475/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3209	Đặng Kim	Anh	09/10/1990	476/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3210	Lý Kim	Lán	1982	476/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3211	Tạ Kiều Phương	Trang	1987	477/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3212	Lý Tài	Lén	1984	477/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3213	Trương Thanh	Tuyết	08/12/1993	478/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3214	Nguyễn Thị Thúy	Phượng	1986	478/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3215	Nguyễn Thị	Thùy	1968	479/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc
3216	PHAN NGUYỄN HOÀI	VŨ	25/8/1987	48/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3217	Nguyễn Tấn	Dũng	1978	48/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3218	TRẦN THỊ THÚY	DUYỀN	17/02/1994	480/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3219	Nguyễn Ngọc	Án	1982	480/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3220	Đình Thị Thúy	Ngân	04/5/1992	481/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3221	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	07/7/1986	482/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3222	Lê Tú	Trình	10/11/1985	483/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3223	Nguyễn Ngọc	Thùy	1979	484/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3224	Ung Phước	Mỹ	30/8/1992	485/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3225	Mật Bích	Ánh	1964	485/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3226	Nguyễn Thị Kim	Anh	13/11/1994	486/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3227	Võ Thị	Ngot	1977	486/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3228	NGUYỄN NGỌC	HIẾU	09/9/1993	487/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3229	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	1980	487/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3230	Nguyễn Văn	Hồng	21/12/1980	488/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3231	Chung Hữu	Khá	10/10/1992	489/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3232	Chung Ngọc	Hồ	1985	489/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3233	Trần Thị Quế	Anh	12/02/1991	49/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3234	Huỳnh Minh	Triết	1970	49/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3235	Lê Huỳnh Thúy	Ngọc	11/02/1994	490/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3236	Lê Thị Minh	Ý	1984	490/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3237	Nguyễn Thị Thúy	Vân	29/5/1968	491/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3238	Thạch Quý	Sane	1981	492/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3239	Trần Ngọc	Hòa	1965	492/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3240	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	27/5/1994	493/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3241	Hoàng Hà Duy	Thanh	1985	493/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3242	Võ Thị Hồng	Việt	04/11/1985	494/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3243	Quách Thị Mộng	Tuyền	1970	494/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3244	Võ Văn	Bay	1970	495/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3245	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	1981	495/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3246	Thái Thùy	Nga	12/5/1986	496/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3247	Mai Thị Cẩm	Linh	1972	496/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3248	Tô Ngọc Như	Mai	20/02/1993	497/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3249	Nguyễn Văn	Đỗ	1982	497/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3250	NGUYỄN MINH	TẤN	18/02/1993	498/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3251	Ngô Thị Xuân	Hương	1970	498/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3252	Nguyễn Thị Kim	Ngân	28/3/1993	499/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3253	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	1988	499/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3254	Võ Thị Bảo	Hồng	08/9/1995	50/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3255	Nguyễn Hoàng	Trình	1984	50/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3256	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	20/7/1995	500/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3257	Nguyễn Thị Trúc	Đào	1990	500/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3258	Phạm Đức	Vinh	1986	501/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3259	Võ Thị Ngọc	Thủy	09/8/1982	502/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3260	NGUYỄN THỊ	EM	08/7/1973	503/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3261	Huỳnh Văn	Thảo	1985	503/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3262	Nguyễn Thị	Diễm	1970	504/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3263	Nguyễn Thị	Nhị	10/11/1988	505/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3264	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	1983	505/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3265	Nguyễn Thị Huỳnh	Anh	24/12/1996	506/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3266	Nguyễn Minh	Dương	1982	506/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3267	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	1980	507/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3268	Ngô Thị Tuyết	Nhung	1984	507/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3269	Lê Hoàng	Trung	14/3/1978	508/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3270	Tô Cẩm	An	1967	508/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3271	HUỶNH	TRÂM	18/02/1984	509/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3272	Hồ Văn	Lập	1984	51/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3273	Dương Thị Phong	Lan	1978	51/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3274	Nguyễn Tường	Duy	25/12/1991	510/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3275	Đặng Thị Kim	Nha	1984	510/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3276	Nguyễn Ngọc Bảo	An	02/9/1993	511/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3277	Trần Tuấn	Khải	1980	511/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3278	Trần Trung	Trực	20/8/1993	512/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3279	PHẠM TRẦN MAI	VI	14/7/1980	513/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3280	Trần Thị Mai	Lan	1952	513/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3281	Nguyễn Phan Ngọc	Hiền	19/5/1992	514/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3282	Đỗ Nguyễn Thúy	Vi	1982	514/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3283	Trần Thị Kim	Loan	23/2/1987	515/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3284	Dương Thị Xuân	Huyền	1967	515/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3285	Nguyễn Lam	Thanh	11/6/1993	516/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3286	Nguyễn Trọng	Nguyên	1966	516/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3287	Trần Quốc	Chiến	27/3/1993	517/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3288	Nguyễn Huỳnh Thu	Vân	1991	517/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3289	Phạm Thị Ngọc	Ngân	16/4/1993	518/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3290	Trương Ngọc	Thiện	1972	518/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3291	Nguyễn Thị Anh	Thảo	10/9/1973	519/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm); Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm); Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền.
3292	Trương Trị	Thanh	1956	519/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3293	Nguyễn Thị	Ngọc	10/7/1987	52/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3294	Huỳnh Thị Huyền	Anh	1985	52/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3295	Cao Hồng	Thắm	20/8/1992	520/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3296	Quách	Ái	1960	520/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3297	Trần Thị Kiều	Diễm	1993	521/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3298	Trương Thanh	Hùng	1959	521/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3299	Nguyễn Thị Thanh	Liên	03/12/1993	522/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3300	Ngô Thị	Dung	1954	522/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3301	NGUYỄN THỊ NGỌC	LAN	6/10/1988	523/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3302	Trương Quế	Hoa	1967	523/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3303	Nguyễn Thị Mộng	Phương	11/9/1987	524/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3304	Nghiêm Ái	Quốc	1978	524/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3305	Trần Nguyễn Bích	Ngọc	05/7/1986	525/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3306	Võ Tuấn	Kiệt	1987	525/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3307	Nguyễn Ngọc Minh	Hiếu	01/01/1991	526/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3308	Lê Phương	Hồng	20/01/1993	527/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3309	Quách Tuyết	Chi	1976	527/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3310	Nguyễn Minh	Pháp	10/12/1982	528/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3311	Lý Thị Nhựt	Phượng	1968	528/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3312	NGUYỄN MỘNG	HIỀN	05/9/1992	529/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3313	Phan Thị	Thủy	1967	529/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3314	ĐÀO NGỌC	TRAI	16/5/1991	53/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3315	Nguyễn Thị Thùy	Trang	1984	53/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3316	Phạm Thị Tú	Quyên	21/01/1994	530/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3317	Nguyễn Trung	Trúc	1969	530/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3318	Lâm Minh	Viễn	1962	531/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3319	Huỳnh Mộng	Tuyền	1985	532/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3320	Nguyễn Thị Huệ	Minh	18/09/1995	533/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3321	Võ Thị	Hạnh	1980	533/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3322	Lê Thị Anh	Đào	1981	534/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3323	Trần Thị Ánh	Tuyết	1989	534/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3324	Lê Thị Diệu	Liên	10/7/1995	535/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3325	Lê Thành	Nhon	1979	535/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3326	Nguyễn Thị Minh	Sương	25/11/1985	536/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3327	Võ Thị Tấn	Thi	1959	536/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3328	Ngô Hòa	Nhân	1971	537/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3329	Trần Thị Xuân	Định	1995	538/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3330	Phạm Thị Thanh	Hương	1983	538/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3331	Lâm Thị Bạch	Tuyết	25/07/1989	539/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3332	Nguyễn Văn	Phương	1980	539/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3333	Nguyễn Trung	Tín	14/11/1993	54/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3334	Phạm Thị Hồng	Gấm	1988	54/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3335	Lê Thị Bích	Trâm	12/12/1990	540/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3336	Võ Thị Mai	Thảo	29/04/1978	541/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3337	Phan Thị Bích	Phi	10/07/1982	542/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3338	Võ Văn Vũ	Linh	1991	542/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3339	Nguyễn Thị Ngọc	Kiều	25/12/1993	543/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3340	Đặng Thị Trúc	Ly	1989	543/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3341	Nguyễn Văn	Giang	31/12/1991	544/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3342	Bành Thị Thu	Ân	1974	544/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3343	Tổng Hoàng	Dương	21/07/1994	545/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3344	Lương Thị	Mỹ	29/11/1995	546/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3345	Nguyễn Thị Hạ	Quyên	30/9/1993	547/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3346	Vương Nguyễn Yến	Oanh	1984	548/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3347	Huỳnh Thanh	Tuấn	1971	549/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3348	Nguyễn Thị Bé	Ngọc	01/6/1994	55/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3349	NGUYỄN THỊ	DIỄM	01/01/1985	550/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3350	Huỳnh Thanh	Hải	1969	550/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3351	Nguyễn Thành	Phương	15/04/1985	551/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3352	Hà Thị Như	Chuyên	30/4/1984	552/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3353	Huỳnh Văn	Toàn	01/01/1990	553/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3354	Trần Duy	Phương	1984	553/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3355	Võ Thị Hồng	Diệu	30/07/1993	554/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3356	Lâm Thị	Hằng	1983	554/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3357	Lương Thị Ánh	Tuyết	16/03/1993	555/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3358	Lê Nguyễn Tuấn	Anh	1979	555/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3359	Nguyễn Từ Thế	Bảo	24/3/1993	556/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3360	Trần Thị Kim	Oanh	1987	556/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3361	ĐỖ THỊ MỸ	TIẾNG	28/3/1984	557/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3362	Phan Thị Phước	Tâm	1984	557/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3363	Nguyễn Minh Thanh	Uyên	04/8/1992	558/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3364	Phạm Thị Hồng	Vân	1981	558/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3365	NGUYỄN THỊ QUỲNH	THƯ	23/12/1990	559/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3366	Nguyễn Thị Diễm	Hương	04/02/1993	56/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3367	Huỳnh Hoàng Dung	Anh	1979	56/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3368	Đặng Quý	Cường	13/8/1990	560/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3369	Cao Sĩ	Lợi	1977	560/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3370	Lê Thị Bích	Liên	22/7/1989	561/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3371	Huỳnh Thị Thùy	Duyên	1983	561/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3372	Nguyễn Văn	Hoàng	1967	562/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3373	Huỳnh Thời	Nhiệm	1983	562/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3374	Phạm Thị Kiều	Yên	23/8/1993	563/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3375	Phan Thị Hồng	Diễm	20/01/1986	564/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3376	Trương Hoàng	Sử	1962	565/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3377	Nguyễn Phạm Hải	Minh	1991	566/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3378	Cao Văn	Đáng	1965	566/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3379	Nguyễn Kim	Đang	1990	567/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3380	Đoàn Thanh	Ngọc	1987	567/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc
3381	ĐOÀN VĂN	PHỤNG	1996	568/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3382	LÊ HOÀNG	GIANG	28/10/1984	569/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3383	Phạm Huy	Vũ	1980	569/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3384	Trần Thị Hồng	Hạnh	08/8/1987	57/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3385	Phạm Thị	Sáu	1965	57/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3386	Hồ Phạm Ngọc	Hiền	1971	570/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3387	Nguyễn Đăng	Khoa	1991	570/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3388	Trần Thị Thiên	Trang	09/02/1995	571/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3389	Huỳnh Thị	Nhờ	1979	571/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3390	Huỳnh Phú	Hiền	01/02/1988	572/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3391	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	1981	572/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3392	Nguyễn Văn	Tông	1969	573/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3393	Võ Văn	Tường	1934	573/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3394	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	10/09/1990	574/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3395	Lê Thị Thu	Hồng	1967	574/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3396	Bùi Thị Ngọc	Thanh	1985	575/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3397	Hồ Thế	Cường	1989	576/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3398	Nguyễn Thị Ngọc	Thu	1969	576/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3399	Nguyễn Thị Tuyết	Thanh	1984	577/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3400	Nguyễn Thị Ngọc	Lý	1990	578/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3401	Nguyễn Thị Thùy	Linh	1984	578/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3402	Trần Thị Hải	Yến	30/7/1994	579/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3403	Ngô Thanh	Sang	12/11/1993	58/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3404	Nguyễn Thị Huệ	Thanh	08/4/1991	580/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3405	Nguyễn Văn Vĩnh	Thụy	1969	580/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3406	Nguyễn Cao Thanh	Mỹ	18/7/1993	581/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3407	Lâm Minh	An	1948	581/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3408	Nguyễn Thị Diễm	My	18/8/1995	582/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3409	Đỗ Nam	Quan	1973	582/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3410	Lý Thị	Trang	1996	583/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3411	Hồ Thị Bạch	Vân	1969	583/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3412	Lý Quế	Nhi	03/10/1986	584/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3413	Mai Phương	Hồng	1988	584/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3414	Lý Ngọc	Trâm	29/9/1992	585/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3415	Nguyễn Thị Tường	Vân	02/5/1994	586/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3416	Nguyễn Thị Kim	Thúy	1960	586/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3417	LÊ THỊ XUÂN	MAI	25/01/1981	587/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3418	Nguyễn Thị Hồng	Nga	1965	587/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3419	Huỳnh Thị Ngọc	Hạnh	1981	588/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3420	Nguyễn Thành	Long	1977	588/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3421	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	1977	589/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3422	Nguyễn Thị	Khoán	1989	589/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3423	Lê Ngọc	Trình	08/3/1990	59/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3424	Nguyễn Thị	Loan	1979	59/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3425	Lương Thị Cẩm	Thu	14/02/1975	590/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3426	Hồ Lê Bảo	Ngọc	15/9/1993	591/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3427	Đặng Hữu	Hòa	1988	591/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3428	Ngô Đắc	Tâm	25/6/1993	592/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc.
3429	Nguyễn Ngọc	Hà	19/10/1993	593/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3430	Lê Thị Thuý	Mỹ	17/11/1993	594/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3431	Lê Phạm Đỗ	Quyên	1987	594/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3432	Nguyễn Lê Tường	Vi	10/8/1993	595/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Công tác dược lâm sàng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
3433	Nguyễn Trần	Chinh	1987	595/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3434	Nguyễn Văn	Thành	29/3/1988	596/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3435	Lê Thị Ngọc	Hân	1983	596/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3436	HỒ THỊ XUÂN	MAI	01/8/1987	597/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3437	Nguyễn Thị	A	1968	598/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3438	Nguyễn Hoàng	Phúc	1988	598/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3439	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	25/9/1996	599/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3440	Nguyễn Thị	Phi	1985	599/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3441	LÊ CÔNG	TRẠNG	12/10/1981	60/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3442	Tống Thị	Chơn	1965	60/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3443	Nguyễn Lê Anh	Hậu	1983	600/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3444	Ngô Thế	Dinh	1984	600/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3445	NGUYỄN THỊ HỒNG	PHƯỢNG	10/3/1993	601/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3446	Phạm Văn	Vũ	1988	601/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3447	Nguyễn Hoàng	Giang	1987	602/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3448	Trương Thị	Xiêu	1978	602/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3449	Võ Phước	Toàn	08/6/1992	603/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3450	Cao Thị	Hạnh	1979	603/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3451	Nguyễn Hải	Đặng	1991	604/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3452	Nguyễn Văn	Biển	1969	604/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3453	Nguyễn Phước	Thuận	24/8/1993	605/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3454	Nguyễn Văn Kế	Tám	1961	605/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3455	Nguyễn Đắc	Thắng	20/11/1983	606/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3456	Huỳnh Trung	Chánh	1947	606/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3457	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	19/11/1989	607/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3458	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	1968	607/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3459	Nguyễn Hoàng Minh	Trí	1985	608/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3460	Nguyễn Văn	Hòa	1981	608/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3461	Đình Văn	Chí	1986	609/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3462	Trần Văn	Hùng	1975	609/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3463	Trần Trọng	Nhân	11/8/1989	61/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3464	Nguyễn Trọng	Hiếu	1986	61/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3465	Nguyễn Ngọc	Nhị	15/11/1981	610/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3466	Nguyễn Đăng	Hiếu	1986	610/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3467	Nguyễn Thị Bích	Ngân	1986	611/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3468	Lê Thị Hồng	Hà	1985	611/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3469	Lê Khánh	Dương	24/7/1993	612/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3470	Võ Thị	Hạnh	1984	612/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3471	Nguyễn Thị	Nhanh	05/10/1966	613/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3472	Lý Văn	Dũ	1984	613/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3473	Trần Trung	Hiếu	1986	614/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3474	Nguyễn Tấn	Khương	1985	615/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3475	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	1983	615/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3476	Lê Thị Tường	Vi	25/9/1991	616/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3477	Nguyễn Thành	Tuân	1982	616/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3478	Lê Thị Thiên	Thảo	15/02/1994	617/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3479	Thái Thị Thoại	Hoa	20/8/1994	618/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3480	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	07/3/1994	619/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3481	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	1982	619/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3482	BÙI THỊ NGỌC	TRINH	22/11/1983	62/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3483	Cao Quốc	Việt	1982	62/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3484	Nguyễn Thị Huỳnh	Giao	09/02/1992	620/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3485	Phạm Thị Vũ	Hoàng	26/11/1963	621/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3486	Nguyễn Thị	Thững	1960	621/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3487	Kiều Minh	Tuấn	29/01/1987	622/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3488	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	1985	623/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3489	Trần Văn	Đàn	1967	623/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3490	Nguyễn Phước	Tài	19/02/1992	624/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3491	Phan Thị	Nhớ	1988	624/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3492	Nguyễn Lê Bảo	Trần	22/09/1994	625/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3493	Huỳnh Quang	Đạo	1990	625/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3494	Lại Hoàng	Mai	1967	626/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất nguyên liệu làm thuốc (dược chất, tá dược, vỏ nang)
3495	Lâm Hoàng	Thơ	01/10/1993	627/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3496	Nguyễn Văn	Theo	1985	627/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3497	Phù Thị Thư	Thư	11/8/1994	628/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3498	Phạm Thị Kiều	Diễm	1967	628/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3499	Đoàn Hữu	Phước	11/10/1990	629/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3500	Nguyễn Bích	Hiền	1982	629/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3501	Nguyễn Thanh	Thùy	02/6/1905	63/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3502	Trương Hữu	Nhân	20/6/1987	630/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3503	Nguyễn Phúc	Thịnh	03/5/1989	631/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3504	Bùi Thị Hoàng	Yến	1989	631/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3505	Huỳnh Thị	Liễu	06/6/1964	632/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3506	Hoàng Thị	Lê	1975	632/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3507	Lê Thu	Minh	06/9/1987	633/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã
3508	Nguyễn Lâm Hiếu	Thảo	03/11/1993	634/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3509	Bùi Duy	Linh	20/8/1993	635/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3510	Nguyễn Kiều	Nhung	1983	635/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3511	Trần Thành	Phúc	12/12/1990	636/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3512	Đỗ Minh	Vương	1987	636/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc
3513	Nguyễn Ngân	Giang	1988	637/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3514	Trần Mỹ	Ngọc	1953	637/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3515	Nguyễn Ngọc Tú	Anh	20/4/1992	638/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3516	Lê Thị Bích	Nga	1982	638/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3517	Đỗ Hữu	Lộc	17/8/1989	639/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3518	Nguyễn Thị Thúy	Oanh	1970	639/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3519	Bùi Thị Tố	Nga	10/8/1956	64/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3520	Trần Thời	Nhược	1972	64/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3521	Nguyễn Hữu Phú	Quốc	1989	640/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3522	Huỳnh Phước	Nguyễn	1986	640/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3523	Vương Trường	Viên	9/11/1985	641/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3524	Lý Thị Mỹ	Loan	1981	642/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3525	Nguyễn Bá	Trường	15/02/1983	643/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3526	Phan Ngọc	Xuyến	1984	643/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3527	Nguyễn Bùi Thảo	Nguyễn	04/07/1996	644/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3528	Huỳnh Nguyễn Đông	Oanh	1983	645/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3529	Phan Thị Bích	Tài	1980	645/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3530	Lê Hoài	Nhân	1993	646/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3531	Võ Thị	Lợt	1972	646/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3532	Nguyễn Đăng Sao	Khuê	17/6/1993	647/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3533	Bùi Thanh	Sang	1985	647/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3534	Nguyễn Mỹ	Kin	13/11/1988	648/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3535	Nguyễn Thành	Nhân	01/7/1992	649/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3536	Võ Thành	Hải	1976	649/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3537	Nguyễn Văn	Hậu	02/3/1965	65/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3538	PHAN VĂN TẤN	EM	1988	650/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3539	Lê Văn	Nghĩa	1988	650/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3540	Nguyễn Thị Hồng	Vân	1985	651/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3541	Đặng Thị	Hiền	1956	651/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3542	Đào Thị Diễm	Kiều	1978	652/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3543	Phạm Tú	Anh	14/10/1990	653/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3544	Phạm Hồng	Hương	1965	653/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3545	Trương Thị Mỹ	Chi	12/02/1994	654/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3546	Nguyễn Thị	Trình	1984	654/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3547	Trương Thị Huỳnh	Như	30/4/1990	655/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3548	Cao Minh	Huy	1979	655/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3549	Nguyễn Minh	Đức	10/02/1997	656/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3550	Nguyễn Xuân	Hoa	1970	656/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3551	Nguyễn Nhật	Triết	05/12/1993	657/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3552	HUỲNH THỊ	LƯU	01/01/1986	658/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3553	Lâm Thị Ngọc	Thúy	1984	658/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3554	Đường Thị Diệu	Hiền	1988	659/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc
3555	Nguyễn Thanh	Tuấn	1988	659/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3556	Nguyễn Thị	Bé	03/7/1966	66/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3557	Phan Thị	Thúy	1979	66/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3558	Lê Thị Lệ	Hằng	10/10/1992	660/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3559	Nguyễn Thị Kim	Ngân	1972	661/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3560	Trịnh Cẩm	Tú	1987	662/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3561	Hồ Thị Như	Tuyền	08/02/1976	663/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3562	Nguyễn Văn Thanh	Anh	1997	664/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3563	Đặng Khánh	Thúy	19/5/1992	665/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3564	Nguyễn Thị Mỹ	Quyên	1984	665/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3565	Nguyễn Hồ	Trọng	27/9/1990	666/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3566	Trần Thị Bích	Liên	1980	666/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3567	Hồ Thị Bích	Vân	10/11/1965	667/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3568	Bùi Thị Minh	Thư	1990	667/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3569	Nguyễn Trần Khánh	Tuyền	21/01/1985	668/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3570	Nguyễn Thanh	Phong	1984	668/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3571	Võ Thị Huyền	Chi	17/12/1978	669/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3572	Lê Minh	Kiệt	1972	669/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3573	PHAN QUANG PHƯỚC	LỘC	01/9/1988	67/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3574	Đỗ Anh	Tuấn	1983	67/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3575	Trần Lâm Mỹ	Liên	28/02/1988	670/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3576	Lê Thị Ái	Vân	1967	670/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3577	Trần Thị	Phương	1984	671/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3578	Phạm Quốc	Huy	02/9/1996	672/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3579	Trần Hữu	Tính	1982	672/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3580	Nguyễn Hòa	Bình	05/11/1980	673/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3581	Trần Hữu	Tài	1974	673/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3582	Nguyễn Ngọc	Kiều	15/7/1989	674/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3583	Đặng Văn	Luận	1982	674/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3584	Nguyễn Thanh	Sang	1985	675/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3585	Bùi Thị Tuyết	Minh	25/02/1977	676/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3586	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	11/01/1992	677/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3587	Đỗ Thị Kim	Thoa	1965	677/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3588	Nguyễn Thị	Mai	1966	678/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3589	Nguyễn Thị	Diệp	1986	678/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3590	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	25/12/1987	679/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3591	Đoàn Nhị	Giang	1968	679/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3592	Trần Thị	Nguyệt	30/8/1959	68/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3593	Nguyễn Trinh	Nữ	16/8/1993	680/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3594	Phạm Thị Thanh	Thảo	1979	680/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3595	Đàm Thị Thiên	Hương	13/7/1992	681/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3596	Trần Ngọc	Thủy	1984	681/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3597	Trần Minh	Duy	06/7/1989	682/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3598	Đỗ Tuyết	Nhung	1967	682/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3599	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	1979	683/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc
3600	Phan Thị Ngọc	Hạnh	1971	683/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3601	Võ Nguyễn Thị Tuyết	Duyên	21/9/1987	684/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc
3602	Nguyễn Thành	Lợi	1968	684/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3603	Phan Thị Diễm	Ngọc	08/7/1993	685/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3604	Nguyễn Phước	Hiền	1983	685/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3605	Lê Thị Kim	Phượng	02/7/1962	686/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3606	Lê Kim	Duyên	1989	686/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3607	TƯỜNG THỊ THANH	VI	30/01/1993	687/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3608	Lê Thị Hồng	Loan	1986	687/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3609	Nguyễn Thị	Mỹ	10/8/1984	688/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3610	Nguyễn Văn	Tý	1971	688/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3611	Nguyễn Văn	Tâm	30/6/1980	689/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3612	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	1985	689/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3613	Lục Ngọc Liên	Hoa	24/11/1987	69/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3614	Nguyễn Lê Thúy	Như	17/6/1996	690/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3615	Nguyễn Tố	Anh	1984	690/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3616	Đặng Thành	Lợi	06/7/1994	691/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3617	Lê Thị Tuyết	Hoa	1983	691/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3618	Châu Thị	Tốt	19/4/1983	692/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3619	Nguyễn Thị Hồng	Cúc	1980	692/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3620	Lê Thạch	Xuyên	25/7/1993	693/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3621	Nguyễn Phi	Hùng	1988	693/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3622	Nguyễn Thị Tố	Uyên	02/3/1996	694/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3623	Nguyễn Thị Bích	Thảo	1987	694/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3624	Lê Hồng	Thái	1982	695/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3625	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	03/4/1993	696/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3626	Vũ Thị	Tươi	1964	696/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3627	Bùi Thị Thúy	Kiều	19/12/1994	697/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3628	Phạm Quang	Tuấn	1971	697/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3629	Ngô Văn	Ba	1988	698/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3630	Trần Duy	Thanh	1971	698/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3631	Lê Quốc	Sử	25/10/1996	699/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3632	Nguyễn Văn	Chen	1973	700/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3633	Trần Thị Túy	Hoa	1952	700/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3634	Trần Trung	Thành	05/4/1993	701/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3635	Võ Văn	Hải	1982	701/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3636	Nguyễn Thị Thùy	Linh	04/11/1989	702/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3637	Dương Châu Hòa	Bình	1975	702/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3638	Nguyễn Văn	Thuận	1996	703/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3639	Trần Anh	Vũ	1982	703/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3640	Nguyễn Tuyết	Lan	1977	704/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3641	Nguyễn Hoàng	Trung	1989	704/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3642	Lê Thị	Thắm	1988	705/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3643	Đình Hoàng	Nhã	1983	705/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3644	DƯƠNG VĂN	PHÁP	1985	706/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3645	LÂM THỊ	KIỀU	05/3/1983	707/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3646	Nguyễn Phương	Lan	24/4/1995	708/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3647	Nguyễn Đắc	Khoa	1982	709/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3648	Nguyễn Thị Cẩm	Hằng	04/3/1992	71/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3649	Nguyễn Văn	Dạ	1981	71/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3650	Nguyễn Thị Bích	Liên	30/12/1994	710/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3651	Lê Thị	Thom	1985	710/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3652	Trần Thị Bích	Ngọc	27/7/1992	711/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3653	Nguyễn Ngọc	Hân	1987	711/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3654	Trần Thị Huỳnh	Như	23/01/1997	712/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3655	Võ Kim	Tuyển	1972	712/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3656	Lê Quốc	Khương	1965	713/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3657	Nguyễn Thị Thùy	Trang	29/6/1996	714/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3658	Nguyễn Thị Huỳnh	Mai	10/02/1996	715/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3659	Ngô Phước	Tùng	1985	715/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3660	Võ Trung	Nguyễn	13/4/1996	716/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3661	Lương Văn	Vui	1983	716/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3662	Lương Thị Diễm	Trang	02/12/1996	717/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3663	Lê Thị Trọng	Lý	1986	717/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3664	Ngô Thị Kim	Vàng	16/02/1995	718/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3665	Ngô Hữu	Phú	05/10/1994	719/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3666	Bùi Thị Mộng	Thu	1983	719/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3667	Nguyễn Tấn	Lưu	01/01/1978	72/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3668	Nguyễn Văn	Queel	1988	72/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3669	Trương Thị	Én	10/3/1984	720/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3670	Nguyễn Thị Yến	Phượng	1987	720/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3671	Nguyễn Thiện	Dương	20/3/1996	721/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3672	Đình Minh	Điện	04/8/1983	722/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3673	HUỲNH THỊ KIM	LIÊU	15/01/1983	723/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3674	Phạm Thị Mỹ	Phượng	27/12/1980	724/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3675	Hồ Ngọc	Giàu	1970	724/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3676	Hứa Thị Hồng	Ngân	02/8/1980	725/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3677	Hà Thị Thanh	Thúy	1981	726/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc
3678	Dương Thị Thùy	Dương	24/9/1989	727/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3679	Nguyễn Thị Phương	Lan	1985	727/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3680	Nguyễn Xuân	Thảo	05/02/1995	728/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3681	Nguyễn Quốc	Đạt	1979	728/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3682	Tô Thanh	Di	1984	729/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3683	Trần Ý	Nhi	1985	729/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3684	Thái Thị Thúy	Ngân	01/11/1992	73/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3685	Lưu Đức	Linh	1986	73/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3686	Nguyễn Kim	Thoa	1984	730/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3687	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	1988	730/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3688	Huỳnh Văn Nguyễn	Em	1987	731/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3689	Võ Thị	Diệu	1976	731/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3690	Đặng Thị Hồng	Liên	1981	732/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc
3691	Mai Ngân	Bình	20/11/1978	733/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc
3692	Phạm Tấn	Huy	1988	733/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3693	Trần Thị Kim	Cương	1984	734/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3694	Nguyễn Văn	Thảo	1985	734/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3695	Tô Thanh	Tuấn	08/5/1990	735/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3696	TRẦN HỒNG	YÊN	20/12/1994	736/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3697	Trương Thị	Nhi	14/4/1994	737/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3698	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	1984	737/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3699	Bùi Thanh	Tín	17/9/1994	738/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3700	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	05/6/1980	739/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3701	Trần Thị Kim	Loan	1985	739/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3702	Nguyễn Thị Thanh	Hương	1970	74/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3703	Nguyễn Minh	Trạng	01/5/1971	740/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3704	Nguyễn Thanh	Thùy	1969	741/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3705	Dương Thị Mộng	Linh	13/9/1992	742/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3706	Nguyễn Văn	Mười	1981	742/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3707	Lê Hòa Thùy	Nhân	05/12/1981	743/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3708	Nguyễn Thị Minh	Trang	15/8/1988	744/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3709	Trần Thị Bé	Sáu	1986	744/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3710	Nguyễn Thị Hồng	Châu	16/7/1981	745/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3711	Từ Ngọc	Châu	1965	745/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3712	NGUYỄN HOÀI	NHÂN	14/11/1989	746/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3713	Lê Văn	Ly	1989	746/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3714	Lê Thị Xuân	Trang	21/4/1995	747/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3715	Lê Thị Mai	Trung	1984	747/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3716	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	10/5/1996	748/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3717	Trương Ngọc	Hiếu	1971	748/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3718	Phạm Thị	Sen	24/8/195	749/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3719	Phan Hoàng	Thương	23/6/1993	75/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3720	Huỳnh Thị Thu	Trang	1988	75/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3721	Phạm Thị	Mai	01/9/1996	750/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3722	Huỳnh Thị Cẩm	Tiên	1983	750/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3723	NGUYỄN THỊ TRÚC	LY	29/3/1991	751/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3724	Phạm Thị	Tú	27/4/1996	752/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3725	Huỳnh Thị Xuân	Hồng	1979	752/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3726	Huỳnh Minh	Trị	10/5/1981	753/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3727	Nguyễn Lê Yến	Nhi	1989	753/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3728	Nguyễn Thị Phương	Dung	09/01/1988	754/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3729	Dương Thị Hồng	Gấm	1990	754/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3730	NGUYỄN THU	TRANG	04/4/1992	755/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3731	Đỗ Thị Cẩm	Thúy	1964	755/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3732	NGUYỄN MAI DIỄM	THÚY	20/7/1981	756/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3733	Hà	An	1967	756/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3734	Trương Phúc	Trí	1984	757/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3735	Phạm Thị Minh	Trang	1981	758/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3736	Lê Hồng	Nhung	1987	759/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3737	Huỳnh Trung	Hiếu	1985	759/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3738	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	12/01/1991	76/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3739	Nguyễn Thị Phương	Thúy	1983	76/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3740	NGUYỄN LÊ	QUYẾN	17/11/1986	760/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3741	Võ Minh	Hữu	1981	760/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3742	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	1984	761/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3743	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	11/10/1992	762/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3744	Đào Thanh	Nguyệt	1986	763/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3745	Lê Văn	Thương	1982	763/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3746	DƯƠNG MINH	HIẾN	30/4/1989	764/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3747	Nguyễn Hồng	Diễm	1980	764/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3748	Phù Duy	Phương	08/8/1982	765/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3749	Lê Thúy	An	1984	765/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3750	Huỳnh Lê Kim	Phụng	15/10/1994	766/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3751	Trần Thị Trúc	Xinh	1985	766/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3752	Bạch Văn	Mứt	1969	767/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3753	Nguyễn Tâm	Thành	1987	768/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc
3754	Mã Thanh	Bách	1991	769/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3755	Võ Thị Thúy	Duy	13/01/1992	77/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3756	Võ Hoàng	Hải	1985	770/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3757	Võ Hà Xuân	Diễm	1970	771/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3758	Nguyễn Trung	Hiếu	1989	771/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3759	Nguyễn Thị Quỳnh	Giao	04/8/1995	772/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3760	Võ Thị Gia	Như	1981	773/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3761	LÊ NGỌC	DIỄM	25/01/1986	774/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3762	Ngũ Hồng	Phương	14/10/1991	775/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3763	NGUYỄN THỊ	LOAN	02/12/1971	776/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3764	Tăng Ngọc	Sương	1987	776/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3765	Nguyễn Ngọc	Thúy	16/12/1989	777/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3766	Lê Tấn	Lực	1987	777/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3767	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	10/12/1966	778/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3768	Phạm Khắc	Qui	1987	779/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3769	Huỳnh Thị Bé	Loan	1981	779/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3770	Tổng Thanh	Bạch	25/12/1987	78/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3771	Phan Thị Kim	Loan	1986	78/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3772	Phan Thị Kim	Tuyền	1983	780/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3773	Nguyễn Cao Phương	Trang	1973	780/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3774	Lê Văn	Liên	02/10/1969	781/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã
3775	Nguyễn Công	Danh	01/01/1992	782/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3776	Trần Thị	Phước	1984	782/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3777	Nguyễn Quốc	Khang	25/5/1993	783/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3778	Võ Tuyết	Linh	1981	783/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3779	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	07/9/1993	784/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3780	Lê Thị Thanh	Tuyền	1981	784/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3781	Văn Thị Diệu	Hiền	30/3/1991	785/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3782	Nguyễn Thị Cẩm	Rồng	1966	785/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3783	Nguyễn Thị	Quyên	04/3/1977	786/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3784	Lê Thị Kiều	Oanh	1975	786/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3785	Phan Thị	Vẹn	1983	787/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3786	Tô Giang Hoàng	Oanh	16/7/1986	788/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3787	Trần Thị Bích	Ngọc	1985	788/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3788	Phạm Thị	Tươi	14/9/1988	789/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3789	Mai Ngọc	Hân	10/02/1994	79/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3790	Phan Thị Kim	Dung	30/12/1980	790/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3791	Trần Thị Hồng	Tươi	1967	790/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3792	Nguyễn Yến	Nhi	23/9/1996	791/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3793	Võ Ngọc	Thanh	1977	791/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3794	Nguyễn Thị Thu	Ba	20/8/1996	792/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3795	Nguyễn Thành	Công	1954	792/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3796	Nguyễn Thị Thu	Hà	1978	793/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3797	Phạm Thị	Giới	1990	793/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3798	Phan Minh	Tuấn	1988	794/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3799	LÊ ĐĂNG	KHOA	18/11/1991	795/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3800	Nguyễn Ngọc Anh	Tuấn	1972	795/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3801	Nguyễn Phạm Sơn	Huỳnh	01/01/1994	796/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3802	Trần Thị Trúc	Phương	1984	796/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3803	NGUYỄN THÙY	LINH	25/11/1981	797/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3804	Từ Tiến Quang	Hào	1983	797/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3805	Phan Kim	Đồng	1987	798/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3806	Dương Thừa	Phong	1984	799/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3807	Lê Văn	Vinh	1966	799/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3808	Lê Thu	Hà	08/4/1995	80/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3809	Đặng Thị Bích	Ngân	02/6/1988	800/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3810	Lê Nguyễn Minh	Thanh	1984	801/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3811	Trần Thị Thu	Nhiều	22/7/1995	802/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3812	Nguyễn Thị Thúy	Vân	1984	803/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3813	Lý Tuấn	Kiệt	1970	803/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3814	Võ Thị Kim	Mỹ	1978	804/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3815	Hồ Thanh	Điền	1982	805/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3816	Lê Thị Ngọc	Thanh	07/10/1973	806/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3817	Trần Thị Tố	Quyên	1983	806/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3818	Phạm Thị Bích	Thùy	1982	807/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3819	Huỳnh Minh	Trang	1982	807/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3820	Huỳnh Thị Thủy	Nguyên	1983	808/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3821	Tạ Thị Thanh	Thắm	1985	808/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3822	Ngô Thanh	Hòa	15/7/1985	809/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3823	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	01/01/1985	81/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3824	Đỗ Thị Tuyết	Nhung	1989	810/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3825	Đỗ Thị Nguyệt	Minh	1983	810/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3826	Đặng Ngọc Hoài	Thương	12/12/1993	811/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3827	Nguyễn Hoàng	Tân	1990	811/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3828	Đặng Kim	Ngọc	15/02/1987	812/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3829	Nguyễn Hữu	Bằng	1986	812/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3830	Nguyễn Bích	Nhiên	01/5/1985	813/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3831	Nguyễn Lệ	Thùy	1967	813/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3832	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc Lan	Thanh	24/01/1996	815/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3833	Lưu Ngô Kim	Ngọc	1988	815/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3834	Trần Thị Huỳnh	Như	10/02/1995	816/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3835	Nguyễn Thị Tiểu	Mi	1987	816/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3836	Phạm Thị Minh	Thùy	1980	817/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3837	Phan Thị Tuyết	Ngọc	1983	817/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3838	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	23/9/1989	818/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3839	Trần Quang	Thắm	1966	818/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3840	NGUYỄN THỊ KIM	NGUYỄN	27/10/1987	819/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3841	Nguyễn Thị	Mai	1976	819/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3842	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/9/1988	82/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3843	Nguyễn Tuyết	Phượng	1982	82/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3844	Huỳnh Thị Tuyết	Lan	01/11/1994	820/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3845	Ngô Quốc	Văn	1988	820/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3846	NGUYỄN THỊ MAI	TRÂM	02/9/1987	821/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3847	Trương Thị Mộng	Thắm	1988	821/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3848	Trần Chí	Nguyễn	23/02/1991	822/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3849	Lê Thị Bích	Thu	1985	822/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3850	Phùng Thị Hoàng	Oanh	1983	823/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3851	Phạm Thị Bé	Mười	1986	823/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3852	Nguyễn Thị Thúy	Ngọc	28/5/1993	824/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ: vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền); Nhà thuốc; Quầy thuốc
3853	Cùng Thị Hồng	Ngân	09/7/1996	825/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3854	Đặng Thị Kim	Tho	1991	825/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3855	Nguyễn Thị Thùy	Trang	1982	826/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3856	Trần Nhựt	Trường	1984	826/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3857	Phan Thị	Hào	28/11/1984	827/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3858	Thái Thị Mỹ	Hạnh	1983	828/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3859	Nguyễn Thị	Hương	1982	829/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3860	Đỗ Kim	Danh	25/3/1963	83/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3861	Nguyễn Thị Thúy	Nhi	01/01/1992	830/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3862	Trần Thị	Tím	1986	830/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3863	Nguyễn Thị	Lợi	1987	831/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3864	PHAN THANH	MỸ	01/01/1986	832/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3865	Nguyễn Minh	Phương	1981	832/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3866	Lê Thị Việt	Trình	14/3/1993	833/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3867	Đỗ Thanh	Bản	1989	833/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3868	Phạm Thu	Vân	15/6/1983	834/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3869	Nguyễn Văn	Em	1964	834/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3870	Nguyễn Khánh	Hòa	1975	835/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3871	Nguyễn Thị Thanh	Lựu	1986	836/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3872	Võ Minh	Phúc	1986	836/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3873	Hồ Duy	Linh	1988	837/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3874	Trần Văn	Rộng	1979	837/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3875	Trần Thị Kim	Liên	16/5/1994	838/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3876	Trần Thị Kim	Duyên	1986	838/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3877	Huỳnh Thị	Trâm	1971	839/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3878	Lê Quang	Thái	1988	839/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3879	Lê Văn	Kha	1968	84/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3880	Võ Thị Hồng	Seng	1983	84/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3881	NGUYỄN THỊ THANH	BÍCH	15/11/1987	840/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm); Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc.
3882	Nguyễn Thị Thu	Thảo	1976	840/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3883	Trần Thị	Hoa	1974	841/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3884	Nguyễn Lê Thị Mỹ	Duyên	13/02/1995	842/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3885	LÊ PHẠM THANH	HẬU	07/02/1996	843/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3886	Châu Thị Cẩm	LinL	1988	843/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3887	Nguyễn Thị Kim	Thùy	26/02/1994	844/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3888	Trần Bảo	Thạnh	1982	844/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3889	Lộ Minh	Thảo	1988	845/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3890	Phạm Hồng	Phúc	16/3/1985	846/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3891	Phan Minh	Đức	22/11/1986	847/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3892	Lê Thị Thảo	My	03/01/1993	848/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3893	Phạm Thị Kim	Mỹ	1984	849/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3894	Nguyễn Anh	Dũng	1965	85/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3895	Nguyễn Thị Kim	Ý	1986	85/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3896	Nguyễn Xuân	Hoa	25/11/1965	850/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3897	Trần Ngọc	Trâm	02/10/1977	851/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3898	La Thị Thanh	Hương	1965	851/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3899	Lê Thị Trúc	Mơ	05/8/1996	852/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3900	Trần Kim	Phượng	1978	853/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3901	THÁI THỊ KIM	NGÂN	08/10/1987	854/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3902	Nguyễn Minh	Thái	1987	854/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3903	Trần Thị Thu	Thảo	26/4/1994	855/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3904	Nguyễn Ngọc Thanh	Tuyển	1985	855/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3905	Nguyễn Phước Bảo	Trần	02/5/1994	856/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3906	Nguyễn Lâm	Son	1991	856/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3907	Lê Văn	Phúc	12/12/1994	857/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Nhà thuốc; Quầy thuốc
3908	Đặng Văn	Tước	1962	857/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3909	Hồ Quang	Nhân	1981	858/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3910	Quách Chí	Lịch	1969	858/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3911	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	1989	859/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3912	Lê Thị Hồng	Phượng	1979	859/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3913	Nguyễn Đỗ Thị Thu	Yêm	02/3/1993	86/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3914	Lê Thị	Huỳnh	1974	86/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3915	Lê Thị Hồng	Ngọc	05/5/1978	860/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3916	Trương Thị Hồng	Phượng	1981	860/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3917	Nguyễn Văn Quyền	Ngọc	28/3/1995	861/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3918	Nguyễn Thị Kim	Loan	28/11/1981	862/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3919	Nguyễn Chí	Công	1985	862/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3920	Võ Tấn	Lợi	07/7/1985	863/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3921	Phan Văn	Thanh	1981	863/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3922	Phạm Văn	Bắc	20/6/1983	864/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3923	Lộ Như	Vy	1985	865/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3924	Nguyễn Thành	Tam	1983	865/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3925	Lê Thanh	Nhàn	06/5/1989	866/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3926	Nguyễn Thúy	Hằng	17/4/1982	867/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3927	Dương Tài	Linh	28/12/1995	868/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3928	Châu Thanh	Giàu	1978	868/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3929	Nguyễn Thị	Liều	18/9/1995	869/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3930	Nguyễn Đăng Hoàng	Mỹ	28/8/1991	87/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3931	Diệp Chấn	Phong	10/11/1996	870/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3932	Nguyễn Thị Thúy	An	26/6/1997	871/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3933	Nguyễn Ngọc	Huệ	20/10/1993	872/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3934	Lê Hoàng	Linh	1983	872/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3935	Nguyễn Thị Minh	Hiên	27/3/1985	873/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3936	Lê Ngọc	Phúc	10/11/1956	874/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3937	Nguyễn Hoàng Đức	Em	1990	875/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3938	Huỳnh Thị Minh	Nga	1984	875/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3939	Nguyễn Thành	Trí	15/7/1974	876/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3940	HUỲNH THỊ CẨM	THÚY	19/02/1982	877/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3941	Đỗ Thị	Quyên	1982	877/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3942	Phạm Thị Tuyết	Lê	1975	878/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3943	Phạm Thị Vân	Anh	1982	878/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3944	Phan Văn Bé	Tâm	05/11/1981	879/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3945	Đào Tuấn	Tâm	1977	879/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3946	Đình Thị Thúy	Hằng	22/7/1992	88/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3947	Phan Thị Mộng	Ngọc	1976	88/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3948	Nguyễn Thị Tú	Trình	20/10/1988	880/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3949	Trần Lương	Đình	1976	880/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3950	Nguyễn Thị Thùy	Như	18/4/1994	881/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3951	Nguyễn Kim	Tuyển	1963	881/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3952	Huỳnh Thị Tú	Uyên	02/7/1994	882/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3953	Huỳnh Thị Kim	Giao	1984	882/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3954	Huỳnh Minh	Viện	12/8/1994	883/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3955	Lê Thị	Trang	1990	883/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3956	Huỳnh Thị Châu	Tuyền	09/9/1996	884/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3957	Nguyễn Thị	Lý	1974	884/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3958	Nguyễn Diễm	Trang	07/8/1990	885/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3959	Nguyễn Thị Nghiêm	Quân	08/9/1988	886/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3960	Phạm Thanh	Em	1966	886/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3961	Bùi Công	Minh	1983	887/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3962	Đỗ Thị Kim	Tím	1974	887/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3963	Nguyễn Hữu	Dự	1973	888/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3964	Ngô Khánh	Huy	1983	888/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3965	Khuru Tuyết	Vân	29/8/1994	889/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3966	Bùi Ngọc	Dung	1965	889/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3967	Trần Nguyễn Thu	Uyên	21/5/1985	89/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3968	Nguyễn Kim	Xuyến	1966	89/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3969	Lê Quốc	Hoàng	1981	890/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3970	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	1988	890/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3971	Huỳnh Hoa Hạnh	Nguyễn	1990	891/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3972	PHẠM THỊ BÍCH	NGOC	26/6/1989	892/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc
3973	Nguyễn Thị Thu	Trang	1978	892/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3974	Nguyễn Trường	An	11/10/1994	893/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3975	Lê Văn	Lộc	1972	894/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3976	Võ Thị Hồng	Vân	1986	895/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3977	Huỳnh Đệ	Nhất	03/9/1994	896/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3978	Ngô Phú	Nhật	15/5/1995	897/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3979	Nguyễn Thanh	Luân	30/9/1994	898/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc
3980	Nguyễn Hồng	Thư	03/4/1987	899/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3981	Trần Thị Kim	Em	08/5/1985	90/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3982	Huỳnh Tấn	Phát	20/5/1989	900/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở bán buôn thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Nhà thuốc
3983	Nguyễn Văn	Quý	17/11/1986	901/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc
3984	Nguyễn Thị Cẩm	Hương	1987	901/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3985	Trịnh Hoàng Ngọc	Lan	17/01/1994	902/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3986	Ngô Thị	Nhanh	19/4/1980	903/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3987	Nguyễn Thị Thùy	Linh	13/8/1986	904/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc
3988	Nguyễn Đình Minh	Thư	1984	904/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3989	Đình Hữu	Tâm	01/3/1987	905/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Nhà thuốc
3990	Nguyễn Thị Thúy	Vân	1981	905/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3991	Nguyễn Đăng	Khoa	17/6/1996	906/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3992	Phạm Thị Kim	Chi	12/11/1994	907/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3993	Lê Thị Kim	Tùng	1981	907/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3994	NGUYỄN THỊ TUYẾT	ANH	20/4/1994	908/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3995	Phạm Văn	Trú	1957	908/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3996	Nguyễn Thúy	Hằng	1987	909/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3997	Huỳnh Thị Phương	Dung	29/9/1989	91/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3998	Nguyễn Lê	Trí	1970	91/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3999	Huỳnh Thị Diệu	Nhon	04/8/1994	910/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4000	Nguyễn Thị Như	Viên	1988	910/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4001	Lê Minh	Duy	07/02/1993	911/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4002	Trần Bá	Duy	1981	911/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4003	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	16/01/1997	912/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4004	Nguyễn Thị Ngọc	Luyến	1987	912/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4005	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	26/8/1995	913/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4006	Ngô Thị Mỹ	Trình	11/3/1997	914/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4007	Trần Quốc	Thắng	1990	914/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4008	Lâm Thị Hải	Yến	05/12/1996	915/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4009	Nguyễn Thị Xuân	Lộc	1958	915/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
4010	Trần Thị Diễm	Trang	12/9/1978	916/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4011	Trương Đình	Khá	1977	916/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
4012	Nguyễn Dương Hồng	Yến	04/4/1990	917/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4013	Thái Hoàng	Lâm	1963	917/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
4014	Trần Quốc	Công	1982	918/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4015	Dương Văn	Chín	1955	918/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
4016	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	1985	919/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4017	Đỗ Thành	Nhu	1988	919/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4018	Trần Thanh	Tâm	1984	92/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4019	Nguyễn Thị Diễm	An	1989	920/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4020	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	1981	920/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4021	Nguyễn Thị	Phượng	1970	921/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4022	Nguyễn Bảo	Trân	1987	921/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4023	Phạm Mỹ	Duyên	09/3/1995	922/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4024	Huỳnh Thị Thúy	Khuân	1987	922/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4025	Nguyễn Thị Mỹ	Hân	03/7/1988	923/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4026	Trần Ngọc	Liên	26/7/1983	924/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược, người phụ trách về bảo đảm chất lượng của hộ kinh doanh, hợp tác xã sản xuất dược liệu; Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền.
4027	Văng Thị Ngọc	Hân	1984	924/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4028	Đặng Thị	Ngoan	1984	925/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở bán buôn thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Nhà thuốc
4029	Trần Thị Bích	Hạnh	1988	925/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4030	Đình Nguyễn Phú	An	21/5/1994	926/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4031	Lê Thị Tuyết	Loan	1981	926/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4032	Lê Văn	An	11/3/1982	927/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã.
4033	Nguyễn Thanh	Tùng	1988	927/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4034	Nguyễn Văn	Trí	10/6/1994	928/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm); Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm); Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4035	Nguyễn Minh	Thắng	14/4/1989	929/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Cơ sở bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền.
4036	Trần Phát	Đạt	1984	929/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4037	Lê Thị Ngọc	Diệu	29/10/1987	93/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4038	Trương Trần Phước	Vinh	17/01/1994	930/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4039	Nguyễn Quỳnh	Hương	11/6/1995	931/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4040	Nguyễn Thị Ngọc	Thu	1978	931/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4041	Lê Thanh	Khiêu	10/02/1966	932/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4042	Lê Thị Tuyết	Nhung	1980	932/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4043	Nguyễn Trí	Nhân	17/10/1979	933/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4044	Hồ Nguyễn Phương	Hồng	1983	933/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4045	Võ Văn	Long	27/4/1971	934/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4046	Đoàn Thị	Bé	1964	934/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4047	Nguyễn Thị Kim	Loan	25/9/1992	935/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4048	Nguyễn Thị Thu	Cúc	1988	935/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4049	Trần Bảo	Khanh	1995	936/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4050	Trần Sơn	Hải	25/6/1974	937/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược, người phụ trách về bảo đảm chất lượng của hộ kinh doanh, hợp tác xã sản xuất dược liệu; Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền.
4051	Nguyễn Thị Kim	Ngân	1987	937/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4052	Huỳnh	Mai	10/02/1994	938/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4053	Phạm Minh	Tú	1980	938/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
4054	Ngô Văn	Giáp	24/6/1983	939/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4055	Nguyễn Trần	Nguyễn	1986	939/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
4056	Lê Minh	Thông	10/02/1989	940/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4057	Lữ Thiện	Phúc	1986	940/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
4058	Hoàng	Long	1987	941/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4059	Trịnh Thanh	Son	1983	942/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4060	Nguyễn Thị Trúc	Phương	20/01/1995	944/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4061	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	1990	944/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4062	Nguyễn Tuấn	Kiệt	1981	945/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4063	Nguyễn Xuân	Hoa	1970	945/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4064	Đào Ngọc	Xuyên	30/10/1997	946/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4065	Nguyễn Thị	Chinh	1986	946/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4066	TRẦN THỊ THANH	LOAN	25/11/1986	947/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4067	Nguyễn Thị Thu	Chi	1988	947/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4068	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	1983	948/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4069	Nguyễn Thị Yến	Nhi	1990	948/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4070	Lê Thị Thu	Ba	1983	949/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4071	Thái Văn	Hùng	1963	949/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4072	Nguyễn Thị	Chắc	06/6/1905	95/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
4073	Lê Hoàng	Dũng	17/11/1966	950/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4074	Hà Thị Bảo	Yến	1987	950/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4075	Thiệu Thị Bích	Ly	10/8/1985	951/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4076	Trần Thị Hải	Lý	01/4/1976	953/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4077	Trần Thị Anh	Thư	1979	953/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4078	Nguyễn Thị Trúc	Hằng	1983	954/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4079	Phạm Thị Bé	Năm	1980	954/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4080	ĐẶNG THANH THÚY	AN	27/7/1986	955/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4081	Nguyễn Thị Bạch	Tuyết	1982	955/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4082	PHAN THỊ ÁNH	HỒNG	30/01/1982	956/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4083	TIẾT KIM	OANH	22/8/1975	957/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4084	Huỳnh Thị	Thắm	1988	957/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4085	Phạm Thị Diễm	Thúy	29/10/1989	958/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4086	Lưu Thúy	Vy	1989	958/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4087	Bạch Thị Hồng	Huệ	01/5/1993	959/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4088	Nguyễn Thanh	Hà	1973	959/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4089	Nguyễn Thị Cẩm	Loan	01/09/1983	96/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
4090	Phạm Thị	Khéo	1964	960/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4091	Đặng Văn	Khanh	1967	960/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4092	Lăng Thị Thu	Sương	24/02/1986	961/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4093	Đặng Hoàng	Anh	1988	961/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4094	Lê Minh	Bạch	1976	962/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4095	Nguyễn Thị Kim	Tuyển	1970	962/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4096	Lê Văn	Vũ	1984	963/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền); Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền); Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4097	Trương Ngọc	Lũy	05/6/1969	964/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4098	Trần Đắc	Khánh	1979	964/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4099	Nguyễn Tấn	Kiệt	1991	965/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4100	Lê Thị	Nhàn	1980	965/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4101	Nguyễn Thanh	Phong	04/8/1982	966/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc
4102	Nguyễn Thị Thu	An	01/7/1987	967/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc
4103	Phạm Thị Hồng	Phúc	1985	967/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4104	Nguyễn Thị	Cầm	1989	968/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4105	Nguyễn Văn	Phúc	1958	968/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4106	Nguyễn Thị Phương	Quyên	11/5/1989	969/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4107	Hồng Thị Bích	Liên	1986	969/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
4108	Châu Bá Phước	Duẩn	1987	97/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4109	Đỗ Anh	Dũng	1965	970/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc
4110	Nguyễn Hoàng	Thiện	1950	970/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4111	Lê Thanh	Cúc	24/6/1990	971/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4112	Nguyễn Thị Thái	Thanh	1984	971/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
4113	Phạm Thị Bích	Ngọc	09/6/1992	972/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4114	Lê Tấn	Đạt	30/7/1989	973/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4115	Phạm Thị Ngọc	Dung	1983	973/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
4116	Bùi Văn	Nhi	03/01/1994	974/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4117	Phạm Thị Thủy	Linh	1987	974/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
4118	Nguyễn Kim	Ngọc	18/01/1986	975/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4119	Phan Thái	Hiền	1982	975/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
4120	Lê Huỳnh Thúy	Oanh	05/11/1991	976/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4121	Huỳnh Thị Yến	Nhi	27/10/1993	977/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4122	Lê Thị Huỳnh	Hoa	1958	979/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4123	Đặng Hoàng	Bừu	16/8/1992	98/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4124	Phạm Minh	Phương	1988	98/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4125	Lưu Thị Cẩm Tú	Em	1986	980/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4126	Nguyễn Thị	Điểm	16/11/1983	981/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4127	Nguyễn Minh	Trí	1992	982/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4128	Trần Thị Mộng	Cầm	02/02/1993	983/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4129	Phan Hoàng Ngọc	Trang	01/02/1985	984/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4130	Trần Thị Ngọc	Mai	1982	984/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4131	Giảng Đặng Ngọc	Hân	15/3/1993	985/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4132	Đồng Thị Phát	Tài	1988	985/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4133	Tổng Phan	Duy	1989	986/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4134	Võ Trần	Trung	15/5/1996	987/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4135	Nguyễn Quang	Huy	1988	987/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4136	Nguyễn Hữu	Thông	09/10/1968	988/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4137	Nguyễn Minh	Trọng	1983	988/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4138	Huỳnh Nguyễn Như	Bình	22/12/1990	989/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4139	Mai Hoàng	Linh	15/9/1992	99/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4140	Trần Thị Ngọc	Phượng	1980	99/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4141	Nguyễn Huỳnh Hồng	Ngọc	12/10/1994	990/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở sản xuất dược liệu; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc
4142	Trần Hùng	Phong	1990	991/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4143	Trần Sinh	Phúc	1972	991/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4144	Huỳnh Minh	Trị	15/9/1991	992/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4145	Nguyễn Trường	Giang	1984	992/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4146	Lê Thành	Hiệp	27/9/1988	993/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4147	Lê Minh	Tâm	18/12/1991	994/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4148	VÕ KIM	BẰNG	10/9/1979	995/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4149	Nguyễn Thành	Long	1988	996/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4150	Nguyễn Văn	Ngân	1961	996/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4151	Nguyễn Hoàng	Oanh	13/12/1993	997/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4152	Mai Minh	Luân	1989	997/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4153	Bùi Thị Kim	Thủy	1981	998/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4154	Bùi Thị Hồng	Ngoan	1990	998/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4155	Nguyễn Thị Thúy	Nga	1983	999/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4156	Lê Thanh	Hòa	1959	999/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
4157	QUAN PHÚ	LONG	24/6/1982	2540/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4158	TRẦN VĂN	TRUNG	19/6/1990	2539/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4159	TRẦN THỊ NGỌC	HÃ	03/11/1987	2538/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4160	NGÔ HOÀNG	YẾN	25/7/1972	2537/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4161	NGUYỄN THANH	HUYỀN	25/9/1994	2536/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4162	VÕ THỊ NHƯ	HUỶNH	10/11/1998	2535/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4163	HỒ NGUYỄN	PHÚC	27/01/1996	2534/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4164	NGUYỄN CHÍ	TÂM	19/10/1975	2533/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4165	PHẠM PHƯỚC	NHIỀU	29/5/1997	2532/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4166	HUỶNH NGỌC	LIÊN	11/02/1994	2531/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4167	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	27/4/1998	2530/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4168	NGUYỄN THỊ TUYẾT	DUYÊN	27/4/1998	2529/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4169	NGUYỄN THỊ	HỒNG	06/02/1987	2528/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4170	LƯƠNG THỊ KIỀU	TIÊN	15/4/1997	2527/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4171	LÂM TRƯƠNG LAN	PHƯƠNG	08/6/1982	2526/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4172	TRẦN THỊ TUYẾT	NGA	21/12/1983	2525/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4173	PHẠM THỊ	NGA	06/4/1970	549/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4174	HUỶNH THỊ BÍCH	TUYỀN	08/3/1993	2524/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4175	LÊ THÀNH	ĐẠT	09/9/1994	2523/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4176	ĐẶNG THỊ VÂN	ANH	01/01/1997	2522/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4177	TRẦN HUỶNH	ANH	07/10/1996	2521/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4178	LÊ Ý	NHƯ	21/01/2000	2520/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4179	HỒ BIÊN	THÙY	02/6/1990	2519/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4180	HUỶNH THỊ MỸ	CHI	29/4/1999	2518/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4181	TỬ KIM	DU	22/01/1992	2517/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4182	CHÂU THỊ KIỀU	QUANH	20/4/1992	2516/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4183	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	21/10/1996	2515/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4184	TRƯỜNG THỊ YẾN	NHI	19/5/1991	2514/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4185	PHẠM HỮU	TÀI	15/5/1971	2513/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4186	LÂM TẤN	TRUNG	04/4/1970	2512/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4187	LÊ THỊ	LAN	08/10/1983	2200/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4188	LƯƠNG TRUNG	KIÊN	24/12/1995	2511/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4189	TRẦN LÊ THIÊN	HUY	06/11/1997	2510/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4190	VÕ TRƯỜNG	AN	02/4/1983	2509/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4191	LÝ THỊ THÚY	AN	19/6/1986	2508/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4192	LÊ THỊ	TRANG	23/01/1996	1691/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4193	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	TRANG	02/4/1990	1278/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4194	HỒ THỊ THANH	NHƯ	20/5/1989	1591/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4195	NGUYỄN MAI THẢO	NGUYỄN	26/8/1982	709/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4196	NGUYỄN BẢO	THƯƠNG	09/11/1999	2507/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4197	LÊ VÕ TRIỀU	DƯƠNG	27/10/1994	2506/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4198	HỒ THỊ XUÂN	ĐÀO	06/10/1992	2505/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4199	LÂM THỊ	THU	15/11/1990	2504/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4200	PHAN THỊ YẾN	NGỌC	03/4/1997	2503/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4201	ẤN THÁI HUỶNH	AN	25/7/1985	2502/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4202	PHẠM THỊ NGỌC	HẠNH	08/12/1981	2501/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4203	NGUYỄN THỊ THÙY	DUYỄN	15/4/1990	2458/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4204	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	08/02/1989	2499/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4205	TRẦN THỊ CẨM	NHUNG	21/8/1991	2498/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4206	DƯƠNG THANH	HOÀI	10/6/1999	2497/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4207	NGUYỄN LONG	HIỂN	13/01/1993	2496/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4208	DƯƠNG THỊ KIM	TUYẾN	14/3/1996	2495/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4209	TRƯỜNG KIM	NGÂN	29/11/1992	2494/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4210	DƯƠNG THỊ HƯƠNG	DƯƠNG	01/01/1987	2493/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4211	PHẠM HỒNG	NHUNG	12/8/1981	2492/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Nhà thuốc
4212	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	25/6/1990	2491/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4213	HUỖN TRÚC	LINH	26/02/1998	2490/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4214	BÙI BẢO	NGUYỄN	20/3/1997	2489/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4215	LŨ NGỌC QUỐC	THÁI	18/4/1997	2488/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4216	NGUYỄN LÊ MAI	PHƯƠNG	19/01/1994	2487/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4217	TRƯỜNG NGUYỄN HOÀNG	HIẾU	19/01/1998	2486/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4218	VÕ THANH	LIÊM	11/11/1989	2485/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4219	PHẠM THỊ KIM	TIỀN	20/7/1994	145/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4220	TRẦN HỮU	NGHĨA	23/7/1990	2484/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4221	NGUYỄN THỊ KIM	THOÀ	17/01/1986	2483/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4222	LÊ MINH	KHÁI	11/01/1992	2482/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4223	NGUYỄN THỊ	LY	14/02/1984	2481/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4224	LÊ MINH	THƯ	14/5/1997	2480/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4225	TRƯỜNG HUỖNH	THƯ	13/7/1999	2479/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4226	NGUYỄN YẾN	LINH	14/8/1999	2478/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4227	TRẦN THỊ THANH	TRANG	31/01/1978	2477/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4228	NGUYỄN HOÀNG	TÂM	06/11/1992	2476/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4229	LÊ THỊ KIỀU	HOANH	01/01/1992	2475/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4230	TRƯỜNG THỊ THU	NGA	10/6/1992	2474/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4231	PHAN THỊ THANH	TUYÊN	24/8/1975	2473/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4232	LÂM NGỌC	QUÝ	28/12/1987	2472/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4233	LÊ THỊ HUỖNH	TRÚC	05/6/1969	2471/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4234	LÊ THÁI	PHONG	02/11/1984	2470/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4235	PHẠM THỊ KIỀU	OANH	30/5/1983	2469/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4236	LÂM BẢO	NGỌC	20/5/1993	217/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4237	TRẦN THỊ THU	TRANG	26/6/1982	1002/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4238	TRẦN THỊ THỦY	MỸ	03/6/1996	2468/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4239	TRƯỜNG THỊ DIỄM	TRINH	01/12/1996	2467/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã
4240	LÝ TUẤN	KIỆT	01/8/1997	2466/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4241	PHẠM THỊ THẢO	QUYÊN	04/9/1997	2465/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4242	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	18/4/1995	2464/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4243	TRẦN MINH	TUẤN	01/01/1998	2463/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4244	PHAN VĂN	Y	16/3/1979	2462/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4245	NGUYỄN NGỌC	KHÁI	09/7/1976	2461/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4246	NGUYỄN THỊ	HẢO	10/9/1980	2437/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4247	HOÀNG NAM	LONG	01/11/1997	2460/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4248	TRẦN ĐẶNG KIM	TÂM	26/9/1986	2459/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4249	NGUYỄN THỊ CẨM	TIÊN	19/02/1997	2457/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4250	MAI THANH	MỸ	26/11/1978	2456/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4251	LÊ THỊ	PHUƠNG	13/02/1965	2455/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4252	MAI NGUYỄN KIM	NGÂN	15/02/1997	2454/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4253	HUỶNH NGUYỄN NHƯ	NGỌC	17/01/1997	2453/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4254	LÊ NGUYỄN THANH	TRANG	20/9/1970	2452/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
4255	PHẠM TRỌNG	TÂN	19/3/1997	2451/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4256	MAI THỊ TUYẾT	LAN	03/5/1977	2450/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4257	CHÂU THANH	HẰNG	24/4/1995	2449/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4258	NGUYỄN HOÀI QUỲNH	ANH	17/4/1996	2448/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4259	LÊ NHƯ	Ý	26/02/1997	2447/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4260	NGUYỄN THỊ DIỄM	MI	15/4/1990	2446/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4261	PHẠM NGUYỄN ÁNH	NGỌC	01/01/1977	2445/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4262	NGUYỄN THỊ KIM	TUYÊN	06/9/1993	243/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4263	NGUYỄN THÀNH	HIỆP	10/5/1970	202/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4264	PHẠM TRẦN HỮU	LÊ	05/01/1997	2643/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4265	VÕ THỊ BÍCH	DUYỀN	07/7/1999	2642/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4266	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	20/5/1984	2641/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc.
4267	TRẦN THỊ	QUÍ	06/5/1982	2640/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
4268	NGUYỄN VĂN	CHIẾN	01/01/1987	2347/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc
4269	ĐỒNG NGUYỄN TƯỜNG	VY	09/4/1993	474/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
4270	LÊ DƯƠNG	LỘC	04/9/2000	2639/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4271	NGUYỄN KIỀU	HOA	12/3/1995	2638/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4272	NGUYỄN CHÍ	THANH	25/11/2000	2637/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4273	HUỶNH MAI	TRANG	03/02/1996	2636/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4274	TRẦN THANH	HUYỀN	17/01/1987	2635/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4275	TRẦN HỮU	PHÚC	06/01/1997	2634/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4276	NGUYỄN HOÀNG THẢO	OANH	04/3/1995	2633/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4277	HUỶNH CHÍ	HIẾU	11/9/1974	2632/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc.
4278	HUỶNH PHƯƠNG	THẢO	27/01/1993	758/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4279	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THANH	06/11/1999	2631/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4280	TRẦN CÔNG	THỨC	20/11/1989	2630/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4281	NGUYỄN TÁT	ĐẠT	04/10/1988	2629/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4282	LƯU THỊ KIM	YẾN	01/01/1986	2628/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4283	NGUYỄN THỊ ĐIỂM	THÚY	14/02/1997	2627/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4284	NGUYỄN THỊ KIM	CƯỜNG	19/7/1998	2626/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4285	TRẦN KIM	HẠNH	20/01/1984	2625/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4286	NGUYỄN MINH	THIỆN	11/11/1984	2624/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4287	NGUYỄN THỊ CẨM	THANH	31/7/1983	2623/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4288	VÕ ĐÔNG	SỐ	20/10/1984	2622/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã
4289	LÊ QUỐC	HẢI	22/8/1984	2621/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4290	QUÁCH THỊ MINH	THƯ	10/10/1996	2620/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4291	BÙI LÊ LAN	ANH	10/7/2000	2619/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4292	VÕ NGỌC LAM	UYẾN	27/9/1992	2222/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4293	VÕ NGUYỄN TRÚC	ĐÀO	18/01/1995	2618/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4294	TRẦN THỊ HỒNG	DIỄM	29/11/1999	2617/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4295	TRỊNH CÔNG	MINH	29/01/1992	2616/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4296	TỔNG THỊ KIM	PHỤNG	24/12/1982	2615/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4297	NGUYỄN THỊ	QUYÊN	16/9/1989	2614/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4298	NGÔ THẢO	NGỌC	24/3/1995	2613/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4299	TỔNG THỊ HƯƠNG	GIANG	19/01/1997	2612/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4300	NGUYỄN VIỆT	QUÂN	19/11/1997	2611/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4301	NGUYỄN HUỶNH ÁI	NHƯ	05/9/1995	2610/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4302	LÊ THỊ THÙY	DUNG	05/5/1991	2609/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4303	NGUYỄN THỊ	KHÍCH	02/6/1986	2608/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4304	BÙI NGỌC	DUYÊN	30/12/1991	1460/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4305	ĐOÀN THỊ	TRÂM	01/12/1992	1305/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4306	TRẦN THỊ NGỌC	HÀ	07/01/1989	787/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4307	NGUYỄN THỊ THANH	THÙY	15/9/1987	614/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4308	NGUYỄN TUẤN	TÚ	23/10/1982	97/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4309	HUỶNH THỊ NGỌC	BÍCH	17/9/1990	74/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4310	LÊ THANH	SANG	11/3/1983	2607/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4311	PHAN THỊ	PHƯƠNG	10/01/1982	2606/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4312	NGUYỄN HỮU	THÁI	24/4/1999	2605/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4313	TRẦN LÊ ANH	THƯ	07/11/1996	2604/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4314	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	15/4/2000	2603/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4315	TRẦN THỊ NGỌC	DUNG	16/10/1989	2602/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4316	LÊ THỊ	ĐÌNH	03/12/1976	1037/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4317	CHÊ THỊ PHƯƠNG	LINH	16/8/1984	2601/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4318	NGUYỄN ĐÌNH	PHÚC	15/01/1994	2600/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4319	MÃ	NGUYỄN	07/6/1995	2599/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4320	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	28/9/1994	2598/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4321	NGUYỄN THỊ TRÚC	PHƯƠNG	25/7/1992	2597/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4322	VÕ THỊ MINH	THƯ	16/4/1999	2596/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4323	NGUYỄN THỊ HIỆP	NGỐN	28/11/1971	2595/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4324	NGUYỄN THỊ ĐIỂM	HẠNH	04/11/1991	2594/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4325	NGUYỄN THỊ	KIÊM	30/01/1983	2593/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4326	NGUYỄN THỊ DỊU	THANH	20/9/1990	2592/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4327	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	30/12/1992	183/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4328	TRẦN THỊ	ĐIỀU	20/8/1982	982/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4329	NGUYỄN THỊ	ĐẾN	11/12/1983	448/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4330	NGUYỄN THỊ HUỶNH	ANH	21/3/1971	2591/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4331	NGUYỄN THẢO	VY	28/01/1997	2590/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4332	ĐÌNH ĐẮC	LỘC	01/01/1997	2589/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4333	THÁI THỊ PHƯƠNG	THẢO	28/4/1966	2588/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4334	BÙI THỊ	HẠNH	03/01/1970	2587/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4335	HÀ NGUYỄN HOÀNG	DUY	21/3/1997	2586/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4336	LÊ CẨM	TIỀN	24/4/1992	2585/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4337	NGUYỄN THỊ MỘNG	TRINH	13/12/1994	2584/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4338	HUỶNH TRẦN XUÂN	HƯƠNG	10/10/1988	2583/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4339	NGUYỄN THỊ ĐIỂM	MY	22/6/1992	2582/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4340	LÊ NGUYỄN HOÀNG	PHƯƠNG	28/01/1991	2581/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4341	LƯƠNG THỊ MỸ	LINH	22/12/1981	841/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4342	VÕ THỊ TRÚC	UYÊN	03/7/2000	2580/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4343	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	24/4/1979	2579/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4344	LÊ VĂN	DƯƠNG	28/7/1978	979/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4345	TRẦN CHÊ	LINH	01/01/1981	980/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4346	LÊ HỒ HẢI	LÝ	17/9/1990	2578/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4347	NGÔ NGỌC QUYỀN	VĂN	15/12/1989	2577/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4348	PHAN THỊ	HẰNG	06/9/1997	2576/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4349	PHẠM QUỐC	THÁI	12/10/1997	2575/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4350	VÕ THỊ THÚY	LIÊU	07/7/1989	2574/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4351	NGUYỄN DƯƠNG TƯỜNG	VY	15/10/1996	2573/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4352	NGUYỄN THỊ HUỆ	TRÂM	18/02/1996	2572/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4353	TRẦN THỊ	THAO	12/5/1997	2571/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4354	PHẠM HỮU	THANH	13/3/1973	2570/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4355	TRẦN ÁI KIỀU	KHANH	30/5/1990	2569/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4356	NGUYỄN KIM	HUỆ	09/02/1989	2568/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4357	NGÔ THANH	NHÂN	01/01/1982	2567/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4358	NGUYỄN MINH	CHÂU	23/01/1989	2566/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4359	LÊ TRỌNG	NGHĨA	24/9/1991	2395/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4360	LÊ THỊ THU	TRÚC	15/6/1980	757/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4361	PHAN THỊ MAI	TRÂM	11/4/1983	1036/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4362	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	14/5/1997	2565/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4363	NGUYỄN THỊ THU	NGUYỄN	20/3/1993	2564/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4364	HUỶNH THỊ YẾN	NHI	19/6/1999	2563/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4365	ĐẶNG	PHÚC	19/10/1997	2562/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4366	PHẠM THỊ	THIỆT	28/11/1991	2561/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4367	LÊ ĐÀO MINH	TRÍ	08/7/1990	2560/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4368	PHAN MINH	TRUNG	25/11/1980	978/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4369	HUỶNH PHƯỚC	SANG	11/5/1981	575/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4370	DƯƠNG THỊ ÁI	MY	09/02/1994	209/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4371	ĐINH NGUYỄN MINH	TÂN	05/3/1994	1049/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4372	BÙI THỊ HUYỀN	TRẦN	10/7/1994	2559/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4373	NGUYỄN THỊ KIM	XUÂN	22/01/1991	2558/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4374	ĐÀO THỊ THÚY	NGÂN	14/02/1997	2557/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4375	TRẦN VĂN	QUỐC	03/4/1994	2556/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4376	NGUYỄN ĐĂNG	NGUYỄN	05/12/1997	2555/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4377	LƯU THỊ NGỌC	DUNG	02/11/1999	2554/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4378	THÁI HỮU	LỘC	20/8/1988	2553/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4379	HÀ THU	HUỶNH	11/3/1986	2552/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4380	NGUYỄN HỮU	THÀNH	07/02/1993	308/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4381	LÊ TRÍ	THỊNH	02/7/2000	2551/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4382	NGUYỄN ĐÀO MỘNG	HUYỀN	01/3/1996	2550/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4383	LÊ QUỐC	VIỆT	23/4/1993	2549/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4384	PHẠM VĂN	KHÂM	22/4/1991	2548/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4385	ĐẶNG THỊ	NỖ	22/02/1994	2547/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4386	NGUYỄN THỊ XUÂN	PHƯƠNG	03/6/1981	814/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4387	MAI THỊ THU	BA	18/5/1985	338/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4388	TRẦN THỊ	ĐÀO	01/5/1952	767/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
4389	VÕ THANH	LIÊM	17/12/1995	1006/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4390	HUỶNH THUY	TIÊN	03/9/1997	2546/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4391	VĂN THỊ THẢO	SƯƠNG	13/9/1997	2545/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4392	NGUYỄN HOÀNG ĐÌNH	YẾN	09/12/1990	2544/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4393	LÊ THỊ	XUÂN	19/9/1986	2543/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4394	TRẦN THỊ	LIÊN	01/01/1975	2542/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4395	NGUYỄN ANH	TUẤN	20/01/1990	2541/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4396	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	12/02/1966	254/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4397	NGUYỄN NGỌC VÂN	KHANH	06/7/1996	2752/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4398	NGUYỄN THANH	TUẤN	16/4/1991	2751/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4399	PHAN THỊ MỘNG	XUYỀN	24/4/1990	2750/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4400	TRƯƠNG VĂN ĐỀ	ANH	25/02/1973	2714/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4401	NGUYỄN CHÍ	LINH	13/02/1991	287/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4402	HUỶNH THỊ KIM	THẢO	02/6/1983	1112/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4403	TRẦN KIM	ANH	28/8/1997	2749/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4404	NGUYỄN THỊ THANH	GIANG	09/01/1980	2748/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4405	PHAN THỊ LAN	ANH	06/12/1999	2747/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4406	BÙI NGUYỄN XUÂN	PHƯƠNG	14/02/1996	2746/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4407	CAO HOÀNG PHƯƠNG	ANH	19/5/1998	2745/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4408	VÕ THỊ KIM	LIÊN	09/9/1986	2744/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4409	NGUYỄN NGỌC ÁNH	TUYẾT	29/10/1990	2743/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4410	NGUYỄN HÌNH NGỌC	THANH	18/9/1990	2742/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4411	ĐỖ THANH	SANG	18/12/1977	2741/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
4412	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẠNH	08/10/1996	1659/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4413	HUỶNH THỊ TÚ	TRINH	01/10/1998	2740/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4414	HUỶNH LÊ KIM	QUYÊN	19/5/1998	2739/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4415	LÊ THỊ KIM	XUÂN	22/11/1995	2738/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4416	MAI XUÂN	THÙY	30/9/1992	2737/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4417	PHẠM THỊ HOÀNG	NƯỜNG	26/02/2000	2736/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4418	NGUYỄN KIM	DUYÊN	27/9/1997	2735/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4419	PHAN THÁI DƯƠNG	HUYỀN	03/11/1983	2734/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4420	VÕ THỊ DIỆU	THẢO	24/12/2000	2733/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4421	BÙI THẾ	TRUNG	04/5/1949	2732/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
4422	LÊ THỊ	THÀNH	11/7/1988	2731/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4423	NGUYỄN THỊ	NHÂN	24/02/1983	2730/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4424	PHẠM LÊ	HUÊ	26/6/1999	2729/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4425	NGUYỄN THANH	VŨ	08/01/1988	537/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4426	TRẦN THỊ KIỀU	HẠNH	10/4/1983	124/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4427	HUỶNH THỊ KIM	NGỌC	25/8/1983	577/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4428	NGUYỄN THỊ DIỄM	TRINH	25/7/1994	330/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4429	NGUYỄN VĂN QUÍ	EM	01/01/1986	1307/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4430	PHAN THỊ MINH	THƯ	16/3/1997	2728/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4431	NGÔ THỊ	ÚT	06/01/1985	2727/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4432	NGUYỄN HOÀNG	GIANG	15/02/1988	2726/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4433	VÕ THÀNH	NGUYỄN	04/02/1963	2725/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4434	ĐẶNG THỊ THANH	THÚY	22/4/1992	220/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4435	NGUYỄN HIẾU	NGHĨA	03/02/1994	952/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4436	HỒ VŨ	EM	16/02/1989	2247/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4437	TÀO LÊ QUANG	MINH	16/7/1982	1562/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4438	HUỶNH THỊ NGỌC	PHÚC	09/4/1994	2724/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4439	ĐỖ THỊ	THOẠI	20/9/1995	2723/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4440	HỒ NGUYỄN VĂN	PHÁT	16/10/1997	2722/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4441	LÊ TRẦN THÙY	TRANG	12/11/1995	2721/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4442	NGUYỄN THANH	XUÂN	15/02/1997	2720/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4443	ĐOÀN TUẤN	VŨ	01/01/1993	2719/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4444	LÊ THỊ HỒNG	HÀ	12/4/1995	2718/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4445	ĐỖ THỊ CẨM	THU	26/01/2000	2717/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4446	LƯU THỊ	NHI	26/9/1999	2716/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4447	ĐOÀN DUY	PHƯƠNG	22/11/2000	2715/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4448	NGUYỄN THỊ KHÁNH	VÂN	14/11/1990	1273/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4449	TRƯỜNG THỊ CẨM	THI	20/8/1991	2713/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4450	VÕ THỊ KIỀU	NGÂN	11/12/1983	2712/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
4451	PHẠM THANH THẢO	UYÊN	08/5/1982	2711/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4452	NGUYỄN LÊ THU	HÀ	02/10/1975	2710/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4453	ĐÀO THỊ THÙY	TRANG	29/11/1981	2709/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4454	NGUYỄN VĂN	DÀO	22/01/1982	2708/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4455	NGUYỄN THỊ	LIÊN	01/02/1985	2707/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4456	LÊ THỊ HUỖNH	NHƯ	15/6/1997	2706/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4457	THẠCH THỊ NGỌC	TRẦN	08/02/1997	2705/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã
4458	NGUYỄN TẤN	HỮU	04/6/1997	2704/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4459	TRẦN THANH	TRÚC	10/10/1995	2703/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4460	TRẦN VĂN	GỠI	26/02/1983	2702/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4461	MAI LAN	THANH	16/10/1992	154/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã
4462	VƯƠNG THỊ THẢO	UYÊN	28/5/1984	2701/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4463	NGUYỄN THỊ BẢO	HUYỀN	18/4/1999	2700/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4464	NGUYỄN KHƯƠNG	DUY	24/12/1996	2699/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4465	LÊ ĐỖ XUÂN	UYÊN	22/11/1989	2698/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
4466	HỒ NGỌC BÍCH	CHÂU	28/4/1997	2697/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4467	NGUYỄN THÚY	VÂN	01/01/1979	2696/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4468	HỒ THỊ MỸ	KIM	16/7/1987	2695/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4469	NGUYỄN TRẦN KHƯƠNG	DUY	13/9/2000	2694/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4470	HỒ THỊ MỸ	TIÊN	04/02/2000	2693/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4471	TRẦN ĐỨC	THỊNH	20/12/2000	2692/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4472	NGUYỄN THU	THANH	08/3/2000	2691/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4473	VÕ THỊ NHƯ	THẢO	02/12/1996	2690/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4474	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	03/4/1999	2689/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4475	NGÔ TẤN	PHƯƠNG	10/6/1985	2688/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4476	LÊ THỊ KIM	SƯƠNG	29/4/2000	2687/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4477	NGUYỄN PHẠM BẢO	UYÊN	12/6/1997	2686/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4478	HỒ THỊ MỸ	LINH	16/02/1989	2685/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4479	TRẦN MINH	HIẾU	12/8/1996	2684/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4480	VÕ THỊ NGỌC	HUYỀN	08/5/1999	2683/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4481	NGUYỄN THÀNH TÔ	NI	08/4/1999	2682/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4482	TRẦN THỊ NGỌC	HIỀN	10/5/1990	2681/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4483	NGUYỄN QUỲNH	HOA	07/4/2000	2680/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4484	NGUYỄN MINH	TUYỀN	12/5/1995	2679/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4485	NGUYỄN THỊ THANH	LAN	17/01/1973	2678/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4486	VÕ BẢO	NHI	01/8/1999	2677/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4487	LÊ THỊ THANH	TRÚC	05/02/1997	2676/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4488	HUỶNH QUANG	ĐÔNG	13/02/1998	2675/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4489	NGUYỄN KIỀU	LOAN	05/6/1990	2674/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4490	PHAN THỊ	CHI	29/11/1988	769/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4491	TRẦN THỊ	THÚY	01/01/1991	2673/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4492	LÊ HỒNG	NGA	21/9/1990	2672/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4493	MAI THỊ THANH	DIỆU	27/9/1992	2671/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4494	ĐẶNG THỊ HẠNH	NGUYỄN	01/01/1996	2670/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4495	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	08/8/1999	2669/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4496	NGUYỄN THỊ HẰNG	NI	04/12/1988	2668/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4497	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	HẠNH	02/12/1988	2667/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4498	NGUYỄN THỊ HUỶNH	NHƯ	19/5/1995	2666/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4499	ĐÀM QUANG	VINH	23/02/1982	2665/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4500	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	20/9/1986	2664/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4501	TRỊNH ĐỨC	HÙNG	06/6/1960	2663/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4502	LÊ ĐỨC	TÀI	19/9/1978	1072/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4503	NGUYỄN THỊ CẨM	XUYẾN	10/3/1993	986/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4504	NGUYỄN THỊ XUÂN	TƯỚI	09/9/1985	2662/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4505	HUỶNH CẨM	HƯỜNG	22/4/2000	2661/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4506	NGUYỄN MINH	CHÁNH	20/02/1998	2660/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4507	LÝ THỊ KIM	PHỤNG	01/01/1998	2659/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4508	NGUYỄN MINH	NGỌC	29/6/1999	2658/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4509	NGUYỄN KIỀU	PHƯƠNG	04/4/1987	2657/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4510	TRẦN LỘNG	NGỌC	03/8/1996	2656/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4511	PHẠM LÊ BẢO	MINH	13/4/1997	2655/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4512	TRẦN THỊ MAI	HÀ	19/8/1997	2654/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4513	NGUYỄN THỊ NGỌC	NHỚ	04/4/1991	2653/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4514	NGUYỄN THỊ ĐIỂM	PHƯƠNG	27/3/1992	2652/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4515	NGUYỄN NGỌC THANH	SƠN	04/6/1968	2651/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc.
4516	HUỶNH CHÍ	HẬU	20/12/1968	1486/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4517	NGUYỄN THỊ BẢO	YẾN	01/01/1993	456/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4518	NGUYỄN NGỌC	TRÂM	21/6/1985	1140/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4519	TRẦN NHỰT	LINH	27/4/1997	2650/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4520	VÕ THỊ HỒNG	NGA	18/9/1998	2649/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4521	ĐÀO THỊ THÚY	TIÊN	10/01/1999	2648/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4522	DƯƠNG THÚY	VÂN	20/3/1991	2647/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4523	NGUYỄN NAM	THUẬN	21/12/1988	2646/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4524	TRẦN THỊ	NHÚT	30/8/1980	2645/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4525	ĐẶNG HUỶNH	NHƯ	12/10/1985	2644/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4526	CAO TÙNG	BÁCH	16/8/1987	2796/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4527	ĐOÀN THỊ	NGỌC	01/11/1996	2795/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4528	LÊ THỊ TUYẾT	MAI	10/3/1993	2794/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4529	ĐINH NGỌC	TRÂM	15/10/1997	2793/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4530	ĐẶNG THỊ DIỄM	HỒNG	08/5/1988	2792/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4531	NGUYỄN THỊ THÚY	LIÊU	22/7/1993	2791/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4532	HUỶNH VĂN	BẮC	10/11/1967	2790/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4533	ĐỖ THỊ THÚY	LOAN	29/10/1991	2789/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4534	ĐẶNG VĂN	ÚT	28/01/1974	1296/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4535	NGUYỄN BÌNH	TRÍ	18/7/1985	943/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã
4536	HÀ THỊ KIM	HOÀNG	20/6/1992	2788/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4537	TRẦN KIỀU	PHƯƠNG	11/11/1996	2787/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4538	THẠCH THƯỢNG	TÍN	19/3/1998	2786/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4539	PHẠM KIM	THÀNH	10/01/1995	2785/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4540	ĐOÀN HOÀI	NAM	12/01/1986	2784/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4541	MAI TRUNG	NGHĨA	21/9/1999	2783/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4542	NGUYỄN THỊ BẢO	TRẦN	20/3/1999	2782/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4543	LÊ THỊ DIỄM	MY	18/10/1992	2781/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4544	HOÀNG THỊ MỸ	DUYÊN	19/8/1997	2780/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4545	PHAN THỊ BĂNG	TRINH	13/5/1981	2779/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4546	ĐOÀN VĂN	ĐA	24/4/1964	2778/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4547	HỒ THỊ	SEN	30/01/1997	895/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4548	ĐẶNG THỊ TƯỜNG	DUY	17/12/2000	2777/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4549	NGUYỄN THỊ THẠCH	THẢO	25/6/2000	2776/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4550	THÁI THỊ HUỖNH	NHƯ	25/10/1997	2775/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4551	LA TẤN	KIỆT	08/8/2000	2774/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4552	LƯU THỊ KIỆU	TRINH	22/8/2000	2773/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4553	NGÔ THỊ PHƯƠNG	THANH	05/7/1995	2772/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4554	HUỖNH THỊ	PHÚC	03/12/1981	2771/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4555	LƯU THỊ THÚY	HẰNG	02/3/1981	2770/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4556	NGUYỄN THỊ NHẬT	TIÊN	10/7/1986	92/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
4557	PHẠM MINH	QUÍ	02/11/1990	140/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4558	TRẦN HOÀNG	THIỆN	06/10/1998	2769/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4559	NGUYỄN THỊ	ÚT	25/10/1983	2768/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4560	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	13/02/2000	2767/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4561	TRẦN THỊ LAN	DUYÊN	30/7/1997	2766/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4562	ĐOÀN PHÚ	ĐỨC	01/01/1991	2765/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4563	NGÔ THỊ NGỌC	TRÂM	12/7/1997	2764/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4564	ĐỖ THỊ CẨM	NHI	07/8/1999	2763/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4565	NGUYỄN PHAN PHÚ	QUÍ	06/02/1997	2762/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4566	PHẠM THỊ THÙY	TRANG	11/6/1987	2761/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4567	TRẦN MINH	THƯ	07/9/1990	2760/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4568	QUANG THỊ KIM	PHÍ	04/3/1995	1185/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4569	PHẠM THỊ TƯỜNG	VÂN	18/01/1998	2759/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4570	HẰNG NGỌC TUYẾT	TRÂM	13/3/1991	2758/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4571	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	27/10/1986	2757/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4572	LÊ THỊ KIM	NGỌC	01/01/1989	2756/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4573	PHẠM THỊ MAI	CHI	15/12/1993	2755/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4574	NGUYỄN VĂN	SĨ	05/8/1977	2754/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4575	TRẦN THỊ	PHƯỚC	11/02/1984	2753/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4576	ĐẶNG THỊ ANH	THƯ	09/4/1995	1863/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4577	TỪ THỊ CẨM	TIÊN	15/8/1993	531/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4578	TRẦN NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	28/5/1997	2824/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4579	LÊ TUẤN	ANH	16/11/1999	2823/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4580	THÁI PHƯỢNG	HẰNG	24/12/1990	2822/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4581	HỒ HOÀNG	NGUYỄN	01/01/1998	2821/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4582	KHÔNG THỊ MINH	ĐÀI	20/11/1992	2820/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4583	LÊ THỊ TRANG	EM	24/7/1988	2819/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4584	LÊ ĐỨC	LONG	16/10/1996	2818/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4585	BÙI THỊ CẨM	HOÀI	20/5/1990	2817/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4586	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	29/12/1987	2816/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4587	LÊ THỊ	THẨM	01/01/1977	2815/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
4588	TRANG THỊ NGỌC	TÂM	23/01/1986	2814/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4589	ĐỖ TẤN	TÀI	19/10/1967	2813/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
4590	ĐẶNG THỊ THANH	THỦY	05/12/1987	2812/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
4591	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	01/9/1993	2811/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4592	VÕ NGỌC	BÍCH	06/4/1985	2810/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4593	TRẦN VĂN	NU	01/01/1982	671/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4594	TRẦN THỊ TUYẾT	HẰNG	16/11/1988	198/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4595	MAI THỊ NHƯ	NGỌC	30/9/1998	2809/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4596	LÊ THỊ Á	TIÊN	24/4/1997	2808/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4597	TÔN THỊ KỶ	DUYÊN	19/8/1997	2807/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4598	PHAN ĐOÀN THANH	VY	04/8/1991	2806/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4599	LÊ THỊ DIỄM	MY	02/6/1997	2805/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4600	HUỶNH NGỌC	THƯ	05/11/1998	2804/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4601	LÊ THỊ THU	THẢO	27/5/1994	2803/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4602	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHI	04/7/1995	2802/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4603	HUỶNH TRÂM HUYỀN	TRẦN	24/10/1995	2801/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4604	LÊ THỊ THỦY	TRANG	06/6/1987	2800/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4605	PHẠM THỊ BÍCH	TRÂM	10/5/1985	1370/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4606	ĐỖ THỊ BÍCH	NGUYỆT	03/02/1982	141/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4607	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẢO	07/12/1989	2799/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4608	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	21/6/1994	2798/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4609	LÊ THỊ TÂM	NHI	23/9/1999	2797/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4610	NGUYỄN NGỌC ANH	PHƯƠNG	14/9/1994	1699/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4611	NGUYỄN THÁI	THỌ	16/12/1987	43/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4612	TRƯƠNG THỊ MỸ	HUYỀN	12/11/1998	1865/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4613	LÊ HOÀNG	TÂM	14/4/1987	2859/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4614	PHAN THỊ HUYỀN	THI	20/11/2000	2858/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4615	ĐẶNG THỊ HỒNG	NGÂN	19/8/1984	484/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4616	MAI THỊ	THẨM	01/01/1976	504/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4617	NGUYỄN THỊ PHƯỚC	HUỆ	05/11/1994	909/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4618	ĐẶNG ĐÌNH HUY	MẢN	17/10/2000	2857/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4619	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	25/3/1993	2856/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4620	ĐÌNH THỊ NHƯ	NGỌC	20/6/1997	2855/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4621	NGUYỄN THỊ	TRINH	04/6/1991	2854/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4622	HUỶNH THỊ BÍCH	PHỤNG	17/10/1989	2853/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4623	LÊ THỊ	MỸ	29/10/1980	2852/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4624	NGUYỄN THẾ	PHI	30/10/1961	2851/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4625	TRẦN THỊ ANH	THƯ	01/11/1994	2850/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4626	PHẠM THỊ NGỌC	ÁI	29/6/1994	1211/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4627	NGUYỄN VĂN	THUẬN	13/11/1979	325/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4628	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	09/4/1996	652/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4629	NGUYỄN THỊ MỸ	LAN	14/01/1994	1171/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4630	NGUYỄN THỊ THU	CÚC	08/02/1966	501/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4631	VÕ TRẦN	CHÍ	06/11/1993	384/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4632	TRẦN MINH	THƯ	27/7/1996	2849/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4633	NGÔ QUANG	HÙNG	20/12/1991	2848/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4634	PHAN VĂN TUẤN	KIỆT	17/3/2000	2847/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4635	VÕ THỊ HUỶNH	GIAO	22/02/1985	2846/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4636	NGUYỄN LÊ KHÁNH	AN	02/9/1994	2845/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4637	HUỶNH THỊ THÚY	LOAN	23/4/1982	2844/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4638	NGUYỄN THỊ MỸ	HƯỜNG	21/7/1977	2843/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4639	NGUYỄN THỊ TRÚC	LINH	20/02/1980	2842/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4640	LÊ THỊ HỒNG	GẮM	18/6/1986	469/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4641	HUỶNH THỊ DƯƠNG	LINH	10/7/1984	1172/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4642	TRƯƠNG TUẤN	KIỆT	06/02/2000	2841/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4643	UNG THỊ	THAO	16/02/1991	2840/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4644	NGUYỄN MINH	VƯƠNG	28/9/1988	2839/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4645	TRẦN KIỀU	MY	19/8/1996	2838/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4646	BÙI ĐỨC	HẠNH	02/5/1985	2837/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4647	NGUYỄN THỊ	NHÂN	09/01/1997	2836/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4648	NGUYỄN THỊ ĐIỂM	TRANG	19/4/1984	2835/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4649	HUỶNH THỊ SEN	HỒNG	15/8/1988	1362/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4650	LÊ THỊ	TIỀN	15/9/1995	2124/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4651	LÊ THỊ NGỌC	NHƯ	15/5/1995	328/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4652	TRƯƠNG SƠN	VŨNG	08/6/1991	357/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4653	HỨA PHÚC	ANH	05/8/1993	1023/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4654	NGHIÊM VĂN	HAI	02/5/1974	2834/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4655	TRẦN THỊ XUÂN	YẾN	27/9/1997	2833/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4656	LÊ THANH	VIỆT	22/12/1986	2832/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4657	NGUYỄN THỊ THỦY	TRANG	19/02/1985	70/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4658	NGUYỄN THỊ MỘNG	LIÊN	18/6/1999	2831/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4659	TRẦN THỊ THU	DUYÊN	25/02/1990	2830/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4660	LÊ DIỄM PHÚC	ẤN	23/12/1998	2829/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4661	HUỶNH ĐỨC	ĐẠT	01/8/1985	2828/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4662	NGUYỄN THIÊN	PHƯỚC	12/6/1991	2827/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4663	LÊ THỊ	THO	20/4/1988	2826/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4664	NGUYỄN THÀNH	PHÚ	14/4/1984	2825/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4665	VÕ THỊ NHƯ	THẢO	20/6/1983	565/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4666	NGUYỄN THỊ THỦY	TRANG	01/7/1984	1280/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4667	NGUYỄN PHƯỚC	HẬU	02/01/1986	801/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4668	NGUYỄN THỊ NGỌC	NHỚ	30/10/1986	1259/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4669	NGUYỄN THỊ	THẨM	28/02/1985	143/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã